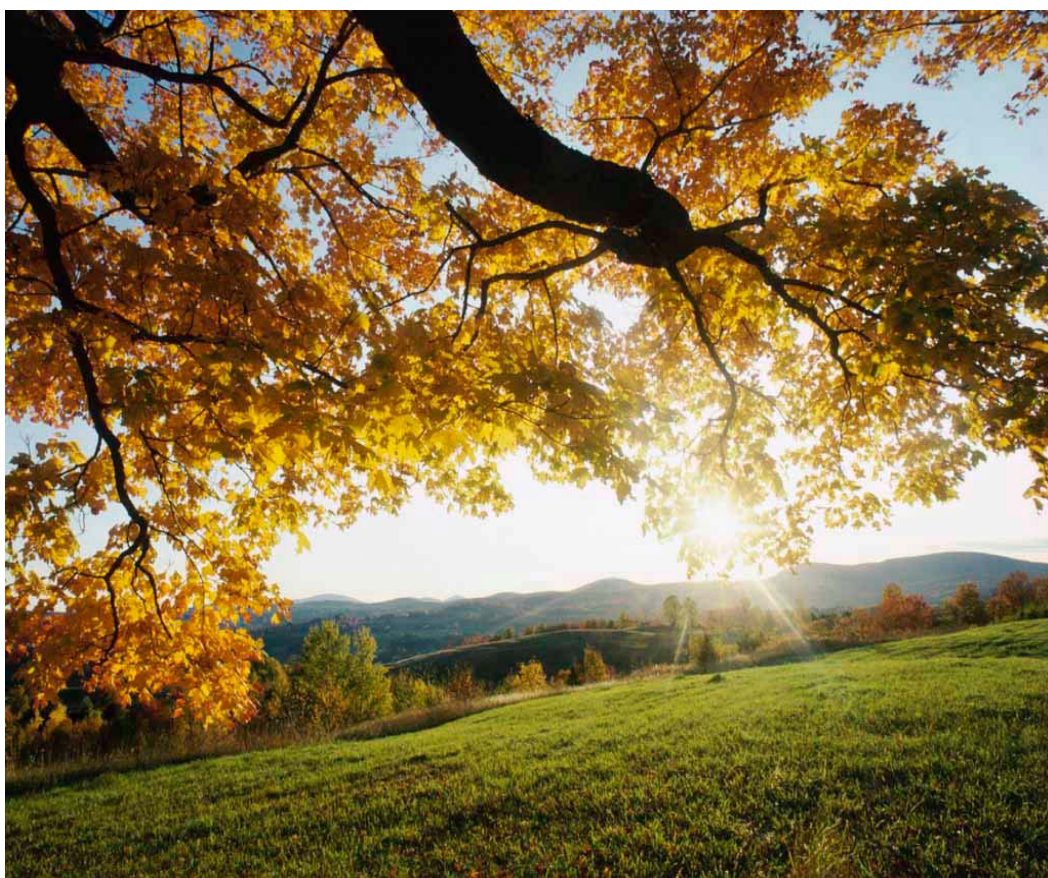


Ngô Thị Giáng Uyên

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương



WWW.VNTHUQUAN.NET, 2008.

Ngô Thị Giáng Uyên

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Những câu chuyện kể của Uyên

Du ký Châu Âu

Có một cô gái Việt Nam nhỏ nhắn, chiếc kính trắng trông vừa thông minh vừa nghịch ngợm trên khuôn mặt có đôi chút trẻ thơ. Cô gái trông chỉ ngoài tuổi đôi mươi ấy có cái duyên may mà bao người ao ước: được rong ruổi đó đây ở nhiều xứ sở xa xôi. Trên những chặng đường đi qua, cô khám phá không chỉ vẻ đẹp mê đắm của thiên nhiên, sự quyến rũ của những công trình kiến trúc cổ xưa, mà còn khám phá cả những món ăn thức uống ngon lành và hấp dẫn. Nhưng cô không thụ hưởng riêng cho mình mà kể lại cho nhiều người những ngọt ngào đã nếm, những xúc cảm đã trải qua bằng bài viết và hình ảnh. Độ đôi ba năm trở lại đây, tên cô xuất hiện khá đều trên nhiều báo và tạp chí. Một cái tên cũng khiến người ta dễ nhớ khi từng biết đến.

Khi đọc một vài bài đầu tiên của Ngô Thị Giáng Uyên gửi về từ Châu Âu hơn hai năm trước, lúc cô đang du học bên Anh, thật tình tôi không nghĩ đó là của một người trẻ như vậy. Uyên viết gần như hoàn chỉnh, những hình ảnh và màu sắc được cô diễn đạt giống như một đoạn phim tư liệu quay khéo, với “cái tôi” - cảm xúc thật rung động.

Trong số những câu chuyện kể của Uyên mà tôi rất thích có Ăn Ý. Một cái tựa báo thật khéo, ngắn gọn mà súc tích, hàm chứa cả sự khoái khẩu của người viết với các món ăn đặc trưng của xứ Ý. Không riêng những bài chỉ viết về ẩm thực, trong nhiều bài viết của Giáng Uyên cô thường kể chuyện ăn uống xứ người. Dường như khi nói đến các món ăn thì tác giả trở nên thật hào hứng. Mà đâu chỉ các bài trong du kí Châu Âu. Trong tạp bút Quê quán tôi xưa gửi về từ Anh (đăng trên Tuổi Trẻ Cuối Tuần), Những hồi ức của Uyên về chén cơm nguội với cá cơm kho tiêu thật cay, rồi món bánh căn và tô bánh canh cá dầm sao mà ý nhị, sao mà da diết!

Ngô Thị Giáng Uyên là hình ảnh khá tiêu biểu của một lớp trẻ có học vấn, có tri thức, biết nắm lấy những cơ hội. Cô cựu sinh viên Đại học Ngoại Thương ấy từng làm việc cho một công ty lớn của nước ngoài, và là người miền Nam duy nhất nhận được học bổng Chevening năm học 2004-2005 để sang Anh học MBA tại đại học Southampton.

Thời gian sống và học tập ở Anh cũng là lúc Giáng Uyên có những chuyến đi đến nhiều đất nước ở Châu Âu. Có lẽ đó cũng là thời gian cô viết được nhiều nhất Tập sách này mới chỉ là một phần trong những câu chuyện kể thật sống động của Uyên.

NGUYỄN TRỌNG CHỨC
(thư ký tòa soạn báo Tuổi Trẻ Cuối Tuần)

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Lời cảm ơn.

Trước hết, xin được gửi lời cảm ơn chân thành đến những tổ chức đã trao cho tôi các học bổng tham dự các hội nghị quốc tế, đặc biệt là hội đồng Anh, Đại sứ quán và Tổng lãnh sự Anh tại Việt Nam với chương trình học bổng British Chevening, nhờ đó tôi đã có được những chuyến đi đáng nhớ cho những trang viết của cuốn Du ký Châu Âu này.

Cảm ơn tử sách Tuổi Trẻ và những nhà báo đã nhiệt tình giúp đỡ tôi trong việc viết và giới thiệu “ Ngón tay mình còn thơm mùi oải hương”.

Cảm ơn Alastair Warren, bạn thân nhất suốt thời gian du học Anh, đã “rong ruổi” cùng tôi ở Hà Lan, Thụy Điển, Thụy Sĩ và cả những nẻo đường miền Nam nước Anh. Cảm ơn Daniel Eherer, bạn trai cũ cũng là người đồng hành ở Thụy Sĩ, Anh, Áo, Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Hi Lạp. Cảm ơn gia đình Lynett và Bruce Jackson ở London, Fiona Watson ở Manchester, đã “cru mang” tôi những ngày mới đến Anh còn bỡ ngỡ.

Tôi không kể hết được ở đây tên những người đã giúp đỡ tôi trong những chuyến đi xa. Dù tên các bạn có được nhắc đến trong cuốn sách hay không, cũng mong các bạn nhận lấy từ tôi lòng biết ơn sâu sắc.

Tất nhiên lời cảm ơn lớn nhất xin được dành cho gia đình tôi, đặc biệt là mẹ: Trần thị Hiệp và chị Ba: Ngô Thị Thùy Vy, những người

luôn dõi theo và “cổ vũ” từng bước đi của tôi trong cuộc sống.

Gửi đến các bạn độc giả của “*Ngón tay mình còn thơm mùi oải hương*”: dù bạn đã từng sống ở Châu Âu nhiều năm hay chưa bao giờ đặt chân đến, hy vọng bạn cũng sẽ sống cùng tôi những ngày tháng vừa êm đềm vừa sôi nổi ở nơi này, những ngày tháng rất thật thời tuổi trẻ của tôi.

25-1-2007
(viết nhân dịp tái bản lần thứ nhất)

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Đi uống cà phê

Những ngày học cấp hai, tôi thường rất khoái những ngày được mẹ chở đi chợ cách nhà bốn cây số để hí hửng cầm tờ tiền mới được cho chạy một mạch đến quầy nước đối diện hàng vải, gọi một ly cà phê sữa mịn màng rồi thích thú dùng muỗng khuấy đá bào (thường chiếm tỉ lệ áp đảo trong ly) cho cà phê trộn sữa Ông Thọ sủi bọt lên, nhắm nháp thử thức uống vừa đắng, vừa ngọt, vừa béo ngậy thơm lừng. Ai thấy cũng bảo mẹ tôi: “Sao nó còn nhỏ mà cho nó uống cà phê dữ vậy?”, nhưng mẹ tôi cười: “ Kệ, nó thích cứ để nó uống”.

Có lẽ cũng vì những ngày “nó thích cứ để nó uống” đó mà bây giờ đi đâu tôi cũng lân la muốn biết cà phê xứ đó ra sao, có khi sợ mất ngủ không dám uống cà phê cũng vào quán gọi món khác, nhìn không khí quán và người qua lại.

Khi còn đi học ở Anh, nhà tôi ở có một anh bạn người Ailen tên Paddy. Anh chàng này khá luộm thuộm và hay làm hai đứa con gái trong nhà là Janette và tôi căng nhần, nhưng thỉnh thoảng anh lại chịu khó làm cà phê kiểu Ailen (Irish coffee) cho cả nhà uống nên chúng tôi ít khi giận anh được lâu, nhất là từ khi biết được Irish coffee là món cà phê rất mắc tiền mà chỉ những quán tương đối sang mới có. Tờ Telegraph gọi đây là “thức uống mịn như nhung và dễ chịu, làm ta hồi phục cả sức khỏe lẫn tinh thần”. Làm Irish coffee rất công phu, phải dùng nước nóng rửa ly thủy tinh có chân, lau khô, rót rượu whiskey vào, phải là những loại whiskey “chân chính” của Ailen như Bushmills hay Tyrconnell, thêm một muỗng đường nâu, khuấy đều cho tan đường, lấy diêm châm lửa đốt rượu vài giây để giảm độ cồn trong rượu và cân bằng hương vị giữa cồn và caffeine, đúng là “nghề chơi cũng lắm công phu”. Rót đầy cà phê thật nóng và đậm đặc cách miệng ly đúng 1 cm, chờ một lúc để hỗn hợp rượu và cà phê hòa lẫn vào nhau mới cho kem tươi (whipped cream) trắng muốt lên trên, không khuấy nữa vì bí quyết uống Irish coffee là nhắm nháp cà phê nóng xuyên qua lớp kem lạnh. Tuyệt vời nhất là chui vào chăn vừa đọc báo vừa uống món cà phê làm ta chénh

choáng này vào những ngày mưa lạnh và sương mù giăng kín khắp nơi. Bởi vậy lâu lâu tìm hoài không thấy cái đĩa yêu thích nhất trong bếp và biết ngay “thủ phạm” Paddy ăn xong chưa rửa, Janette và tôi cũng vui vẻ đi kiểm đĩa khác, không cãi nhau chút nào.

Mê tìm hiểu về cà phê nên sang Pháp, tôi như cá gặp nước. trong một cuốn sách tôi đọc, dù không phải dân tộc đầu tiên uống cà phê nhưng người Pháp đã có không ít cải tiến cho thứ nước uống đã được nâng lên tầm văn hóa này, như việc cho thêm đường vào cà phê vào đời vua Louis XIV. Cuối thế kỉ 17, việc uống cà phê pha sữa trở nên phổ biến khi một bác sĩ người Pháp khuyên nên dùng café au lait để cải thiện sức khỏe. Có đến Pháp mới thấy dân tình uống cà phê “dữ dội” đến mức nào. Sáng sớm, trong những quán cà phê hè phố hay những tiệm ăn Paris, dân văn phòng ai nấy cũng nâng tách cà phê, có thể là café au lait to tướng như chén ăn cơm. gồm một nửa cà phê một nửa sữa tươi nóng bốc khói nghi ngút, mờ cả mắt kiếng, café serré đậm đặc vì chỉ có một nửa lượng nước so với cà phê đen thông thường, hay café crème màu nâu có kem thơm và béo, uống một hơi rồi tất cả xách cặp chạy ra bến tàu điện ngầm. Nhưng phần lớn thời gian, người Pháp thích ngồi rề rề trong quán nhâm nhi cà phê với mấy viên chocolate đen hay kẹo truffle mềm, thư giãn và tán dóc, y như ở Việt Nam. Những lần rề rề “nhập gia tùy tục” ở những quán cà phê Paris, tôi thích gọi un noisette, món cà phê giống espresso nhưng có pha ít kem hay sữa, đơn giản chỉ vì thích người phục vụ hỏi lại “Un noisette?” bằng thứ giọng mũi rất đáng yêu của người địa phương.

2g khuya một ngày Paris cuối tuần đẹp trời, sau một bữa ăn no nê, trong khi chúng tôi nhắm nháp tráng miệng, anh bạn người Pháp tên Ben gọi một tách cà phê. Thấy tôi tròn mắt nhìn, anh khoát tay: “Không có cà phê tôi ... không ngủ được”. Khi được hỏi sao lại đòi quá vậy, Ben cười: “Ở đây ai cũng vậy hết mà!”. Quán đông, mãi nửa tiếng sau, anh chàng phục vụ mới mang cà phê lại, bị cản nhân, anh này chỉ nhún vai, cái nhún vai đặc trưng kiểu Gôloa, với hai vai kéo lên tận mang tai và hai bàn tay ngửa ra, ý nói: “Tôi không biết. Không phải tại tôi”. (Nếu bạn muốn thấy cái nhún vai tương tự hãy để ý Thierry Henry lúc bị trọng tài thổi phạt khi đá cho Arsenal). Nhưng tách cà phê sóng sánh thơm phức kia chắc ngon lắm nên Ben không nhớ nhó nữa, và lại những anh chàng và cô nàng phục vụ người Paris vẫn nổi tiếng thế giới vì sự đồng đánh.

Tôi trải qua ba tháng uống trà thay cà phê ở xứ sương mù trước khi đến Ý, “kỳ phùng địch thủ” của Pháp trong việc chiếm trái tim dân nghiền cà phê. Quả thật, ở quốc gia xinh đẹp này việc uống cà phê được xem như một môn nghệ thuật. Espresso bạn uống ở khách sạn năm sao nơi khác có thể được người pha chế lừng danh pha từ máy Espresso loại xịn, nhưng tôi mạo muội nói không thể sánh bằng Espresso đậm đặc, đắng và thơm trong tách nhỏ xíu uống tại một trong những torrefazione bên một cây cầu gỗ với những ngôi nhà kiểu Phục hưng, do một cô nàng người địa phương tóc đen, mắt cũng đen láy, pha rồi bùng ra lèm một câu chúc uống ngon miệng bằng tiếng Ý du dương. (Đặc biệt nữa, nếu không muốn bị dân địa phương cười thảm, bạn đừng gọi Espresso thành Espresso, có nghĩa là tàu tốc hành).

Nhưng tôi thấy cappuccino ngon và dễ uống hơn, có lẽ vì loại thức uống này có 1/3 espresso, 1/3 sữa tươi nóng để làm “mềm” bớt vị đắng của cà phê, và 1/3 bột sữa mịn màng có rắc bột quế hay bột chocolate xay li ti lên trên. Thức uống này đã chiếm lĩnh thực đơn từ những quán rất “hip” ở trung tâm Manhattan của New York ồn ào náo nhiệt đến những thị trấn xa xôi quê mùa ở Maroc, nơi người phục vụ cả đời chưa gặp người nước ngoài. Tôi đo lường sự lịch lãm nổi tiếng thế giới của người Ý bằng khả năng uống cappuccino rất nhanh nhưng khi uống xong bọt không trắng cả mép như những “người trần mắt thịt” khác. Du khách đến đây, đặc biệt là người Mỹ, dù có sang trọng cách mấy cũng hay bị cho là “nhà quê” vì quen gọi cappuccino sau bữa trưa hoặc bữa tối, mà theo dân địa phương là không đúng điệu chút nào. Người Ý chỉ uống món này trong bữa sáng hoặc dành thời gian riêng trong ngày để thưởng thức cappuccino như một món riêng biệt, và đặc biệt rất chăm chút bọt sữa, không bao giờ hớt bỏ hay khuấy bọt hòa lẫn vào cà phê vì làm như vậy mất hết “tinh túy” của thức uống này mất rồi.

Nếu quá nhiều caffeine trong cơ thể làm bạn “tim đập chân run” không còn sức lang thang qua những con phố cổ nhỏ xíu đáng yêu ở Ý, hãy chuyển sang dùng caffè hag, tức cà phê không có caffeine, hoặc granite di caffè con panna, tức cà phê nóng có pha ít đường, đổ vào khay đá tủ lạnh qua đêm cho đông lại, khi uống mới bỏ vào máy xay nhuyễn với ít nước rồi đổ đầy vào ly, phía trên cho thật nhiều kem tươi ngon béo. Những ngày hè nóng nực, du khách và dân địa

phương ngồi lười biếng trong cái nắng tháng bảy đổ lửa của mặt trời phương Nam , vừa uống món cà phê có cái tên dài ngoằng này vừa nhìn thế giới chậm chạp trôi qua.

Nhưng “đi uống cà phê” ở Amsterdam lại là một chuyện khác. Trước khi sang Hà lan, tôi vẫn biết Amsterdam là một trong những thành phố “quậy” nhất Châu Âu nhưng không ngờ lại tự do đến mức này. Thủ đô bé nhỏ này có cả một hệ thống hơn 300 quán cà phê được cấp giấy phép cho khách mua và hút các loại thuốc phiện nhẹ, cần sa (marijuana, weed, grass, hash, cannabis). Việc hút những loại ma túy nhẹ đã được chính phủ hợp pháp hóa từ năm 1976, dĩ nhiên chỉ dành cho người trên 18 tuổi và với liều lượng dưới 5gr mỗi lần, đặc biệt những quán này không được bán bia rượu hay bất cứ thức uống có cồn nào khác. Lý lẽ đưa ra nghe chừng cũng khá hợp lý: nếu được phép hút những loại thuốc phiện nhẹ tại một nơi được quản lý đàng hoàng, sẽ không ai ra đường mua một loại ma túy gây nghiện nặng như heroin hay cocaine của những kẻ buôn bán bất hợp pháp, bằng chứng là tỉ lệ người nghiện ma túy ở Hà Lan luôn ít hơn gấp nhiều lần so với Mỹ và nhiều nước khác. Nhưng trộm nghĩ những điều luật tương tự chỉ áp dụng được ở những nơi ý thức thật sự cao mà thôi, nếu không rất dễ biến thành con dao hai lưỡi.

Những ngày ngắn ngủi ở Amsterdam, vì hết phòng chúng tôi phải ở ngay khu phố dành cho khách du lịch gần ga xe lửa trung tâm thành phố, nơi tập trung rất nhiều quán cà phê kiểu này. Mỗi lần đi ngang qua quán đúng lúc có người mở cửa bước ra, mùi cà phê đâu không thấy, chỉ thấy mùi cần sa thoang thoảng trong gió. (Mỗi lần tôi kể tới đây, đám bạn tôi lại rục rịch, lè lưỡi: “Ghe quá, ngửi mùi vậy có nghiện không?”). Đối diện chỗ tôi là một quán cà phê tên Grasshopper cao đến mấy tầng, buổi tối đèn màu xanh chầu chầu thấp sáng rực soi bóng xuống con kênh nước chảy loang loáng. Khi gặp cô bạn người Hà Lan lái xe tận Utrecht lên Amsterdam dẫn chúng tôi đi chơi, tôi đòi qua đó uống cà phê, cô cười: “Gan quá ha? Biết trong đó tụi nó làm gì không?” rồi đưa hai ngón tay trước miệng làm hiệu như đang “phê” thuốc. Khi được hỏi có hút không, cô bảo: “Hồi trẻ ở đây ai chẳng thử, phần lớn thấy chẳng có gì hay ho nên thôi. Thông thường cái gì cấm đoán người ta mới thích, với lại còn tùy ý thức mỗi người mà”, rất thản nhiên như được hỏi có thích chơi bóng bàn không vậy.

Bởi không có gì hay ho nên cô quyết định đưa chúng tôi đến một bruine kroeg (tiếng Hà Lan nghĩa là quán cà phê nâu, ban đầu tôi cứ tưởng đây mới là loại hình cà phê như đã đề cập ở trên, vì tên gọi dễ liên tưởng đến... nàng tiên nâu, nhưng không phải). Đó là một trưa hè nóng gần 38°C, dân tình khoái chí đổ hết ra đường phơi nắng tận hưởng cái nóng phương Bắc hiếm hoi. Những chiếc bàn kê bên ngoài, dọc theo bờ kênh của quán cà phê nâu chúng tôi đến đã chật ních, nhưng để thật sự hiểu được hết chữ “gezellig” mà người địa phương rất thích dùng, nghĩa đại loại là ấm áp, thân mật, vui vẻ..., bạn nên ngồi bên trong. Những bruine kroeg ở Amsterdam đã có tuổi đời vài trăm năm, với cách trang trí như trong những chiếc tàu thủy xưa, xà nhà nặng trĩu, ván lót sàn và bàn ghế sẫm màu, tên gọi của nó có lẽ bắt nguồn từ những bức tường ám khói thuốc lá nâu qua thời gian, dưới sàn có cả cát biển và trái thảm Ba Tư để lau cà phê hay bia bị tràn. Trong quán chúng tôi đến có cả một cây kèn khổng lồ kiểu xưa để trong góc. Cà phê Hà Lan không đặc sắc lắm nên chúng tôi, cũng như hầu hết những người vào bruine kroeg, mặc dù gọi là “đi uống cà phê” nhưng lại chọn bia, vốn đặc sản ở đây.

Mãi khi đến tới Stockholm, tôi mới tự nghiệm ra một chân lý là quốc gia nào uống nhiều bia như Anh, Scotland, Đức, Bỉ, Hà Lan... sẽ không uống nhiều cà phê và ngược lại. Bởi vậy, không ai ngạc nhiên chút nào khi biết ở Thụy Điển, nơi bia bị đánh thuế rất nặng và đắt gần gấp bốn, năm lần các nước Châu Âu khác, cà phê là một phần không thể tách rời cuộc sống. Ở Thụy Điển có một từ rất phổ biến, fika, nghĩa là đi uống cà phê, thoát khỏi những bận rộn thường ngày của cuộc sống, gặp gỡ bạn bè cũ, làm quen bạn mới, tán gẫu... Fika gần như một thứ tôn giáo ở đây, người ta có thể fika sáng, trưa, chiều, tối, trong những Kafekoppen ấm cúng. Sau một ngày quanh quẩn trong thành phố Bắc Âu này, qua khu phố cổ muôn màu Gamla Stan với những con đường đá cuội nhỏ bé chỉ dành cho khách bộ hành, chúng tôi nghỉ chân nơi Stortorget, quảng trường chính của thành phố có đặt nhiều ghế dài và những chậu hoa tươi thơm dịu dịu, có trong rất nhiều bức ảnh của ban nhạc người Thụy Điển ABBA, nghe mùi cà phê rang từ những quán cà phê dọc quảng trường ngào ngát trong không gian.

Thụy Điển đắt đỏ nhất trong số những nước tôi từng đi, mỗi lần qua những nước EU khác đều có thể ăn uống thoải mái vì vật giá rẻ hơn

ở Anh, nhưng qua Thụy Điển, ông bạn Alastair và tôi phải thực hiện chính sách “thắt lưng buộc bụng”. Song mùi cà phê mới pha thơm lừng như núa bước chân làm tôi tự thưởng cho cả hai một châu trong Sundbergs Konditori, tiệm cà phê và bánh ngọt xưa nhất Stockholm, có từ năm 1785, nhỏ xíu và ấm áp với những ấm samovar bằng đồng đựng đầy cà phê mới pha sóng sánh nóng bỏng, đặt trên bàn thấp cạnh quầy để khách tự rót lấy. Bánh ngọt ở đây quả tuyệt vời. Tôi ăn một chiếc bánh không biết tên, mềm và dẻo như tan trong miệng, chính giữa có một lớp mứt mỏng vị thanh thanh dễ chịu, trên trái kem mềm và dày làm từ một thứ trái cây giòn ngọt màu vàng mượt. Cà phê ở đây hơi giống caffè Americano, đựng trong những tách dày và nặng bốc khói nghi ngút, không đậm đặc nhưng đủ vị ngọt và đắng để đi kèm với các loại bánh ngọt thơm phức cô phục vụ đang bê ra trên những khay gỗ từ lò nướng bên trong.

Bán đảo Scandinavia vào thu sớm hơn những nơi khác, lá vàng xào xạc rụng đầy những công viên và trời đã lạnh hơn nhiều. Mặc dù vậy, những quán cà phê Stockholm vẫn kê bàn ghế ra vỉa hè cho dân tình ngồi “fika”, và vì trời lạnh nên quán nào cũng để sẵn... mền cho khách quán nếu chọn ngồi ngoài. Những chiếc mền cũng là một phần trang trí của quán, được mua thành bộ có màu sắc hợp với bàn ghế và sơn tường, đặt cạnh ghế ngồi. Thật buồn cười khi thấy mọi người uống cà phê theo kiểu alfresco, nhưng không đeo kiếng đen trong cái nắng chói chang mà vừa ngồi quán mình thu lu trong mền vừa nhấm nháp cà phê nóng hổi, thỉnh thoảng lại xuýt xoa co ro vì cơn gió buốt giá từ mặt hồ Malaren thổi tới.

Chỉ cách Thụy Điển vài tiếng đồng hồ bay nhưng Hi Lạp là một thế giới khác hẳn, với nắng vàng biển xanh và cái nóng Địa Trung Hải làm người ta uể oải, chỉ muốn... đi uống cà phê. (Quả vậy, dù trời nóng hay lạnh dân Châu Âu cũng kiếm có uống thức uống để nghiền này). Để phù hợp với khí hậu ở đây đã có frappe, món cà phê đá đặc trưng Hi Lạp không kém bánh pita kẹp thịt nướng hay yaourt ăn với mật ong. Trên khắp đất nước khi xưa đầy ắp những chuyện thần thoại này, ngày nay đâu đâu cũng thấy những quán cà phê (kafeneio) đầy khách uống frappe: Từ thủ đô Athens đông đúc ồn ào không kém Sài Gòn, nơi khi đi bộ trên vỉa hè chật hẹp bạn phải vừa trông chừng luồng xe cộ đi loạn xạ trên lòng đường sát bên và xe hơi đậu không theo trật tự, vừa tránh những bộ bàn ghế kê bên ngoài quán; đến những hòn đảo vắng vẻ với những tòa nhà sơn trắng mát mắt và

gió biển mang theo vị muối mặn mặn. Cách làm frappe khá đơn giản, chỉ cần Nescafe, nước lọc, đá, đường, cho vào đồ trộn cocktail xóc mạnh trong vòng nửa phút, rót vào ly để đá kèm ống hút là bạn đã có thức uống dễ chịu đầy bọt li ti thơm và mát lạnh làm dịu đi cái nóng mùa hè Địa Trung Hải. Nói về khoản ngồi dầm dề ở quán cà phê, người Pháp hay người Việt ắt hẳn phải thua xa người ở đây. Bất cứ lúc nào trong ngày, bạn cũng có thể thấy người địa phương ngồi quán, từ những quán cà phê lớn sang trọng thấp đèn thủy tinh vàng long lánh đến những quán tạm bợ với vài bộ bàn ghế lỏng lẻo, nhiều nhất vẫn là những ông già vừa uống nước vừa đánh cờ. Sách du lịch Fodor nói: Ngôi nhà là nơi trú ngụ của trái tim, nhưng với phần lớn người Hi Lạp, quán cà phê mới là nơi trú ngụ của trái tim, nhà chỉ là nơi... về ngủ.

Phần lớn thời gian hai tuần ở Hi Lạp, tôi ở với gia đình bạn tôi trên đảo Evia, hòn đảo vắng vẻ không có khách du lịch cách Athens hai giờ vừa đi phà vừa lái xe. Ngày cuối cùng trước khi về, chúng tôi sang chào gia đình hàng xóm và được thưởng thức món cà phê Hi Lạp (Greek coffee) tuyệt vời. Trong bất cứ một ngôi làng nào trên đất nước hiếu khách đầy nắng và gió biển, đây cũng là thức uống “làm đầu câu chuyện” mang ra mời bạn đến nhà. Nhưng nếu cà phê phin Việt Nam làm bạn “xây xẩm” thì nên dè dặt khi thử thứ cà phê đậm đặc gấp nhiều lần này, được nấu sôi trong ấm bằng đồng có tay cầm dài và miệng rộng, gọi là ấm ibrik. Bà chủ nhà đứng tuổi rắc vào bột cà phê xay nhuyễn mịn một ít hạt gia vị có mùi hơi giống hoa hồi, rồi cho nước vào nấu sôi trong ấm ibrik đến ba dạo trước khi rót vào tách. Những chiếc bánh quy giòn bà mới nướng làm cân bằng vị đắng và tăng lên vị thơm có hậu ngọt của Greek coffee làm chúng tôi nhăm nháp hoài không chán, khi bên ngoài mặt trời màu đỏ rực bắt đầu lặn xuống biển và gió đại dương thổi lao xao những cây ôliu xanh rờn ngoài sân.

Và đến buổi trưa nọ tình cờ theo chị đi bộ trên con đường giày dép gần chợ Bến Thành, quây cà phê bên hông chợ với những chiếc ghế nhựa thấp lè tè có lẽ sẽ khuất trong những tập nập đường phố không để lại chút ấn tượng gì nếu người bán không dùng muỗng khuấy đá, cà phê và sữa đặc trong ly lên với một âm thanh rộn rột vui tai. Và nhất là cái mùi quen thuộc ấy, mùi cà phê phin nhỏ từng giọt mới pha nóng và thơm, sức nức không gian bụi bặm ồn ào, làm tôi đứng nhìn sững, vừa nhìn vừa nuốt nước miếng. Mùi thơm quyến rũ ấy

làm tôi nhớ những ngày học cấp hai theo mẹ đi chợ uống cà phê sữa đá, hay khi lang thang ở Châu Âu, bên ngoài tuyết rơi lạnh cóng nhưng vừa bước vào quán hai má đã nóng rực lên... Những ngày đi uống cà phê ấy, “ngõ xa xăm bỗng về quá thênh thang...”

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Những giấc mơ chưa hết

Có lẽ nên bắt đầu từ một buổi tối trong quán, nơi chúng tôi ngồi run cầm cập vì chiếc máy lạnh đang mở với công suất tối đa. Thật kì cục là những quán cà phê châu Á, ngoài trời nóng muốn chết nhưng bắt khách ngồi bên trong phải xuyết xoa vì lạnh, nhất định không chịu giảm nhiệt độ. Bee Thiam, anh bạn rất thân đã hai năm không gặp đứng lên đi qua lại trong quán quen, rồi dừng nơi kệ sách với những cuốn sách nghệ thuật dày và nặng, cầm lấy một quyển mang lại bàn. Tôi cũng ngó nghiêng nhìn cuốn sách hỏi: “Anh chỉ em cách xem hình nghệ thuật đi, như bức này chẳng hạn”, rồi lật, chỉ đại bức ảnh chụp từ sau lưng cô gái nhỏ, chừng mười bốn mười lăm tuổi, mặc chiếc áo đầm rộng đang chạy vào rừng thưa. Ảnh chụp nhưng được xử lý như tranh vẽ, hơi lãng đãng và mờ nhạt. Anh ngồi nhìn hồi lâu rồi nói: “Bức tranh này có làm em thấy như một giấc mơ không?”

Tôi giật mình, và chỉ mất vài giây thôi đã thấy bức tranh ... giống giấc mơ thật. Những giấc mơ làm ta thức dậy vào buổi sang bản khoản không biết mình đã mơ giđêm qua, nhưng chắc chắn là có mơ... Tôi tròn mắt, khen anh bạn nghệ sĩ tôi vẫn thường chê là chậm chạp chỉ với một câu nói đã “khai hóa” được đầu óc phi nghệ thuật của tôi.

Câu chuyện ở quán cà phê khiến tôi suy nghĩ mất mấy ngày, lần lần nhớ lại những giấc mơ từ xa xưa. Hồi nhỏ, tôi sợ nhất những lần nhà có đám giỗ phải làm gà vịt. Những lúc ấy, tôi ra ngoài hàng hiên có những viên gạch vỡ lỏng chổng, ngồi bó gối gạt nước mắt khóc hu hu. . Cho đến giờ tôi vẫn không biết mình khóc vì thương lũ gà vịt hay chỉ vì sợ. Có lần, ông anh họ tôi chơi ác, lấy đĩa tiết canh ra dứ dứ vào tôi đang đứng khóc, làm tôi càng khóc nức nở như tủi thân, mẹ tôi phải nạt: “Đem đi chỗ khác. Em sợ mà còn chọc em nữa, lần sau đưa nào mà chọc em là bị đòn đó nghe chưa?”. Những đêm đó, giấc mơ trẻ con của tôi có những chiếc lông gà long vịt bay xao xác và lũ gia cầm nhìn tôi buồn bã.

Có lẽ ngay cả từ những năm tháng lên chín, lên mười đó, tôi thường bị ám ảnh bởi những giấc mơ, những giấc mơ vui có, buồn có của một thế giới tâm linh, siêu thực. Đến nỗi có một thời gian vắng những giấc mơ, tôi bồn chồn như thiếu một điều gì quan trọng lắm, rồi nhẹ nhõm khi sang hôm sau ngủ dậy, một buổi sang chủ nhật lười biếng vừa ngáp vừa rúc đầu vào gối, nhận ra tôi qua mình có nằm mơ, cũng một giấc mơ không nhớ là gì nhưng chắc chắn là có mơ. Năm học lớp 10, tôi đọc chuyện “Cuốn theo chiều gió”, đoạn cuối nói về những giấc mơ của Scarlet có màn sương mù dày đặc làm nàng không thấy lối đi, đến lúc giật mình tỉnh dậy giữa đêm lúc nào cũng có Rhett cạnh bên an ủi qua cơn xúc động hay sợ hãi. Gần mười năm sau, tôi tình cờ xem cuốn phim ấy sau đêm giáng sinh ở một ngôi nhà gỗ trên đỉnh núi xứ Alps tuyết phủ dày như trong những cây bánh kem bán dịp Noel, đến chỗ Rhett bỏ đi, thấy quanh mình màn sương mù dày đặc hết như trong những giấc mơ, cô gái xinh đẹp, tự lập và đầy cá tính Scarlet O’Hara lúc này phải chạy khắp nơi gọi “Rhett, Rhett...” tự nhiên tôi thấy tim mình nặng trĩu mà không hiểu vì sao. Đêm đó, tôi mơ thấy mình đang ở nhà thì bị động đất, hoảng loạn chạy ra đường thấy cây đổ xung quanh không biết gọi tên ai. Tôi tỉnh dậy, lòng lại nặng trĩu mặc dù mặt trời bên ngoài đã chiếu sang dát vàng khoảng sân tuyết trắng bên ngoài. Nhưng đến khi chúng tôi đang ngồi uống trà và ăn bánh mì, cô bạn từ phòng khách bước ra, bảo: “Ở Bangladesh hôm qua có động đất, nhiều người chết lắm”. Đó chỉ là những tin tức đầu tiên của thảm họa Tsunami. Những ngày sau, liên tiếp những thông tin được cập nhật về số nạn nhân và mất mát làm tôi thấy bản thân cả người thấy “đời nhẹ như mây khói”, đêm nào trước khi đi ngủ cũng rì rầm cầu nguyện những giấc mơ đừng về.

Máy bay đã gần hạ cánh. Cả đêm tôi gần như không ngủ, ôm con gấu màu vàng có dải băng mắt chấm bi đỏ của BBC Children in need mua ủng hộ quỹ từ thiện năm ngoái, bạn đồng hành trong những chuyến đi của tôi, mở mắt thao láo nhìn ra bầu trời đêm tối thẫm, thỉnh thoảng lại lóe lên ánh sáng từ cánh máy bay, ngay cả trên những chuyến bay đường dài, có lẽ vì trong tiếng Việt người ta chỉ nói “nằm mơ” chứ không phải “ngồi mơ” chẳng? Anh tiếp viên hàng không người Hà Lan trẻ măng có gương mặt ngò ngò đến đưa tôi một túi đầy bánh kẹo và sôcôla, anh biết tôi còn một chuyến bay khác trong vòng vài giờ nữa: “Để bạn ăn lúc ngồi chờ ở sân bay”, làm tôi cảm động, quên cả cảm ơn. Người đàn ông trung niên cũng

người Hà Lan ngồi cạnh tôi nói vui: “Đúng là làm con gái trẻ thích thật. Cả đời tôi đi máy bay hang KLM chưa được tặng viên kẹo nào để ăn trong lúc ngồi chờ quá cảnh chuyển sau đấy nhé” làm cả hai chúng tôi cùng cười. Nhưng sau khi cười, tự nhiên tôi thấy câu nói này quen quen, cảnh trên máy bay với anh tiếp viên hang không và người đàn ông trung niên vui tính như thế này cũng quen quen, như thể tôi đã từng thấy đâu đó, hay là trong những giấc mơ không chừng? Đã bao giờ bạn thấy vậy chưa, đến một nơi nào đó, hay nghe ai đó nói câu gì đó, mặc dù biết là chỉ mới lần đầu tiên, lần đầu nghe cũng vẫn thấy quen quen như thể đã từng gặp đâu đó trong những giấc mơ?

Máy bay đã hạ độ cao, những giọt mưa bay thành những đường xiên chéo trên cửa sổ làm tôi nhớ tới câu hát của Trịnh Công Sơn “Sóng đông đưa linh hồn, có mưa quanh chỗ nằm” mặc dù xem ra câu hát đó chẳng ăn nhập gì với bây giờ. Trời đã tờ mờ sáng, thành phố Amsterdam “đẹp lép” do nằm dưới mặt nước biển, không có đồi núi chập chùng nhưng đầy kênh rạch sông ngòi chằng chịt nổi những khoảng cây xanh mượt trong cơn mưa buổi sớm đã dần hiện ra trước mặt. Tôi có đọc đâu đó câu thơ tiếng Anh “Mưa là những nụ hôn từ trời”. Tôi thấy mưa giống những giọt nước mắt từ trời hơn. Như lúc này nước mưa đã đọng lại thành một giọt lớn trên cửa sổ máy bay, rồi từ từ lăn xuống như một giọt nước mắt. Bây giờ tôi mới nhận ra mình chưa bao giờ tự hỏi khi máy bay còn bay cao trên trời có thể thấy mưa được không, vì nước mưa rót xuống từ những đám mây, mây lại nằm dưới máy bay? Mà điều đó xem ra có gì quan trọng,, hay cũng chỉ là một giấc mơ? Có khi tất cả mọi thứ cũng chỉ là những giấc mơ. Những giấc mơ chưa biết...

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Hoa xứ người ta

Tôi cứ nhớ hoài câu chuyện cổ tích Andersen “những bông hoa của bé Ida” ai đó kể cho nghe từ thời xa xưa lắm. Câu chuyện về bé gái tên Ida buồn vì hoa héo trong bình, anh sinh viên mới bảo hoa mới vì ban đêm, khi trời tốiมืด và tất cả mọi người đã ngủ, chúng đi dự vũ hội hoa và nhảy múa suốt đêm trong tòa lâu đài bên ngoài cổng thành phố.

Đêm ấy sau khi đặt những bông hoa đã tàn vào nôi búp bê, Ida cứ trần trọc mãi, rồi không nín được tò mò, em rón rén bước vào phòng đặt nôi búp bê và thấy một cảnh tượng tuyệt vời: đèn tắt hết nhưng căn phòng sáng huyền ảo nhờ ánh trăng xuyên qua cửa sổ hắt xuống sàn. Tất cả những chậu hoa tươi đều bỗng không, ngay cả những bông hoa héo của em đã tươi trở lại, hòa cùng lũ hoa tulip khiêu vũ trên sàn, còn bông lily vàng đang ngồi chơi đàn piano cứ như một thiếu nữ xinh đẹp ấy...

Tôi không còn nhỏ như Ida để tin câu chuyện của anh sinh viên về những bông hoa dự vũ hội trong một lâu đài châu Âu tráng lệ. Nhưng thỉnh thoảng tôi cũng vu vơ ước một lần nằm mơ thấy những bông hoa ôm nhau nhảy múa trên sàn trong ánh trăng chiếu xuyên qua cửa, được thấy ông búp bê bằng sáp mắng những búp bê giấy: “Tại sao lại nhồi những điều vớ vẩn như vậy vào đầu trẻ con kia chứ?” như ông luật sư nhăn nhó với anh sinh viên khi anh kể Ida nghe câu chuyện về những bông hoa khiêu vũ.

Song tôi đã cảm nhận được cảm giác ngớ ngẩn ấy khi thấy những giỏ hoa tươi tắn trên một quán rượu ngày đầu tiên ở London. Đến giờ, dù đã trở lại biết bao lần nhưng lúc nào đi ngang quán rượu ấy tôi vẫn không khỏi bồi hồi nhớ. Nhớ cả lúc tôi ngờ ngạc nhiên hỏi anh bạn người bản xứ đi cùng khi thấy hoa mọc khắp nơi trên phố và trên bệ cửa sổ những ngôi nhà ven đường: “Vậy chứ trồng nhiều hoa không sợ người ta bẻ trộm sao?”.

Ở châu Âu không ai bẻ trộm hay phá hoa cả, ngay cả trong những

khu phố mất an ninh nhất với đầy rẫy nạn móc túi hay trộm xe hơi. Phải chăng với hoa, người ta nâng niu, nuông nhẹ hơn? Mà không nâng niu sao được, hoa mỏng manh quá, xinh xắn quá, cái đẹp của tạo hóa, của cây chắt chiu qua bao mùa mới đậu được những búp mơn mớn như vậy, tần nhẩn sao đành.

Vẫn biết đó là hoa xứ người ta nhưng sao tôi yêu quá chừng. Những ngày năm trước, buổi sáng dậy sớm đi bộ tới trường cách nhà gần bốn cây số, mấy cây táo trụi lá qua mùa đông đầy sương mù và giá rét nước Anh “một sớm kia rất hồng” (*), hoa nhỏ xíu mỏng tang rung rinh chào tôi, để rồi đến tháng tám, tháng chín đầu trái lúc lỉu đỏ au cho người chút ngọt lành. Trên đường tôi đi mỗi sớm băng qua công viên đầy những bông hoa có cái tên ngộ nghĩnh hoa cốc bơ (butter - cup) mọc hoang, vàng óng tròn xoe nở trên cỏ xanh mượt còn ướt sương đêm, thỉnh thoảng tôi hay ngắt một vài bông kẹp trong những ngón tay đi cùng để trước khi vào lớp cất vào balô đeo vai. Một ngày nọ tôi băng qua công viên đến trường như thường lệ, thấy người ta mang xe đến xén cỏ định kì, lũ hoa cốc bơ của tôi bị dứt khỏi đất mẹ nằm rạp mình vẫn còn vàng rực rỡ, tôi buồn thiu khi nghĩ chỉ ngày hôm sau những bông hoa bạn đường sẽ héo úa tàn tạ. Nhưng cỏ cắt đi rồi lại mọc lại sau những cơn mưa phùn, cốc bơ lại nở tròn xoe chào tôi mỗi sáng đến trường “Nè, có thấy hoa châu Âu đẹp chưa?”.

Tôi yêu hoa xứ lạnh bằng một tình yêu như một ông cậu thương cháu nhỏ nhưng không biết bày tỏ tình cảm làm sao, chỉ biết ngẩn nhìn đứa bé không chán mắt rồi vụng về vuốt bàn tay cục mịch lên hai má bầu bĩnh mịn màng. Mỗi lần thấy hoa thơm ngát bên những ngôi nhà có mái đầu hồi đặc trưng Amsterdam, khoe màu trên những gánh hàng hoa Paris, rung rinh trên những cửa sổ nhà xưa gạch bong từng mảng bên những con kênh đào Venice, cuống quýt nở tràn ra cả đường trên phố đi bộ Barcelona, tô điểm những quán cà phê ngoài trời nắng nhạt ở Brussels, hay tươi rói bên trong hàng rào sơn trắng đặc trưng vùng Scandinavia ở Sigtuna... tôi lại thấy tim mình đập rộn lên trong lồng ngực. Nhưng cũng như ông cậu vụng về nọ, tôi là người ngoại đạo với hoa, chỉ biết ngẩn ngơ không chán mắt rồi lấy những ngón tay khẽ khàng chạm nhẹ, không biết phải khen, phải cưng, phải yêu hoa thế nào mới đúng.

Tôi không nhớ hết tên hoa ở những nước châu Âu tôi đã đi qua, đã

sống hững ngày, những tháng năm rất thật; những thủy tiên, diên vĩ, lily, dạ lan hương, uất lim hương, tử đinh hương, oải hương, hoắc hương, păng-xê, giọt tuyết, mimosa, kim ngân, phong lữ... Những bông hoa thay nhau nở hoài làm nín chân người dù “trăng tàn nguyệt tận” (*). Những cái tên xa lạ tưởng chừng ở đâu đâu, mà quả thật, hoa này nở ở đâu đâu chẳng phải quê mình, nhưng sao tôi nhớ, tôi thương khi hoa tàn như bé Ida thương những bông hoa heo úa trong bình mới lấy hộp gỗ đặt vào, rủ hai người anh họ chôn hoa xuống đất. Và những ngày hè Sài Gòn nắng đỏ lửa, tình cờ lật những câu thơ đăng báo hồi 16, 17 tuổi “Nín vào mùa cũ. Chỉ thấy lạnh bàn tay. Những cơn mưa cũng đã thành quá khứ...”, tự nhiên tôi da diết nhớ những bông hoa cũng đã thành quá khứ ở xứ lạnh năm nào. Những bông hoa “nở hết trong hoàng hôn đợi gió vô thường lên” (*) của xứ người ta...

Chú thích:

()Đóa hoa vô thường - Trịnh Công Sơn*

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Phố yêu

Trước khi bắt tay vào viết một thành phố tình yêu cho dịp lễ Valentine 14-2, tôi cứ suy nghĩ mãi không biết nên chọn nơi nào tôi đã đi qua. Mỗi thành phố đều có những nét riêng thật lãng mạn, thật xinh xắn, thật “yêu” làm những kẻ đang yêu lẩn không đang yêu đều cảm thấy như hòa mình vào mỗi góc phố, đường đi có lá rơi, nước biếc và hoa tươi nở rực rỡ bên cầu. Bởi vậy, tôi chọn cho bạn không chỉ một mà ba “phố yêu” này: Vencie, Paris và Vienna.

Trên chuyến xe buýt từ sân bay Treviso về trung tâm thành phố Vencie (Venezia trong tiếng Ý), tôi ngồi cạnh một cô gái vui tính người Úc đi du lịch một mình. Cô cười, nín tay tôi chỉ xung quanh: “Lúc này ngồi trên máy bay thấy toàn “cặp” đi du lịch với nhau, bây giờ ngồi trên xe cũng vậy. Hóa ra chỉ một mình mình đi lẻ thôi”.

Thật dễ hiểu vì sao những kẻ yêu nhau lại thích thành phố lãng mạn miền bắc nước Ý này đến thế. Cả phố nổi trên nước với những con kênh xanh ngắt lặng lẽ trôi qua cây cầu gỗ cốt kết dưới bước chân và những ngôi nhà xưa vẫn còn giữ nguyên những nét đẹp như trong tranh vẽ Vencie của các họa sĩ sở tại thời Phục hưng. Hoa tươi nở khắp nơi trên những bậc cửa sổ, bên những mảng tường tróc lở màu thời gian. Thỉnh thoảng, một chiếc Gondola - thuyền mái cong đặc trưng Vencie - lướt nhẹ nhàng qua, anh chàng địa phương chèo thuyền da rạm nắng nhe răng cười thật đáng yêu với khách du lịch đang vẫy tay trên bờ. Và nếu thay đôi trai gái mặc quần jeans, áo thun đang ngồi ngả đầu lên vai nhau trên thuyền bằng những công nương, công tử thế kỉ 15, sẽ có cảm giác như đang xem một cuốn phim về quý tộc châu Âu ngày nào.

Buổi tối, chúng tôi vừa đi bộ vừa ăn kem Ý thơm ngọt lạnh buốt răng, mới mua tại một xe kem hướng ra dòng kênh tĩnh lặng với con thuyền gỗ sơn xanh gôi đầu lên bờ, nghe hơi nước phả lên mặt mát lạnh và tiếng mái chèo rẽ nước róc rách dưới vòm cầu. Ánh đèn những căn nhà xưa bên dòng kênh hắt xuống mặt nước lấp loáng, không khí thoảng hương hoa dịu dịu làm lòng tôi thấy nhẹ tênh.

Còn gì bằng được đến đây dịp lễ Valentine, cùng ngồi uống cappuccino bên nhau – trên một quán cà phê kê bàn ghế ra ngoài quảng trường thánh Marco - đầy bò câu bay lượn, nghe tiếng vĩ cầm lan trong không gian và ngắm những đôi trai gái tay trong tay, mắt long lanh rạng rỡ?

Cũng nổi tiếng là thành phố của những cặp tình nhân, nhưng Paris đẹp kiểu khác. Khi đi bộ từ tháp Eiffel băng qua cây cầu bắc qua sông Siene có những hiệu sách cũ im lìm trong sương sớm, tôi từng sờ bắt gặp một hình ảnh thật mơ. Mới sang xuân, một loại cây tôi không biết tên, hình như cây dẻ thì phải, vừa qua mùa đông trụi lá nẩy những trái tròn nhỏ màu nâu và chớm những búp non xanh rời rợi trên cành khẳng khiu, rủ bóng xuống sông thấp thoáng bóng tháp Eiffel kiêu hãnh. Cảnh đẹp làm tôi nghẹt thở, phải dừng chân ngắm mãi không thôi.

Ở thủ đô nước Pháp, rất dễ bắt gặp những hang hoa đầy hoa hồng tươi thắm từ ngoại ô chở về, cắm trong những xô nhôm giản dị. Dưới đất, cô hang hoa cố ý rắc đầy những cánh hồng trông thật lãng mạn. Vào dịp lễ 14-2, những anh chàng người Pháp vốn gã-lãng khó ai cầm lòng không bước vào mua ngay một bó cho cô bạn gái xinh xắn có cặp mắt xanh biếc như bầu trời mùa xuân Paris.

Trước khi tôi đưa bạn ra ga xe lửa, chúng tôi mua hai tách cà phê crème đứng uống ở sông Siene. Mưa phùn bay lất phất và nước sông cuộn cuộn chảy dưới chân cầu Pont Marie. Uống tách cà phê nóng hổi với đủ mùi vị đắng, ngọt, béo, thơm, tự nhiên tôi lẫn lộn nhớ những ngày xưa mỗi tối chịu khó chạy xe đến IDECAF học những bài học về nước Pháp trong giáo trình mang tên Cà phê Crème. Tôi yêu thứ tiếng du dương với cách phát âm chữ “R” và những âm mũi này biết mấy, tự bản thân nó cũng là một thứ rất “yêu”.

Đã sang giữa tháng hai, nhưng thủ đô Vienna (Wien trong tiếng Đức) có năm vẫn còn ngập trong tuyết trắng. Không gập ghềnh bằng nước Áo những ngày tuyết rơi. Những ngôi nhà màu lạnh đẹp một cách quý tộc và thanh thoát lướt qua xe như trong một giấc mơ thuở thiếu thời của tôi về châu Âu. Không gian tràn ngập những bản nhạc diu dặt. Đẹp nhất là lúc tuyết ngừng rơi, “mặt trời lấp lánh trên cao vừa xa vừa gần” (*), chiếu những tia vàng óng xuống tuyết trắng xấp lạo

xạo dưới chân. Những đôi trai gái trong áo choàng to sụ, tay nắm tay tìm hơi ấm ngón tay nhau qua những đôi găng dày, đứng ngẩn ngơ trong khu phố đi bộ nghe âm hưởng nhạc Mozart và Strauss vang trên ngón đàn điều luyện của những nghệ sĩ lang thang.

Khi chúng tôi đến quảng trường Stephansplatz năm ngoái, một góc của nhà thờ Stephansdom đang được trùng tu lại. Những tia nắng hiem soi dát vàng trên các đường lượn kiểu Gothic gợi nhớ đến thời hoàng gia những thế kỉ trước. Nhưng năm nay có lẽ công trình đã được sửa xong, những cặp tình nhân có thể dẫn nhau vào tòa tháp cầu nguyện cho một ngày Valentine vui vẻ và hạnh phúc,

Rất nhiều người cũng dẫn nhau về với sông Danube. Nơi chúng tôi đứng chỉ là một nhánh nhỏ của con sông thơ mộng này, có cây cầu bắc ngang, đàn vịt trời bơi chậm rãi và lau mọc xuyên qua lớp băng mỏng phủ trên mặt một góc sông. Hơi nước bốc mù mịt và một chiếc xe điện đột nhiên chạy vụt qua trên cầu treo cao trên kia, làm đàn vịt giật mình ngơ ngác rồi vỗ cánh bay đi.

Một Valentine tuyệt vời ở Vienna sẽ kết thúc bằng buổi tối dừng chân trong một quán cà phê nhỏ bên góc phố se lạnh. Mọi người ngồi bên nhau cạnh lò sưởi đốt bằng củi và trái thông khô tí tách bắn những hoa lửa nhỏ li ti, nhấm nháp những chiếc bánh qui mới ra lò còn thơm phức mùi bơ sữa.

Venice, Paris, Vienna... và còn nhiều, nhiều nữa những “phố yêu”, làm mỗi mùa Valentine đến, tim tôi lại đập loạn nhịp nhớ về những kỷ niệm mới đây mà đã như xa xăm...

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

London ngày không sương mù

Một trong những ngày cuối cùng của tôi ở London, một ngày tháng 10-2005 không sương mù, trong lúc băng qua đường đến hàng bánh sandwich Subway mua một chiếc lát dẹt, tôi chợt nhận ra đã lâu rồi tôi không buồn nhìn những điện Buckingham, Big Ben, Tower Bridge đẹp như mơ khi đi ngang nữa.

Tôi cũng không nhìn nước sông Thames thắc mắc tại sao một con sông xấu xí như vậy có thể nổi tiếng thế giới được. Tôi cũng không nhìn những buồng điện thoại công cộng màu đỏ rồi trầm trồ khen. Tôi cũng không nhăn nhó bức bối vì khu mua sắm “nhà giàu” Harrod bắt phải trả một số tiền tương đương 60.000 đồng để sử dụng toilet. Bây giờ tôi có thể đi bộ qua đường luồn lách trước mũi những chiếc xe đang dừng đèn đỏ mà không cần nhìn trước ngó sau, có thể hiểu “Cockney rhymes” (*) hay những từ lóng khác một cách nhanh nhẹn, có thể kể vanh vách tên những trạm tàu điện ngầm ở London thuộc tuyến nào và biết đi quán bia nào có thể gặp được nhiều cổ động viên đội Arsenal...

London là thành phố châu Âu đầu tiên tôi đến vào năm 2002. Cho đến giờ nhớ lại, tôi vẫn thấy rõ như in sân bay Heathrow – một thời được biết đến với cái tên Thieffrow vì khét tiếng với nạn móc túi chộm chia – nhộn nhịp với hàng trăm chuyến bay mỗi ngày, những ngôi nhà kiểu Tudor trắng đen dọc đường đi, và những ngọn gió mùa hè mát rượi khi bước ra trạm xe điện ngầm Camden Town, khi tôi ngơ ngẩn nhìn những quán rượu tường đá xám treo đầy hoa rực rỡ.

Thủ đô nước Anh ngày tôi trở lại vào năm 2004 gần như không thay đổi chút nào. Vẫn những du khách lăm lăm máy ảnh trên tay chụp bất cứ cảnh gì trong tầm mắt. Vẫn con sông Thames “được yêu nhất trong số những đứa con của đại dương” như lời câu thơ từ thế kỉ 17 của Robert Herrick chảy hoài trong trí nhớ người dân London và

những ai yêu thích thành phố đắm mình trong lịch sử này. Vẫn điện Buckingham uy nghi, Big Ben sừng sững, London Tower vờn hoa thường xuân đỏ rực quần trên tường... Gặp lại, London không làm tôi ngỡ ngàng như năm nào, nhưng cảm giác bồi hồi rạo rạo và tự hào được đứng nơi bao người mơ được thấy một lần trong đời vẫn còn nguyên vẹn, dù nay London chỉ cách nơi tôi ở không xa và tôi có dịp đến đây ít nhất mỗi tháng một lần.

Tôi không biết bắt đầu từ đâu để viết về một trong những thành phố nổi tiếng nhất thế giới này, bởi mỗi góc phố, mỗi địa danh ở London đều làm tôi có cảm giác như đang đọc sách hay đang xem những cuốn phim từ những thế kỉ trước, và nhớ lại những ngày mới học tiếng Anh, mơ về thành phố sương mù kiêu hãnh.

Bắt đầu từ quảng trường Trafalgar Square chẳng? Những ngày nắng ấm, du khách kéo nhau ra hồ nước, nơi lí tưởng để ngồi lười biếng ngắm thế giới đi qua. Những chiếc xe buýt hai tầng màu đỏ, một trong những hình ảnh đặc trưng London, dập dìu qua lại xung quanh quảng trường. Và bồ câu bay rợp trời. Chính quyền thành phố đã chính thức cấm bán thức ăn bồ câu xung quanh khu vực để bớt lượng bồ câu tập trung nơi đây, nhưng du khách vẫn lết lút lấy bánh mì, thức ăn của mình cho chúng. Có người nói đùa đôi lúc du khách phải “chiến đấu” tranh chỗ ngồi với chúng ở Trafalgar Square. Bồ câu dạn người, có khi đuổi không thèm bay và mổ thức ăn ngay trên tay những du khách đến từ khắp nơi trên thế giới. Tôi nghĩ có khi chúng còn hiểu nhiều ngôn ngữ khác nhau không chừng (?)

Hay bắt đầu từ tòa nhà quốc hội Houses of Parliament, được xây vào năm 1840 khi London còn mê mẩn kiến trúc kiểu neo-Gothic? Một trong những dấu ấn được biết đến nhiều nhất trên thế giới – tháp chuông đồng hồ Big Ben, với mặt và kim đồng hồ được lau chùi năm năm một lần – từ khi ra đời đã nằm trong hàng triệu tấm ảnh những ai từng đến thăm. Để có được cái nhìn toàn cảnh tòa nhà, bạn nên đi về hướng đông cầu Lambeth, nhất là vào lúc hoàng hôn, cả khu phức hợp trải dài đắm mình trong ánh nắng chiều vàng in bóng xuống dòng sông Thames với những chiếc thuyền trôi. Hồi chúng tôi mới quen được hai tháng, Daniel có sang Anh thăm tôi. Sau một ngày đi lại mỏi chân, chúng tôi dừng lại nghỉ trên cầu. Hôm đó là một ngày nắng hiếm hoi của mùa thu, mặt trời phương Bắc nhuộm vàng những tòa nhà lộng lẫy, hắt bóng xuống mặt nước giống hệt

như tưởng tượng của tôi về một nền văn minh châu Âu. Có tiếng chuông nhà thờ từ đâu vọng lại, có thể là tiếng chuông từ Big Ben chẳng, ngân vang trong không gian tĩnh lặng làm tôi xúc động đến nghẹt thở, thấy mình quả là may mắn được tận hưởng những khoảnh khắc như thế này.

Chỉ cách đó một quãng đi bộ, nhà thờ Westminster là trung tâm hệ thống nhà thờ Thiên chúa giáo của cả Vương quốc Anh gồm Anh, Scotland, xứ Wales và Bắc Ailen. Đây cũng là điển hình duy nhất của kiến trúc theo kiểu neo-Byzantine ở London, với tháp xây bằng đá trắng và gạch đỏ bên ngoài; còn bên trong nhà thờ lát cẩm thạch và đá mosaic, nhưng chỉ một nửa, nửa còn lại lát gạch trần vì nhà thờ đang trang trí dở thì... hết tiền (đó là những gì tôi biết từ sách du lịch Lonely Planet và những trang web chính thức của thành phố). Nhưng nhờ vậy mà nhà thờ mang nét đặc trưng rất riêng, nhất là vào lúc đầu đêm, khi ánh nến lung linh hắt lên tường và cả không gian ngập trong những mảng sáng tối.

Ở Việt Nam, Hyde Park là công viên ở Anh được nhiều người biết đến nhất do đó là công viên lớn nhất London, được vua Henry VIII lấy của nhà thờ từ năm 1536, trước là nơi vua và quý tộc săn nai, sau là nơi đấu súng, xử trảm, rồi thành trường đua. Bắt đầu từ thế kỷ 17, Hyde Park là công viên hoàng gia đầu tiên mở cửa cho dân chúng. Mùa xuân, công viên tràn ngập sắc hoa, còn mùa hè ở đây đầy dân địa phương ra tắm nắng, trông không được hấp dẫn cho lắm vì dân Anh quanh năm sương mù nên da dễ quá trắng, so với dân Hawaii săn chắc rám nắng khác xa một trời một vực.

Nhưng tôi vẫn yêu nhất cây cầu bắc ngang dòng sông Thames, không phải London Bridge như trong bài hát ru em “London Bridge í falling down”:

- Cầu London bị sụp rồi bị sụp rồi.
- Phải xây lại bằng bạc và vàng vậy!
- Bạc và vàng tôi không có.
- Phải xây lại bằng kim và đinh ghim vậy!
- Kim và đinh ghim bị cong và gãy mất thôi.
- Phải xây lại bằng gỗ và đất sét vậy!
- Gỗ và đất sét sẽ bị trôi mất.
- Vậy thì xây lại bằng đá, đá thật chắc vào!

Dù London Bridge không bị sụp như trong bài hát ru em dễ thương đó, người ta cũng quyết định xây Tower Bridge về hướng đông London Bridge vào cuối thế kỉ 19 để tránh tình trạng kẹt xe trên cầu hàng mấy giờ liền. Và chắc vì nghe theo lời bài hát, bên cạnh những sắt thép kiên cố, Tower Bridge được xây bằng đá từ vùng Cornwall và Portland. Trông xa đẹp và sang trọng như một tòa lâu đài, nhất là vào đêm, khi điện thấp sáng huy hoàng hắt bóng cầu xuống mặt nước lung linh như một giấc mơ thời thơ ấu. Trung bình mỗi năm Tower Bridge được nhắc lên khoảng 900 lần để những con tàu lớn quá cỡ có thể băng qua. Chắc vì tôi không có duyên nên cầu không nhắc lên lần nào mỗi khi tôi đến. Song chẳng hề gì, tôi vẫn thích được đi bộ trên cầu, nhìn hai cột cao sừng sững, dòng xe cộ xuôi ngược bên cạnh và cảng Katherines với những con thuyền nằm gói đầu im lìm bên dưới...

Nhưng London không chỉ là một nơi xa lạ với những địa danh hoành tráng mà còn chứa đựng nhiều điều giản dị, nơi có những người bạn tôi hết sức yêu quý, trong đó phải nhắc đến gia đình Lynette và Bruce ở khu Kiburn. Cả hai vợ chồng đã gọi London là nhà mấy chục năm và mặc dù không sống trong những cộng đồng người Úc ở Bayswater hay Earl's Court nhưng vẫn còn giữ giọng Úc đặc sệt. Hai anh chị gọi nhau là “mate”, ban đầu nghe rất buồn cười nhưng lâu dần tôi cũng quen đi. Chuyến đi Anh và xứ Wales đầu tiên năm 2002 của tôi cũng do Lynette và tổ chức của cô giúp đỡ kiếm học bổng nên tôi rất mến cô, và cũng vì một lí do nào đó giữa hàng trăm sinh viên tham gia chương trình cô chọn tôi làm “tri âm tri kỉ”. Hai vợ chồng cô có đứa con gái hai tuổi rất dễ thương tên Molly, tóc vàng xoăn tít và rất dạn người lạ. Lúc tôi mới sang, cô nhóc hay lấy bàn chải đánh răng của tôi đi khắp nhà vừa đi vừa đánh răng, làm Lynette áy náy bảo để cô mua đèn cho tôi bàn chải khác. Gần như lần nào tôi ở lại nhà cũng vậy, chỉ khi Molly lớn hơn, có thêm đứa em trai mới sinh nên ra về chị hẳn, không còn lấy bàn chải tôi nghịch nữa, tôi lại thấy nhớ nhớ.

Ngoài ra cũng không thể quên hai “chiến hữu” khác của tôi là anh Hùng và Thiêm, đều là dân học bổng Chevening giống tôi. Có hai lần chúng tôi ở lại nhà anh Hùng tại Hackney Down, một trong những khu “đá cá lặn dưa” nhất London và cũng là nơi nhiều Việt kiều Anh sinh sống (Tuyến xe buýt từ nhà anh Hùng chính là tuyến xe 30 bị đánh bom trong đợt 7-7 năm ngoái, nhưng may mắn hôm đó

anh không đi). Nhờ anh Hùng tôi mới biết được món mắm tép chung thịt thơm ngon nức mũi mà anh khoe vợ anh gửi tận Hà Nội qua. Thấy tôi khoái món này, sinh nhật tôi Thiêm lặn lội từ London về Southampton tặng tôi hai hũ, khiến tôi cảm động quá chừng. Nhắc đến Thiêm, tôi vẫn còn buồn cười chuyện ăn sầu riêng. Số là anh chàng người Bắc này chưa bao giờ được ăn sầu riêng nên tự nhiên một ngày nọ nổi máu lên muốn thử thử trái cây này, vậy là bỏ ra 11 bảng Anh (khoảng hơn 300.000 đồng) mua một trái về ăn chơi. Nghe chuyện tôi cười sặc sụa, bảo “Cực chẳng đã người ta từng ăn rồi, thậm qua mới bỏ ra chừng đó tiền để mua. Đằng này chưa bao giờ ăn mà lại qua London thử sầu riêng với giá cắt cổ. Đúng là điên”. Nhưng tôi mến Thiêm vì anh bạn này cũng “máu” đi chơi giống tôi, chỉ cần gọi điện “Thiêm ơi tháng sau đi Hà Lan và Bỉ với tui không” là ừ liền rất sốt sắng.

Tôi chỉ biết mình gắn bó với London trong chuyến du lịch đến Tây Ban Nha vào tháng bảy năm ngoái, xem truyền hình trực tiếp buổi công bố quyền đăng cai Olympic 2012 tại khách sạn. Tôi cổ vũ London nhiệt liệt như cổ vũ người nhà đi thi trên TV, hơn hờ khi lần lượt Matxcova, New York rồi Madrid bị loại. Và khi Paris – đối thủ nặng ký nhất - cũng bị loại khỏi vòng đấu và dòng người tập trung ở Trafalgar Square vỡ òa ra trong niềm hân hoan tột độ, ở đây tôi cũng nhảy múa hò hét như điên. (Sau này tôi được biết trong cuộc đua dành đăng cai, tổng thống Jacques Chirac đã đề cập đến việc ẩm thực Pháp ngon hơn và được ưa chuộng trên thế giới hơn món ăn Anh. Ngụ ý nói nếu tổ chức ở Anh vận động viên sẽ khổ sở chuyện ăn uống, có lẽ câu nói này đã có “tác dụng ngược” đối với Paris chẳng?). Rồi cũng từ chiếc ti vi căn phòng khách sạn ấy, chỉ ngày hôm sau khi vừa về từ chuyến đi thăm ngôi làng Địa Trung Hải êm đềm, thấy phóng viên đang đứng nói về một vụ khủng bố, tôi ngồi vừa nghe vừa gặm thịt gà một cách thờ ơ. Có lẽ lại một trong những vụ đánh bom như cơm bữa ở Palestine hay Israel chứ gì. Nhưng bóng những ngôi nhà gạch đỏ quen quen thấp thoáng sau lưng phóng viên làm tôi bật dậy “Hình như London”... và ngay người nhận ra đúng là London thật.

Chiếc xe buýt 96 anh Hùng vẫn đi học mỗi ngày chỉ còn là một đồng sắt vụn bốc khói. Trạm Liverpool Street, nơi tôi từ bến xe điện ngầm xuống bắt xe lửa đến sân bay Stansted đi Tây Ban Nha chỉ mới cách đó hai ngày, tan nát vì khói lửa. King Cross St. Pancras nơi tôi và

Alastair, bạn thân nhất ở ANh, hay đi xe lửa về chơi nhà ba mẹ anh ở Harpenden, toàn những người đầy máu đang hoảng loạn chạy khắp nơi. Toàn địa danh quen thuộc. Chỉ mới hai ngày, tôi đã trải qua bao nhiêu cảm xúc khác nhau cho thành phố ấy: vừa vui mừng hồ hởi hôm qua, hôm nay đã run rẩy, sợ hãi, thương xót, lo lắng. Lúc ấy, tôi mới biết mình yêu London đến chừng nào: Dù mỗi lần đến đó phải nhin ăn nhin uống vì vật giá đắt đỏ đầu tắt mặt tối vì công việc, chạy ngược xuôi cho kịp chuyến xe, dù thành phố có thờ ơ không biết tôi là ai và từ đâu đến...

Thành thật mà nói, trước đó có một giai đoạn tôi không ưa London. Nói ra nghe dễ ghét và trưởng giả không kém những ai nói “Ta không ưa đi xe limousine chút nào hết”, nhưng tôi có những lí do chính đáng để không ưa thủ đô này. Những lần đến London của tôi luôn gắn với một việc gì đó vừa gấp vừa quan trọng: gia hạn hộ chiếu, lấy visa Schengen, làm dự án trong khóa học, lên gấp sếp... nên throwfng rất "chộp giựt", không được thư thả cho lắm nên khi rời London tôi luôn có cảm giác nhẹ nhõm. Lại nữa, có một điều gì đó về thành phố đất rộng người đông này làm ta luôn thấy hồi hã. Có thể đó là do dòng người vội vã lên xuống trong những bến tàu điện ngầm, do những khu phố shopping như Oxford Street hay Regent Street cuộn cuộn người mua sắm, hay do những bước sải dài của người dân ở đây.

Có lần tôi giúp chỉ đường cho một ông người New Zealand khoảng 60 tuổi – lần đầu tiên đến London – với thâm niên 40 năm nuôi cừ ở trang trại quê hương: “Dễ lắm! Đây là nhà ga Waterloo, ông đi thang cuốn xuống theo bảng chỉ dẫn có dấu hiệu underground của London đó, rồi đi tuyến Piccadilly Line màu xanh dương, hướng đi Cockfoster nhưng đừng đi tuốt Cockfoster mà xuống tàu ở King’s Cross. Xuống King’s Cross ông sẽ không đi tàu điện ngầm nữa mà sẽ đi xe lửa. Bây giờ hệ thống đang sửa chữa nên ông phải ra khỏi ga tàu điện ngầm, theo bảng chỉ dẫn đi bộ tòi ga St. Pancras, từ đó hỏi người bán vé hướng đi St. Albans. Dễ lắm!”. Sau khi nói một hơi, tôi mới nhận ra mình giống anh chàng trong chuyện “Đôi mắt” của Nam Cao, nhiệt tình chỉ đường nhưng không nhận biết đối với người khác những chỉ dẫn ấy rồi rắc chừng nào. Ông nhìn xung quanh, than: “Sao ở đây người ta lúc nào cũng lật đật quá vậy?” làm tôi cười, thầm so sánh nơi này với những cánh đồng ngút ngàn có đàn cừ trắng của ông. Hi vọng ông không bị lạc trong ma trận tàu điện

ngắm London hôm ấy và khi tôi viết bài này, có lẽ ông đã về lại quê nhà giản dị và yên tĩnh. Lúc nào đó hoàng hôn buông xuống trang trại mênh mông, ông ngồi nhà nhìn ra những đàn cừu chạy mỗi chân trên đồi, có như tôi lúc này đây, nhớ London vội vã của những ngày không sương mù.

Chú thích:

(*) Cockney rhymes: *Những từ lóng bắt nguồn ở phía đông London, được hình thành bằng cách dùng một cụm từ có cùng vần để ám chỉ một từ khác. Chẳng hạn như "bread and honey" (bánh mì và mật ong) là tiếng lóng để chỉ money (tiền), vì honey cùng vần với money.*

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Một ngày ở “thành phố Anh nhất” nước Anh

Lần đầu tiên khi tôi đi châu Âu vào giữa năm 2002, Louise – một người bạn – hỏi tôi thăm được những đâu ở Anh rồi. Khi biết tôi mới đi được London, cô cười: “London thì không tính. Đó là thành phố quốc tế (metropolitan), không có gì đặc trưng cho nước Anh hết. Muốn biết nước Anh ra sao, bạn phải đi York kia!”

Vậy là chuyến đi thứ hai đến Anh theo học khóa MBA mới đây, tôi quyết tâm đi York cho bằng được. Tôi ở Southampton, một thành phố miền Nam, còn York lại ở xa tít tận đầu miền bắc. May sao, tôi có cô bạn thân Fiona (tên thân mật là Fi) ở Manchester. Sau hai ngày với Fi và Paul – bạn trai cô- dạo khắp thành phố công nghiệp rộng lớn này với những tòa nhà to sừng sững và những đại lộ rộng thênh thang, tôi nằng nặc đòi đi York ngay vì từ Manchester đến đó chỉ cách hai tiếng chạy xe hơi. Fi rảnh nên đồng ý dẫn tôi đi, còn Paul phải đi làm. Buổi sáng, thấy anh xách cặp đi mà mặt ỉu xiu: “Ghét đi làm quá, phải chi được đi York chơi!” mà thấy tội nghiệp.

Ba của Fiona, chú Andrew, đón hai đứa tôi tại căn hộ của Fiona và Paul ở đường Hathersage bằng một câu chào rất Anh: “Trời bữa nay đẹp quá ha!” với giọng ngán ngẩm. Bầu trời sáng đỏ xám xịt, ướt sũng nước, lâm thâm mưa. Tôi hỏi Fi có phải người Anh lúc nào gặp nhau cũng nói chuyện thời tiết không; cô ngượng ngập: “Ừ, nhiều lúc muốn tránh mà không tránh được, thành thói quen rồi. Tại thời tiết ở Anh khá xấu so với những nước châu Âu khác, lại thay đổi liên miên nên đó là chủ đề dễ nói nhất”.

Xe chúng tôi đi qua những đồng cỏ xanh mướt trải dài hoa dại li ti nở trắng. Những ngọn núi cao và những quán rượu kiểu Anh rải rác trên đường. Ba của Fi chỉ: “Đường kia đi Scarborough, nhưng cách khá xa York. Mình chỉ đi được một ngày chứ có thời gian ta ghé vào chơi”. Tôi hớn hờ: “Scarborough hả? Có phải địa danh trong bài Scarborough Fair (Giàn thiên lý đã xa) không?”. “Ừ! Mà bây giờ nó không còn hội chợ như trong bài hát nữa đâu”. Tôi ỉu xiu: “Ủng quá! Vậy làm sao nhờ người hỏi thăm cô gái tôi yêu được nữa đây?

(Remember me to one who lives there. She once was a true love of mine)”. Cả Fi và ba cô cùng bật cười.

York không khác bao nhiêu so với trí tưởng tượng của tôi về một thành phố yên bình, có giáo đường uy nghiêm cùng những quán rượu xây bằng đá, những tòa nhà xưa treo nhiều giỏ hoa tươi đủ màu. York đón chúng tôi ở cổng vào với mái vòm bằng đá rêu phong và ánh nắng đầu ngày hắt những tia lấp loáng. Mỗi bước đi ở thành phố nhỏ bé và yên tĩnh này, tôi như thấy hồn nước ANh nơi lối đi lát đá, trên những ngôi nhà gạch đỏ hay kiểu Tudor bằng gỗ trắng đen. Và nhất là York Minster, nhà thờ kiểu Gothic nguyên thủy lớn nhất Bắc Âu với tòa tháp đôi vươn lên nền trời, bên những rặng cây xanh thắm.

Bên ngoài York Minster đã đẹp, nhưng bên trong mới thực sự là những gì tinh túy nhất của nghệ thuật kiến trúc châu Âu có cách đây đã gần ngàn năm. Nhà thờ được xây hình chữ thập, tượng trưng niềm tin vào Chúa Giêsu chết trên thánh giá. Bên trong có những bức tượng, mái vòm, cửa sổ được chạm khắc tinh xảo và ghép từ những mảnh kính màu đẹp như tranh vẽ. Tôi dừng lại để thắp nến trên bậc thềm. Những ngọn nến làm tan đi cái lạnh từ các vách đá và làm không gian bừng sáng, ấm áp hẳn lên.

Ra khỏi nhà thờ, tôi bắt gặp ở xa bức tường đá và tòa nhà đas đã đổ nát cạnh những luống hoa giống hồng tường vy nở trắng bên thảm cỏ xanh mướt. Quả thật, chúng gợi tôi nhớ đến những điều đã được học về thời hoàng kim của châu Âu trong các thế kỷ trước.

Fiona trước đây là sinh viên Đại học York nên cô rất rành thành phố này. Rời York Minster, chúng tôi bắt gặp cửa hiệu bán kẹo có cái tên khá ngộ ;à Bếp Kẹo Dẻo (Fudge Kitchen). Fi bảo đây là một trong những cửa hiệu kẹo dẻo nổi tiếng nhất ở Anh. Tôi thích thú nhìn những cô gái mặc trang phục miền quê nước Anh làm kẹo ngay tại quán – có lẽ vì thế mà quán có cái tên ngộ như vậy – và ném thử những viên kẹo hình vuông cắm trên que tăm đặt trên mặt kính làm quà cho khách đến thăm cửa hang. Fi mua một ít kẹo có vị cà phê Ý cappucion, bảo để phần cho Paul tội nghiệp.

Mặc dù rất thích ở lại coi làm kẹo nhưng chúng tôi phải rời Fudge

Litchen vì còn rất nhiều nơi để đi thăm nữa. Chúng tôi dạo bước trên những khu phố đẹp như tranh, với những cửa hàng treo bảng bên ngoài những thanh sắt uốn lượn có hoa nở tươi tắn trên đầu những người dân địa phương đi mua sắm ngày cuối tuần. Khác với Manchester nhộn nhịp xe cộ, York có rất nhiều khu phố chỉ giành riêng cho người đi bộ và đi xe đạp, hoàn toàn không bị tiếng động cơ xe phá tan không khí trong lành và yên tĩnh.

May mắn cho tôi đến York và đúng dịp lễ hội ăn uống của thành phố (York's Food and Drink Festival). Trên khu chợ Newgate ở trung tâm san sát những quầy hàng ăn với trái cây tươi đặc sản địa phương và những món rất lạ như yaourt đậu nành, cá hồi vị tỏi xông khói, cà ri tôm... và đặc biệt là món xúc xích thịt heo Yorkshire. Tôi cười bảo Fi: “Heo Yorkshire nổi tiếng ở Việt Nam lắm”. Cô bạn mở tròn mắt: “Thiệt hả? Xa vậy mà cũng nổi tiếng được ư?”. Rồi cô giới thiệu với người bán – một người đàn ông trung niên vui vẻ: “Bạn cháu nói ở Việt Nam heo Yorkshire nổi tiếng lắm” làm ông phá lên cười thích chí. Khác với những thành phố lớn, người địa phương ở đây rất mến khách và thân thiện. Những người bán xung quanh cũng phá lên nhìn tôi cười “Hello, luv”. Thì ra người Anh, nhất là ở miền quê và những thành phố nhỏ, nói chuyện rất hay đệm “luv” vào cuối câu, giống như người Sài Gòn hay gọi người nhỏ tuổi hơn là “cung” vậy.

Trước khi chú Andrew chở chúng tôi vào thành phố và lái xe đi thăm người bà con, ông đưa 30 bảng Anh: “Cho hai đứa đi chơi với ăn trưa. Nhớ phải ăn món gì tử tế đó. Tới York là không được ăn McDonald hay Burger King nhé!”. Vậy là chúng tôi hí hửng ăn trưa “xa xỉ” hơn thường lệ tại một nhà hàng gần bờ sông. Fi hài ước cho tôi hay rằng con sông này nổi tiếng vì năm nào nước lũ cũng... dâng lên ngập thành phố. Cô chọn giúp tôi món khoai tây nhồi tôm và mayonnaise đặc trưng kiểu Anh rất ngon nhưng vì tôi nếm những món đặc sản York ở chợ đã no nên ăn mãi mới xong.

York được biết đến nhiều trên thế giới không phải nhờ thịt heo mà vì những sự kiện lịch sử thời cướp biển Viking tràn từ Scandinavia qua rồi định cư từ năm 876 trước công nguyên. Chuyến đi đến York sẽ không trọn vẹn nếu không ghé qua Jorvik (Jorvik theo ngôn ngữ Viking là York) để khám phá những món đồ khảo cổ đã từng được khai quật thời Viking từ hơn ngàn năm trước. Thật ấn tượng khi

tham quan Jorvik tour, được ngồi trên chuyến xe chạy chậm chậm nhìn cảnh vật giống y như thành phố cảng miền Bắc nước Anh thời xa xưa, với những túp lều rom, thuyền gỗ lớn buộc thừng nằm gối lên bờ, những rổ mây đựng cá và những tấm lưới vắt phơi ngoài sân. Đặc biệt hơn, khách đi tour không chỉ cảm nhận lịch sử bằng mắt và tai mà bằng cả xúc giác, vì toàn bộ khu vực này tắm trong vị mặn của gió biển, của làng chài, thêm chút mùi gỗ, rom và nền đất ẩm đặc trưng thời xa xưa. Ở Jorvik, tôi còn học cách viết tên mình bằng “ngôn ngữ cướp biển” và khắc tên mới học lên đồng bảng Anh đem theo làm kỉ niệm.

Ở nhà Fi có treo một bức hình York tên là The Shamble, một trong những con đường xưa nhất châu AAuu có lối đi hẹp lát đá uốn lượn quanh co và những ngôi nhà hai bên nghiêng mình xuống đường. Hóa ra The Shamble chỉ cách Jorvik có năm phút đi bộ. Con hẻm nhỏ làm tôi nhớ tới những ngôi nhà nép mình ở Zurich, nhưng phố cổ Zurich nhiều màu sắc và nhộn nhịp hơn, còn The Shamble yên tĩnh với những shop nhỏ xinh xắn bán đồ lưu niệm và những quán rượu đặc trưng kiểu Anh, đồng thời có nhiều hoa nở nghiêng nghiêng trên mái gác. Có nhiều chỗ nhà được xây nghiêng đến nỗi người đứng trên gác nhà này có thể bắt tay người đứng trên gác nhà bên kia đường. Gần The Shamble là con hẻm nhỏ và ngắn có tên Whip-Ma-Whop-Ma-Gate. Mọi người thường đùa rằng chưa kịp đọc hết cái tên là lung đó thì đã đi hết hẻm!

Chúng tôi ra bãi đậu xe về lại Manchester. Trên đường đi, chú Andrew chỉ tôi một quán rượu rất xưa tên Golden Fleece. Phía trước quán có treo một chú cừu long vàng bằng đá. “Quán rượu này là nơi dân nhậu York hay tời. Tụi nó uống rượu xong hay hát hò ồn ào lắm”. Ông kể vậy, nhưng tôi không tin, York đẹp và yên bình vậy mà, làm sao người ta “xỉn” tời mức khẩy động được?

York còn nổi tiếng về tour “Chuyến đi dạo ma” (Ghost Walk) gần bờ sông, vốn không dành cho người yếu tim. “Phải để dành cho chuyến sau đi York còn có cái mà xem nữa chứ” – ba của Fi khuyên tôi.

Nhưng tôi biết dù có đi thăm hết tất cả những góc ngách của “thành phố Anh nhất” nước Anh này, lần sau, hay lần sau nữa đến đây, những cảm xúc về York trong tôi vẫn còn nguyên như trước.

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Đi tìm dấu vết The Beatles

Trong cuốn sổ tay du lịch tôi được phu nhân đại sứ Anh tại Việt Nam tặng riêng trước khi sang Anh du học, phần viết về Liverpool chỉ có hai hình minh họa, trong đó một vẽ bốn chàng trai trong ban nhạc huyền thoại The Beatles. Chừng đó đủ biết Fab Four – tên gọi thân mật của The Beatles – có ý nghĩa như thế nào đối với thành phố cảng miền Bắc nước Anh này.

Đó là một ngày đầu thu. Mùa thu ở Anh, đặc biệt là ở miền bắc, rất lạnh nhưng tôi hăm hở dậy thật sớm đón một trong những chuyến xe đầu tiên của ngày để khám phá Liverpool và cảm nhận không khí Beatles trọn vẹn. Quả là một sự trùng hợp ngẫu nhiên khi vặn đài Virgin Radio, sau những bản nhạc rock quen thuộc trong tháng (một anh bạn bảo mới nghe Virgin Radio rất thích vì nhạc hay, nhưng sau vài ngày rất dễ... nổi điên vì cứ nghe đi nghe lại những bài hát y chang vậy), tôi tỉnh ngủ hẳn khi nghe giọng John Lennon: “Tất cả những nơi ấy đều có những khoảnh khắc riêng với những người yêu và bạn bè tôi vẫn còn nhớ... Nhưng tất cả những bạn bè và người yêu ấy đều không thể so sánh với em” (In my life). Virgin Radio rất hiếm khi chơi The Beatles, thế mới lạ.

Đến Liverpool vào tháng chín quả không đúng lúc vì Hội nghị quốc tế về The Beatles đã diễn ra một tháng trước đó, còn Liverpool MOW – lễ hội âm nhạc hằng năm với những ban nhạc địa phương có triển vọng – lại được tổ chức vào tháng mười. Nhưng không khí âm nhạc vẫn tràn ngập thành phố rộn rã này, trong dòng người tập nập đi mua sắm ngày cuối tuần, trong những cửa hiệu bán nhạc cụ bên đường, và ngay cả trong những góc phố khuất nẻo ít ai để ý đến.

Giọng Liverpool rất khó nghe, ngay cả đối với người Anh đến từ những vùng khác. (Giống như người Sài Gòn lần đầu đi Huế rất dễ kêu trời vì không hiểu người Huế nói gì). Được một người địa phương nhiệt tình chỉ cận kề đường đến quảng trường thành phố, và với tám bản đồ trong tay tôi hoang mang với một mớ rối rắm những từ địa phương và cách phát âm đặc trưng Liverpool nghe câu được

câu hát. Cuối cùng tôi cũng đến được quảng trường thành phố, quả không uống công lặn lội. Quảng trường đầy nắng và tràn ngập nốt nhạc réo rắt của những nghệ sĩ lang thang. Ở đó tôi nghe lại những ca khúc The Beatles quen thuộc *And I love her, Hey Jude...* và bản nhạc tôi rất thích mà đã nhiều năm không nghe lại “Tôi yêu em tám ngày mỗi tuần... Tám ngày mỗi tuần cũng không đủ chứng tỏ tôi quan tâm đến chừng nào... “ (*Eight days a week*). Bài hát cứ làm tôi mỉm cười.

Mặc dù rất muốn ngồi nán lại nghe thêm các giai điệu của Fab Four, tôi quyết định đi thăm những nơi khác của Liverpool. Trên bản đồ một địa điểm được đánh dấu với cái tên “Câu chuyện The Beatles” ở cảng Albert. Tôi hỏi người đàn ông trung niên có khuôn mặt vui vẻ ngồi nghe nhạc cùng bậc thềm. Thật may mắn, ông không nói giọng Liverpool, và may hơn nữa ông cũng muốn đi đến cảng Albert thăm bảo tàng nghệ thuật thành phố ở gần đó.

Trên đường đi, tôi hỏi: “Sao giọng Liverpool khó nghe nhưng giọng The Beatles lại dễ nghe đến vậy!”. Ông cười xòa: “Phải đổi chút ít chữ, ai lại mang giọng địa phương đặc sệt vào âm nhạc hiện đại. Nhưng đời thường Fab Four vẫn nói giọng Liverpool đấy. À, đường này rẽ vào Cavern Club, cô có muốn vào cho biết không?”.

Trong cuốn guidebook có viết về Cavern Club, nơi tứ quái từng chơi nhạc từ khi còn “hàn vi” đến lúc đỉnh cao âm nhạc. Rẽ vào đường Mathew, một con đường khá nhỏ so với mức độ nổi tiếng của nó, là đến Cavern Pub, một quán rượu bên ngoài có dựng tượng John Lennon cầm đàn guitar to bằng người thật. Trên khắp bức tường bên ngoài quán có khắc tên tất cả những nghệ sĩ từng biểu diễn ở Cavern Club từ 1957-1973, trong đó có không ít tên tuổi dữ dằn không kém như Eric Clapton, The Rolling Stones, Status Quo, The Who, Rod Stewart, Queen, Stevie Wonder, Elton John, Jimi Hendrix. Đối diện Cavern Pub là Cavern Club, nhưng thật đáng tiếc Cavern Club thật đã bị đập bỏ vào thập niên 1970, nơi chúng tôi đến chỉ là một phiên bản giống hệt trên nền ngôi nhà cũ và dùng lại những viên gạch cũ của Cavern Club ngày xưa. Tôi thắc mắc sao đập đi rồi lại xây lại y vậy làm gì mất hết ý nghĩa. Ông bạn đồng hành nhún vai: “Nhiều khi dân Liverpool điên điên vậy đó. À, mà tôi không phải dân

Liverpool đâu nghe!”.

Dù vậy tôi vẫn có cảm giác bồi hồi khi đi bộ xuống cầu thang đá mờ mờ ánh điện vàng, xuống sảnh chính lung linh ánh nến với sân khấu cũng bằng đá, những cây đàn guitar điện và chiếc trống Ringo Starr có chữ Ludwig The Beatles. Người đàn ông tốt bụng bảo tôi: “Trên đường Slater có quán bar tên Jacaranda, Beatles cũng từng chơi ở đó. Nếu còn thời gian cuối ngày cô đến đó cho biết, quán bar này chính hiệu, hi vọng họ không có ý đập bỏ nó như Cavern Club”.

Đường Mathew có một cửa hiệu tên Beatles Shop rất nổi tiếng với bộ sưu tập lớn nhất những đồ lưu niệm và đĩa nhạc The Beatles. Song trên đường đi, bắt gặp bảng hiệu “Tặng bản đồ âm nhạc Beatles” và mũi tên chỉ đến một shop có tên From Me To You, chúng tôi quyết định đi đến đó.

Cách thức marketing này quả hiệu nghiệm: rất nhiều du khách đến From Me To You, sau khi được chủ tiệm vui vẻ tặng tấm bản đồ in màu, hầu như ai cũng nán lại mua một món gì đó: áo thun The Beatles, đĩa nhạc, hay vài tấm postcard... Theo bản đồ, không lâu sau ở khu này sẽ mọc lên một khách sạn mang tên Hard Day’s Night hotel. Những ai yêu nhạc ắt nhận ra đó là tên một bài hát của Fab Four – A hard day’s night (Đêm sau một ngày mệt nhọc).

Tôi tạm biệt người dẫn đường vui tính ở cảng Albert, nơi chiếc tàu neo gần bờ đang phát ra bài Yellow submarine, và mua vé đi tuor “Câu chuyện The Beatles” để làm một chuyến lữ hành hoài cổ ngược về lịch sử “bốn gã trai làm rung chuyển thế giới” – câu chuyện được khắc trên bức tượng Dooley trên đường Mathew.

Trời ngả về chiều, tôi rời cảng lên xe buýt đến giao lộ Penny Lane. Giữa giao lộ có một căn chòi nhỏ (shelter), gợi nhớ ngay đến lời bài Penny Lane do Paul McCartney sang tác về thời thơ ấu của mình “Phía sau căn chòi nhỏ ở chính giữa giao lộ, cô y tá xinh đẹp đang bán hoa thuốc phiện (*) trên một cái khay”. Một thời nhạc The Beatles bị chỉ trích rằng có những bài hát của họ cổ súy lối sống buông thả vờ ma túy (trong đó khét tiếng nhất là Lucy in the Sky with Diamond với tên viết tắt LSD, một loại ma túy cực mạnh. Các nhà phê bình cho rằng bài hát này nói về cảm giác lâng lâng khi “phê”, nhưng The Beatles lại khẳng khái bảo đó không phải ý của

họ).

Penny Lane chỉ là một con đường rất bình thường như mọi con đường khác, với những ngôi nhà gạch đỏ rèm cửa viền ren trắng trải dài dưới ánh nắng cuối ngày. Đầu đường có một quán rượu cùng tên, trên tường khắc trọn vẹn lời bài hát của Paul. Cạnh đó là một panô quảng cáo dự án biến Penny Lane thành một địa danh nổi tiếng hơn nữa với cách chơi chữ rất khéo “Penny Lane not just any lane” (Penny Lane chứ không phải một con đường bình thường).

Lang thang cuối ngày, tôi còn muốn đến Strawberry Fields (Những cánh đồng dâu), địa danh trong bài Strawberry Fields forever, nhưng đường đến đó còn xa quá nên đành luyến tiếc hẹn dịp khác. Cũng cần phải nói thêm, đây chỉ là tên địa danh, nếu muốn đến để... hái dâu bạn sẽ rất thất vọng vì ở đó chẳng có trái dâu nào!

Và suốt một tiếng đồng hồ trên xe buýt, trong đầu tôi cứ luẩn quẩn những bài hát của The Beatles: “Con đường dài quanh co dẫn đến nhà em sẽ không bao giờ biến mất, tôi đã thấy con đường ấy trước đây”...”Penny Lane vang trong tai tôi, đọng trong mắt tôi. Ở đó, dưới bầu trời ngoại thành xanh thẫm, tôi ngồi...”.

(*) Bài báo này được đăng trên Tuổi Trẻ Chủ Nhật số 23-10-2004, một tuần sau tôi được biết chữ “poppies” trong bài hát không phải hoa thuốc phiện (còn gọi là hoa anh túc) mà là một loại hoa vải có hình dáng và màu sắc giống như hoa anh túc, được bán trên đường phố trong khoảng thời gian đầu tháng mười một hàng năm ở Anh để gây quỹ cho quân đội hoàng gia Anh (và ở một số nước khác như Canada, Mỹ, Úc, Colombia...). Những người mua hoa poppies sẽ gài lên áo để tưởng nhớ những chiến sĩ tử trận trong chiến tranh thế giới và những cuộc chiến khác.

Hoa anh túc được chọn là biểu tượng một phần do bài thơ “Trên những cánh đồng Flanders” của trung tá John McCrae của quân đội Canada năm 1915, viết thay lời những người ngã xuống trên đồng Flanders và được chôn tại đây vào chiến tranh thế giới thứ nhất. Được biết sau khi những người lính được chôn một thời gian, nơi đây mọc lên rất nhiều hoa anh túc đỏ thắm.

Hai đoạn cuối có viết:

*We are the dead. Short days ago
We lived, felt dawn, saw sunset glow,
Loved and were loved, and now we lie
In Flanders fields.*

*Take up our quarrel with the foe:
To you from failing hands we throw
The torch; be yours to hold it high.
If ye break faith with us who die
We shall not sleep, though poppies grow
In Flanders fields.*

Tạm dịch:

*Chúng tôi là những người đã chết.
Chỉ vừa mới vài ngày trước
Chúng tôi còn sống, cảm nhận bình minh, thấy hoàng hôn rực rỡ
Yêu và được yêu
Còn bây giờ chúng tôi nằm
Trên những cánh đồng Flanders*

*Hãy tiếp tục cuộc chiến đấu của chúng ta với kẻ thù
Từ những cánh tay yếu ớt của mình, chúng tôi sẽ ném lên cho bạn
ngọn đuốc
Nó sẽ là của bạn, để bạn giương cao.
Nếu bạn không còn niềm tin vào chúng tôi, những người đã chết
Chúng tôi sẽ không ngủ được
Dù hoa anh túc vẫn cứ nở
Trên những cánh đồng Flanders.*

Như vậy cô y tá trong bài “Penny Lane” của The Beatles bán hoa poppies bằng vải để gây quỹ, không phải bán hoa thuốc phiện như tôi nhầm tưởng lúc viết bài.

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Một lần đến Notting Hill

Hồi còn sinh viên tôi cũng như đám bạn 19, 20 tuổi đều mê một bộ phim hài tình cảm Notting Hill với câu chuyện anh bán sách người Anh "nghèo, xui xẻo, chỉ được mỗi cái đẹp trai" (Hugh Grant) và ngôi sao điện ảnh Hollywood (Julia Roberts). Vì thế, khi có dịp đến London, sau khi đã chụp hình thoải thích ở tháp chuông Big Ben, quảng trường Trafalgar, đền Buckingham... tôi nhảy xe điện đến ngay Notting Hill để thỏa chí tò mò.

Notting Hill không phải "đôi Notting Hill như một số người lầm tưởng mà là tên một khu phố hiện đại, "trendy", thời thượng, đắt tiền vào bậc nhất London. Cô bạn người Anh lè lưỡi: "Một căn nhà nhỏ ở đó cả triệu bảng đó nghe!". Với tỉ giá một bảng Anh gần gấp đôi một đôla Mỹ, có vẻ như bất động sản ở đây còn đắt hơn khu trung tâm Manhattan của New York.

Đúng như tưởng tượng của tôi, ở Notting Hill có rất nhiều cửa hiệu sách, "đúng điệu" như trong cuốn phim Hollywood nọ. Ở đây bán đủ các thể loại sách, từ truyện trinh thám, khoa học viễn tưởng, tiểu thuyết tình cảm, sách dạy kinh doanh, báo chí... Đang đợt sale mùa hè nên đi đâu cũng thấy chữ sale to tướng bên trong. Sau khi đi một vòng mỗi chân, tôi hỏi một người đàn ông trẻ đang ngồi trên băng ghế đá gần đó nơi đến ngôi nhà cửa màu xanh của Hugh Grant trong phim và được biết đó chính là nhà của nhà sản xuất phim Richard Curtis, nằm ở khu Westbourne Park. Nhưng cánh cửa màu xanh nổi tiếng đã được gỡ ra bán đấu giá làm từ thiện và được thay bằng một cánh cửa màu đen bình thường như mọi ngôi nhà khác ở Anh. "Với lại từ đây đến đó xa lắm, cô phải đi xe buýt mới được"- anh bảo tôi. Không có nhiều thời gian, lại sợ lạc đường (tôi vốn rất dở xác định phương hướng, ngay cả ở Sài Gòn còn đi lạc, huống chi London rộng lớn và phức tạp như ma trận, tôi đã lạc không biết bao nhiêu lần), tôi quyết định không đi nữa mà vào quán bar bên đường nghỉ chân.

Một trong những quán bar nổi tiếng ở đây tên 192, nơi cô nàng Bridget trong phim Nhật kí Bridget Jones hay đến cùng bạn bè. Nhưng quán bar tôi ngồi đẹp hơn nhiều, với kiến trúc rất đặc trưng kiểu Anh: mặt tiền bên ngoài đỏ thắm và những ô cửa sơn màu kem

nhật. Nếu bạn chọn ngồi ngoài đường, trên đầu bạn sẽ là những giỏ hoa tươi đủ màu sắc thính thoảnh lại rụng những cánh hoa li ti xuống tóc. Còn một điều đặc biệt nữa ở Notting Hill: chỉ cần ngồi nửa tiếng đồng hồ, bạn sẽ thấy ít nhất vài nhân vật nổi tiếng đi ngang. Đây là nơi được giới showbiz: các diễn viên điện ảnh, người mẫu thời trang, ca sĩ... cả Anh lẫn Mỹ rất ưa chuộng và sẵn sàng bỏ ra hàng núi tiền để được sở hữu một căn hộ ở đây. Họ đi lại rất thoải mái, chẳng cần mang kính râm hay đeo khăn choàng để nguy trang tránh bị fan làm phiền, vì người dân Notting Hill có phong cách đúng nghĩa "phót Ănglê", chẳng ai để ý gì đến những ngôi sao đang đi trước mặt cả. Hay những người dân tôi gặp cũng là ngôi sao ở những lĩnh vực khác mà tôi không biết chẳng?

Một trong những sự kiện nổi bật ở khu phố thời thượng bậc nhất London này là lễ hội hoá trang (Notting Hill Carnival) được tổ chức vào dịp cuối tuần của mỗi tháng tám hằng năm. Lịch sử viết: cuộc xung đột sắc tộc đầu tiên của cả Liên hiệp Anh diễn ra vào tháng 8-1958. Đến năm tiếp theo, lễ hội hoá trang Notting Hill ra đời như một hình thức không chính thức nhằm xoa dịu xung đột này. Ngày nay, bên cạnh lễ hội ở Rio - Brazil, đây là lễ hội đường phố lớn nhất thế giới với hàng triệu người tham gia chỉ trong hai ngày mỗi năm. Mỗi khi nhìn những bức ảnh chụp ở đây, nhất là bức hai anh chàng vui tính đã vẫy tay chào và gọi với theo tôi "đi chơi London vui vẻ nhé" trong lúc tôi đang đứng tìm góc độ chụp ảnh ở Notting Hill, tôi lại nhớ đến buổi chiều mùa hè lang thang một mình ở đây. Nhớ không gian se lạnh, mưa lâm thâm, ánh nắng nhạt lúc 8h tối và những hiệu sách chạy dọc những con phố dài...

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Manchester những ngày gió

Tôi vốn không mấy cảm tình với thành phố Manchester: có lẽ vì là fan ruột của Arsenal và giống như bất kì một fan "chân chính" nào của những pháo thủ thành London, tôi ghét ngon ghét ngọt đội bóng Manchester United. Nhưng đã lâu không gặp cô bạn Fiona và cũng muốn làm một chuyến đến miền Bắc nước Anh; từ London tôi bắt đầu cuộc hành trình dài năm tiếng đồng hồ bằng xe buýt đến Manchester.

Ấn tượng đầu tiên của tôi về Manchester là những toà nhà to sừng sững. Và gió. Gió ở đây thổi hun hút, mặc dù ngồi trong xe tôi vẫn đoán được khi nhìn những người đi bộ đang cầm cúi rào bước trên đường.

Paul (bạn trai của Fi - tên gọi thân mật của Fiona) ra đón tôi. Khi dừng chờ xe buýt nội thành về căn hộ của hai người, Paul đưa tay chỉ: "Đằng kia là phố Tàu, Uyên thấy cảnh cổng kiêu Trung Hoa không? Phố Tàu ở Manchester lớn nhất nước Anh đó!". Ngồi trên xe anh tỏ ra là một hướng dẫn viên hết sức nhiệt tình: "Toà nhà này trước kia thuộc đại học Manchester, bây giờ là viện bảo tàng, nhưng vẫn giữ lại bảng tên trường".

Xe đi ngang 1 con đường có rất nhiều nhà hàng Ấn Độ, Paul nói: "Đường này có nhiều cửa hiệu bán cà ri rất ngon, bởi vậy còn được gọi là Dặm cà ri (curry mile)". Đang hào hứng nói, quay sang thấy mặt tôi méo xệch, anh ngạc nhiên: "Sao vậy? Không thích cà ri hả, hay say xe?". Tôi nhăn nhó: "Không phải, để nguyên vali trên chuyến xe buýt từ London rồi". Paul móc điện thoại ra gọi ngay đến đường dây khẩn của hãng xe, nói một thôi một hồi rồi bảo tôi: "Họ nói chuyến xe hồi nãy chỉ dừng lại ở Manchester một chút thôi, đã đi Huddersfield mất. Bữa nay tối thứ sáu họ không làm việc, biểu mình sáng thứ hai lên trạm xe Manchester nhận lại".

Tôi ngồi quạu quọ, vừa giận mình vừa ghét lây luôn Manchester. Thành phố gì mà xấu quá, không có vẻ gì "Anh" hết, đã vậy gió lại còn thổi lạnh buốt da. Xe đi ngang những toà nhà gạch đỏ giống nhau y hệt, tôi ngạc nhiên: "Sao kỳ vậy?", "À, trước khi xây dựng những khu như thế này, người ta đưa chừng năm, sáu kiểu nhà gì đó để mình chọn". Nghĩa là nếu mình chọn một kiểu nào đó sẽ có ít

nhất năm chục nhà khác giống mình y chang?", "Đúng vậy!". Ôi trời ơi, sao mà chán quá Manchester!

Tôi chỉ bắt đầu thấy mến Manchester sau bữa ăn tối đặc trưng
Âng-lê: cá kèm khoai tây chiên (fish and chip), và sau khi Fi dẫn tôi đến Bramall Hall, một trong những toà nhà kiểu Tudor trắng đen bằng gỗ đẹp nhất vùng Cheshire. Bao quanh toà nhà là hơn 60 hecta công viên xanh ngắt với những lối đi nở đầy hoa, những hồ nước và đàn vịt ứ đỏ bơi tung tăng. Fi bảo: "Toà nhà này được xây từ thế kỉ 11 đó Uyên", "Sao nhìn mờ quá vậy?", "À, khoảng cuối thế kỷ 19 nó được một gia đình khác mua và trùng tu, nhưng vẫn giữ những kiến trúc đặc trưng bên ngoài. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, Bramall Hall được thành phố mua lại. Uyên thấy chiếc xe cổ ngoài sân không? Ở đây đang có đám cưới!". Quả vậy, chỉ một lúc sau chúng tôi thấy co dâu chú rể và những cô phù dâu mặc áo dạ hội màu đỏ thắm bước ra sân. Tôi có cảm giác mình đang xem một bộ phim về châu Âu thời xa xưa, với những gia đình quý tộc và những cô gái xinh đẹp váy dài lướt thướt.

Manchester lớn thứ ba ở Anh, chỉ sau London và Birmingham, nhưng vì là thành phố công nghiệp và không ohát triển du lịch nên hầu như không có mấy khách du lịch ở đây. Ở Manchester không có những góc phố be bé xinh xinh níu bước chân khách bộ hành, mà dễ thấy những toà nhà lớn, những đại lộ rộng thênh thang. Toà thị chính thành phố ở quảng trường Albert có những giỏ hoa đủ màu sắc treo trên cột đèn và lá cờ liên hiệp Anh bay phấp phới trong gió. Từ quảng trường Albert, chúng tôi qua khu phố mua sắm lớn nhất thành phố. Có những viên đá tròn ngổ nghĩnh rất lớn nằm rải rác trên đường. Xa xa, một nghệ sĩ lang thang đang ôm đàn guitar chơi bài Don't dream it's over của Crowded House với giọng rất âm và buồn: In the paper today, tales of war and of waste. But you turn right over to the TV page. Hey now, hey now, don't dream it's over (Trên báo là những câu chuyện về chiến tranh và tàn phá, nhưng bạn lại lật ngay qua trang về chương trình TV. Này, này, đừng mơ nữa, nó đã qua rồi...).

Tôi nảy ra ý định viết về bản đồ âm nhạc Manchester khi đến quảng trường Men Arena, khán đài nhạc lớn nhất châu Âu với 20.000 chỗ, cũng là điểm hẹn âm nhạc nhộn nhịp nhất hành tinh với gần một triệu người mua vé vào xem mỗi năm. Hầu như tất cả những nghệ sĩ lớn, từ REM đến Kylie Minogue, đều từng chơi ở đây ít nhất một lần.

Với tấm bản đồ âm nhạc lấy từ văn phòng du lịch trên tay, tôi lặn lội

một mình qua những đại lộ rộng thênh thang với những ngôi nhà gạch đỏ, nơi những ban nhạc và ca sĩ như

Với tấm bản đồ âm nhạc lấy từ văn phòng du lịch trên tay, tôi lặn lội một mình qua những đại lộ rộng thênh thang với những ngôi nhà gạch đỏ, nơi những ban nhạc và ca sĩ như The Rolling Stones, James, Simply Red, Sex Pistols... từng đi qua, những góc đường nơi xe buýt không tới và gió thổi hun hút qua tay.

Từ căn hộ của Fiona và Paul đến trung tâm thành phố phải băng qua Oxford Road, nơi tôi từng thấy trong một tấm ảnh chụp ban nhạc Bee Gees. Anh em nhà Bee Gees sinh ra và lớn lên ở Manchester, cũng là niềm tự hào của thành phố công nghiệp nước Anh này. Ba anh em nổi tiếng với những bộ râu tóc bù xù và những bản tình ca du dương How deep is your love? hay Night fever - một trong những bản nhạc quốc tế đầu tiên tôi tập tành nghe những năm 1990-1991.

Ở Oxford Road, gần giao lộ rộng lớn cách trụ sở đài BBC khoảng năm phút đi bộ, tôi bắt gặp The Corner House, ngôi nhà nghệ thuật đầu tiên ở Manchester, với hai rạp chiếu phim, một quán bar và một quán cafe, nơi lui tới của nhiều nhân vật "giang hồ", trong đó có cầu thủ Eric Cantona vào những năm anh còn ở đây. Bên ngoài Corner House kiến trúc đặc trưng miền Bắc không có gì đặc biệt, thật khó tin là nơi nhiều nghệ sĩ lớn sáng tác những bản nhạc nổi tiếng như Badly Drawn Boy theo chân Hugh Grant trong bộ phim About a boy, hay soundtrack của Barry Adamson cho những phim Hollywood gần đây như The beach hay Scream 3. Từ Oxford một quãng là đến Rockworld - không hiểu sao bây giờ lại mang tên Jilly - và Music Box. Rockworld là ngôi nhà của những đêm nhạc dành cho "dân ghiền nhạc rock chơi suốt đêm thứ sáu" (Friday all-nighters), còn người hàng xóm Music Box nổi tiếng với những night club thú vị nhất Manchester như Rafters và Fagins, nơi Joy Division được Factory Records phát hiện vào năm 1977.

Tôi về lại tòa thị sảnh thành phố (Town Hall), nơi tháp chuông đồng hồ vươn lên nền trời xanh thẫm tràn ngập ánh nắng trưa. Town Hall từng chứng kiến tiệc chia tay khi Take That tan rã, những fan hâm mộ cả nước Anh và nhiều nơi khác gạt nước mắt tạm biệt năm chàng trai trẻ tuổi mỗi người một hướng. Ca sĩ chính của nhóm, Gary Barlow, tiếp tục sự nghiệp sáng tác nhạc cho những nghệ sĩ thế giới

như Mariah Carey, Blue hay Donny Osmond. Còn Robbie Williams, vốn không mấy được "sủng ái" những ngày ở Take That nhưng sau được xem là thần đồng âm nhạc quốc tế, bắt đầu yêu thiên thần như lời bài hát Angel của anh "I m loving angels instead".

Town Hall cách trung tâm thành phố Piccadilly, nơi tất cả những chuyến xe buýt nội thành đổ về, một quãng ngắn. Từ Piccadilly, tôi vác baloo và máy ảnh chịu khó đi bộ từ Newton Street đến The Roadhouse, bệ phóng của nhiều tài năng trẻ. Ở đây, nhwngx ban nhạc địa phương ít ai biết tới như Elbow hay Longview biểu diễn cạnh những tên tuổi lẫy lừng Stereophonics hay Coldplay, ban nhạc London mà tôi bắt đầu ghiền khoảng hơn hai năm nay.

Đã gần về chiều nhưng tôi vẫn quyết định đến The Boardwalk, từng là tụ điểm âm nhạc của "Madchester" (Manchester điên), bây giờ đang trong thời gian chờ trùng tu nên rất vắng vẻ. Đây là nơi khó tìm nhất trong số những địa danh trên bản đồ âm nhạc. Gió thổi lạnh buốt nhưng tôi vẫn toát mồ hôi vì đi lòng vòng khắp những con hẻm mà không thấy đường Little Peter đâu. May quá, tôi gặp mấy người địa phương đứng nói chuyện trước một căn nhà, khi hỏi đường tới The Boardwalk, ai cũng cười "Trời đất, ở đó có gì đâu mà tới?", nhưng cũng nhiệt tình dẫn tôi đến.

Quả thật, The Boardwalk nhìn không có vẻ gì "khởi sắc". Không biết Oasis, được mệnh danh "những anh chàng quạ địa phương" (local bad boys), với số lượng album nhạc bán ra hàng triệu bản, có còn nhớ thời hàn vi năm 1992 xếp hàng chờ được biểu diễn lần đầu tiên trước vốn vẹn hai mươi khán giả ở đây?

Từ The Boardwalk chỉ mất vài ohuts đến Granada, (những ai từng ở Anh chắc còn nhớ hàng Granada sản xuất series phim truyền hình Coronation Street dài nhất kịch sử, đang tiếp diễn từ hơn 40 năm nay), cũng là nơi tứ quái thành phố lảng giềng Liverpool The Beatles thu hình TV lần đầu tiên vào năm 1962.

Sáng thứ hai, tôi lên trạm xe trung tâm Manchester hỏi thăm món hành lí lưu lạc của mình. Tôi chưa kịp trình bày gì nhiều, chỉ mới vừa nói "Tôi có để quên một vali trên xe buýt..." người đàn ông trong phòn thông tin trạm xe đã lôi ra một vali sau lưng "Phải cái này không?", mà chẳng cần tôi mô tả để quên trên chuyến xe nào,

vali ra sao, có đựng gì bên trong... Tôi mừng rơn, cảm ơn ông rồi rít rồi hỏi có cần kí nhận không, nhưng ông xua tay "không cần đâu".

Tôi hớn hỏ lôi vali về nhà. Mặc dù gió Manchester vẫn thổi hun hút nhưng trong lòng tôi lại thấy mến Manchester quá chừng.

Tôi mến Manchester khi nghe giọng đặc trưng miền Bắc ước Anh của Fi và người địa phương ở đây, với cách phát âm chữ "u" ngồ ngộ. Tôi mến Manchester khi Paul từ Bolton về, bước vào bếp, sung sủa: "Manchester United hòa, còn Arsenal thắng nữa rồi.. Tôi mến Manchester khi bắt gặp một ngôi nhà sinh xắn với những chú bướm bằng vải đậu trên tường. Tôi mến Manchester khi đi bộ một mình trên những đường phố rộng thênh thang, chỉ có xe buýt qua lại và gió thổi lạnh buốt. Tôi mến Manchester khi ngâm nga bài hát tôi thích nhất của ban nhạc địa phương The Verve "Cuộc đời này là một bản giao hưởng vừa ngọt vừa đắng...". (bittersweet symphony). Tôi mến cả tòa nhà Urbis rất hiện đại mà ba của Fi bảo: "Nó cho mình vào cửa miễn phí để tính lượt người vào cho xôm tụ đó mà: làm tôi bật cười. Và mỗi khi người dân địa phương hỏi tôi: "Thấy Manchester ra sao?", tôi nói: "Không phải kiểu thành phố tôi yêu. Tôi thích phố cổ với những ngôi nhà nhỏ kia. Nhưng tôi mến Manchester lắm!".

Và tôi biết mình nói thật.

Chú thích:

Những thông tin về âm nhạc Manchester trong bài viết này được lấy từ bản đồ âm nhạc Manchester của phòng thông tin du lịch thành phố. Nếu bạn muốn đến những địa danh nổi tiếng liên quan đến âm nhạc được nhắc đến ở đây, trên bản đồ cũng có đánh dấu sẵn.

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Quê quán tôi xưa

Tôi hiếm khi nhớ nhà trong những chuyến đi xa, nhưng tự nhiên những ngày cuối năm tôi thường hay nghĩ về quê cũ. Không phải Sài Gòn, nơi gia đình tôi đang ở mà là quê cũ ở thôn Thanh Minh, cách thành phố Nha Trang 15km kia. Có lẽ vì khi nói đến "quê", người ta thường nhớ đến những nơi xa lắc quê mùa mà mình sống những ngày còn nhỏ.

Mùa đông ở Anh thường mưa. Tôi nằm trùm chăn đọc sách, thỉnh thoảng nhìn ra cửa sổ, nơi những cành cây khẳng khiu trụi lá vẽ lên nền trời xám những đường ngoằn ngoèo. Hồi tôi học đại học, mẹ thường nói sao mẹ hay mơ thấy nhà cũ quá Biên ời! (Biên là tên ở nhà của tôi). Tôi hay nhăn mặt: "Nhớ gì không biết nữa, ở Sài Gòn có con không vui sao?". Nhưng càng gần đến cuối năm, tôi càng nhớ ngôi nhà cũ nền đất lợp ngói âm dương, có cây sabôchê tôi hay trèo lên trốn mỗi lần làm biếng đi tắm hay đi ăn cơm. Hồi còn ba, trước nhà có cây mai lớn quanh năm đầy sâu, nhưng tết đến sâu đi đâu mất, chỉ có hoa mai nở vàng rực.

Tôi mê chơi búp bê tóc vàng mắt xanh nhưng mẹ nói "để tiền mẹ mua đồ ăn với sách vở chứ, tiền đâu mua búp bê chơi" nên tôi phải nghĩ ra trò khác. Buổi chiều tôi thường ra khoảng sân đất trước nhà lấy que vẽ công chúa. Trên sân có nhiều con cóc, giống con bọ nhưng nhoe bằng móng tay út em bé, mềm mềm, sống dưới những lỗ nhỏ xíu đào dưới đất rất khó thấy. Mỗi lần bắt gặp một lỗ như vậy tôi lại bút tóc xe lại cho vào lỗ câu cóc lên, bỏ lên tay cho bò qua bò lại nhón nhột. Chơi một mình chán, tôi chạy qua nhà dì Tư (dì Tư nấu chè trôi nước ngon tuyệt, bây giờ nghĩ lại tôi còn thèm) rủ con Trâm qua chơi chung. Tôi bày nó đào đất, lấy đất nhào nước chơi đúc bánh, thường sau mỗi lần chơi những cái bánh đất tròn tròn vương vãi đầy sân. Dì Tư rất ghét trò này nên mỗi lần qua rủ nó chơi tôi phải phải lén lút như ăn trộm. Con Trâm lớn lên rất xinh đẹp và cũng giống như đám bạn cũ của tôi, đã có chồng, còn tôi cứ đi hoài hết công tác đến hội nghị và bây giờ lang thang cách quê nhà mười

mấy tiếng đồng hồ bay. Tôi về thăm quê, hàng xóm cứ hỏi: "Bé Uyên đi được mấy nước rồi con? Chùng nào mà có chồng?" (Lúc đầu tôi ngạc nhiên thấy người làng gọi mình là "bé", nhưng sau tôi đoán có lẽ vì đối với người ở quê tôi vẫn là con nhỏ buổi trưa hay vác cây sào dài ngoằng đi hái trứng cá hết nhà này đến nhà khác.

Bốn tháng nay tôi không có một hột cơm vô bụng. Mẹ gọi điện nói: "Hay Biên mua nồi cơm điện nấu cơm ăn chung với bạn, gì thì gì cơm cũng tốt hơn chứ!". Tôi bảo con ở chung với hai đứa người Anh, một đứa Ailen, bị tụi nó ảnh hưởng rồi con không ăn cơm nữa đâu. Nói vậy cho mẹ khỏi lo nhưng tôi biết mình nhớ cơm nguội với cá cơm kho khô cong cho nhiều tiêu thật cay, hay cơm nóng mới nấu với canh chua nóng hổi. Gần đây, mỗi lần vừa coi Tony Blair đọc diễn văn trên BBC hay Coldplay chơi rock trên Channel 4, vừa gặm sandwich hay nhai spaghetti, tôi lại nhớ những bữa cơm ngon lành ở quê. Tôi thích ăn bánh căn (mà ở miền Nam gọi là bánh khọt) nên mỗi sáng thường đem một cái trứng vịt ra chỗ bán bánh bảo thêm trứng vào bột. Bánh căn giòn tan, phủ một lớp trứng vàng rộm ăn với nước cá và mỡ hành béo ngậy ngon lành. Bánh căn thịt bằm là một món xa xỉ mà tôi hiếm khi được ăn, nhưng gần đây nghĩ lại thấy vậy mà hay vì ăn bánh căn không thịt có cái thú nhấm nháp riêng. Chán bánh căn tôi đổi qua tiệm bánh ướt cô Luyến, không phải bánh ướt phủ trên đĩa rắc đậu xanh mà phải là bánh ướt mới vớt ra từ khuôn nghi ngút khói, nuốt trực tiếp từ đĩa cả vớt bánh, ăn với mắm ớt và chả lụa mỏng như lưỡi mèo gói lá chuối dày cộm. Tôi cũng nhớ tô bánh canh nấu cá dầm, thả những lát chả cá mỏng gió thổi cũng bay, rắc hành tiêu thơm nức mũi tôi thường xì xụp húp...

Mới đây tôi nằm mơ thấy mình sắp chết. Mà lạ tôi nằm mơ thấy nhà cũ ở quê chứ không phải nhà ở Sài Gòn. Đi báo cho mọi người biết nhưng không ai tin, tôi nằm nhà khóc hu hu. Tỉnh dậy, tôi nhớ đến một bài hát của Trịnh Công Sơn "Một lần nằm mơ tôi thấy tôi qua đời, dù thật lệ rơi lòng không buồn mấy, giật mình tỉnh ra, ồ nắng lên rồi..".

Tôi rờ tay lên má, không có giọt nước mắt nào, ngoài cửa nắng cũng chẳng lên mặc dù đã hơn 11g trưa. Sương mù dày đặc bên ngoài, ống khói nhà bên chỉ thấy mờ mờ trong sương. Mấy con chim hay đứng hót trước cửa sổ phòng tôi sáng nay cũng không thấy đâu, chắc đã bay qua trú đông ở những nơi ấm áp hơn như Ý hay Tây ban Nha

mất rồi. Đứa bạn chung nhà gỗ cửa đưa tôi tách trà, bảo "TV mới nói tuyết rơi ở Scotland với xứ Wales rồi đó, vài bữa nữa thế nào nước mình cũng có tuyết thôi. Nước mình? Tôi uống trà, bảo: "Vây hả? Chắc vài bữa còn lạnh nữa, phải mua thêm áo ấm thôi".

Tôi viết bài này khi ngồi trên xe anh bạn thân trên đường từ Southampton đến Bristol xem bóng đá, và khi nhìn ra cửa sổ xe thấy làng quê nước Anh với những cánh đồng trải dài có đàn cừ trắng toát gặm cỏ, tôi lại nhớ quê quán tôi xưa... Mà lạ, ở quê tôi có bao giờ thấy con cừ nào đâu, sao tự nhiên nhớ kỳ cục?...

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Bóng đá Anh một năm nhìn lại

ôi sang quê hương bóng đá từ những ngày đầu tháng 9-2004, khi giải ngoại hạng vừa bắt đầu được vài trận và Arsenal còn làm mưa làm gió trên bảng xếp hạng với lối đá được những chuyên gia ở Anh bình luận là "đẹp ngây ngây". Từ đó đến nay các CLB Anh trải qua không ít thăng trầm. Mùa bóng 2004-2005 đã chính thức khép lại sau trận Liverpool đánh bại AC Milan tại chung kết Champions League, nhưng dư âm của những trận đấu và sự kiện diễn ra trong năm vẫn còn là đề tài bàn tán của cổ động viên xứ sương mù.

Liverpool xuất thân ở Champions League

Tôi đến sân vận động Anfield trước trận Liverpool gặp Monaco ở vòng đấu bảng Champions League mùa bóng năm nay, khi đội bóng áo đỏ còn "hàn vi", lối chơi lệch thếch ở cả hai mặt trận chính. Đúng là "sông có khúc, người có lúc", Liverpool cứ từ từ tiến bước ở từng trận đấu giải vô địch châu Âu, lần lượt thắng những đối thủ được đánh giá cao hơn: Juventus, Chelsea và AC Milan để nâng cúp vô địch lần thứ năm trong lịch sử đội bóng một trong những thành phố lạnh nhất, nghèo nhất nước ANh này.

Ở Việt Nam vậy mà sương, tuy phải thức khuya dậy sớm xem bóng đá nhưng ít nhất không phải bỏ lỡ phút nào, nhất là những trận đầy kịch tính như trận chung kết ngày 25-5 vừa qua, không bị kẹt giờ làm việc như dân ghiền bóng đá ở châu Âu. Hôm đó tôi ngồi họp mà ruột nóng như lửa đốt, đến khi kết thúc buổi họp là lao như tên bắn ra khỏi cửa, từ chối cả lời mời đi uống nước của khách hàng. Chưa hết lại còn phải vùi đầu trong thư viện hoàn thành xong bài luận nhóm vừa gõ máy tính vừa gắn headphone nghe bình luận qua trong web của UEFA đỡ ghiền. Liverpool đá hiệp một qua bết bát, thua 3-0 còn may. Tôi ba chân bốn cẳng về đến nhà lúc hiệp hai mới bắt đầu, xem tiếp 75 phút thi đấu còn lại và lượt đá luân lưu 11m. Đến lúc Shevchenko đá hỏng qur penlty cuối cùng của AC Milan và bình luận viên gào khản giọng trên TV "Chiếc cúp danh giá nhất các CLB châu Âu đã về lại nước Anh", tôi vẫn không hiểu nổi những chàng

trai trẻ Liverpool lấy đầu ra bản lĩnh đến chừng đó. Vậy là cuối cùng nước Anh, nơi khởi sinh môn thể thao vua cho cả thế giới nhiều năm cay đắng nhìn các đội tuyển quốc gia và các CLB nước khác đánh các chức vô địch lớn đã kiêu hãnh nâng đầu nhờ đưa con được cưng nhất của mình tại Champions League năm nay.

Chelsea khởi sắc ở giải ngoại hạng

Đội bóng áo xanh bày vốn mang tiếng "đáng chán", lúc nào cũng xếp hạng tư, hạng năm mỗi mùa bóng, không khá hơn cũng chẳng kém hơn. Mới vài năm trước, Chelsea là điển hình của sự tréo ngoe vì nằm ở khu Chelsea - nơi dân nhà giàu thủ đô London ở - nhưng bản thân đội bóng lại nợ như chúa chổm, ban lãnh đạo khóc ròng vì không có ngân sách. Được tỉ phú người Nga mua lại, mùa bóng vừa qua chứng kiến sự lột xác của đội bóng này. Khi Chelsea bắt đầu những trận thắng như chẻ tre, báo chí Anh đua nhau đăng hình biếm họa: một bức vẽ hai huấn luyện viên Arsene Wenger và Alex Ferguson nhìn nhau sung sĩa hần học như hai kẻ thù truyền kiếp, bức kẻ bên vẽ hai ông này đâm ngực, vô đầu "Nhưng chúng ta vẫn thua Chelsea".

Nhiều người cho rằng việc Chelsea đăng quang đã chứng minh tương lai nhưng CLB Anh sẽ đặt nặng vào khả năng tài chính, vì vậy cái đẹp trong bóng đá cũng mất đi. Tuy không phải cổ động viên đội bóng áo xanh nhưng chứng kiến lối chơi lẫn xả của Chelsea, tôi vẫn cho ý kiến ấy không công bằng vì cả huấn luyện viên lẫn cầu thủ đội này đã làm hết sức mình cả mùa bóng. Hy vọng Chelsea sẽ tiếp tục sự ổn định và làm giải ngoại hạng Anh thêm sôi động hơn, không phải "một phút huy hoàng rồi chợt tắt" như Blackburn Rovers mười năm trước.

Những trận chiến trong và ngoài sân cỏ của Arsenal và Manchester United

Không cần phải là người trong cuộc mới biết hai kỳ phùng địch thủ này ghét nhau đến ức nào. Trong trận chung kết cúp FA truyền hình trực tiếp trên TV, khi cầu thủ hai đội bắt tay trước lúc trận đấu bắt đầu, bình luận viên nổi tiếng John Motson bảo: " Chắc chắn hai đội trưởng Patrick Viera và Roy Keane sẽ không nhìn vào mắt nhau đâu", và quả đúng vậy.

Vốn là thành viên fanclub của Arsenal, tôi thích thú chứng kiến qua nhiều trận đấu và qua những diễn đàn trên mạng CĐV đội nhà ghét ngon ghét ngọt Man U đến thế nào, nhất là việc trận thua Man U vào tháng 10 kết thúc chuỗi trận bất bại kỉ lục và làm những pháo thủ thành London tuột dốc, may mà có phanh. Kết quả thua kinh địch 2-4 trên sân nhà tiếp theo đó làm fan của The Gunners thêm ngàn ngút lửa giận. Khi các cầu thủ con cưng nâng cúp FA ngày 21-5 vừa qua, 90% cổ động viên Arsenal xoa tay hờ hởi không phải vì ngôi vô địch mà vì đối thủ Man U đi vào lịch sử cúp FA với tiếng tăm không mấy hay ho: đội đầu tiên thua trong lượt đá luân lưu 11 mét.

Và cũng như một bình luận viên BBC nói "Có hay không có Chelsea, hai đội bóng này cũng còn rất nhiều để cống hiến vào những mùa bóng tới".

Southampton xuống dốc

Giải ngoại hạng Anh năm nay hấp dẫn đến phút cuối vì cả bốn đội cuois bảng vẫn còn hi vọng ở lại Premier League nhờ trận cuối cùng. Và Westbromwich, vốn ít hi vọng nhất, đã trụ hạng. Sau 27 năm liên tục ở giải ngoại hạng, các fan của Southampton đã quen với việc xem đội nhà thi đấu với phong độ ổn định bên những tên tuổi lớn. (Tôi ưu ái viết về đội bóng này vì "nhà mình ở Southampton" mà). Mới cách đây hai năm, The Saints, tên thường gọi của CLB Southampton, còn là á quân cuups FA. Nguyên một mùa bóng lao đao lận đận, ngay cả việc chủ tịch câu lạc bộ "chôm" Harry Redknapp từ Portsmouth cũng không cứu vãn được đội bóng thành phố cảng miền Nam nước Anh này. Kết thúc trận đấu cuối cùng, những CĐV áo sọc trắng đỏ túa ra từ những quán rượu gần nơi tôi ở, mặt buồn thiu. Có người bi quan vì số phận The Saints như con tàu Titanic xuất hành ở cảng Southampton năm nào. Mùa bóng tới, nếu còn ở lại Southampton, tôi phải làm quen với những đối thủ mới không ai biết đến tên tuổi, những Crewe, Brighton, Watford, Luton Ton, Milward, Stoke City..., hay nói theo kiểu dân Bạc Liêu là đội bóng "cùi com xác mía", nghĩ mà tủi thân.

Những điều không vui khác

Giới cầu thủ ngoại hạng khét tiếng ăn chơi, uống rượu bia như hũ

chìm, và vốn được trả lương cao nên hầu hết đều sống xa hoa một cách không cần thiết, trong khi chính phủ lên tiếng kêu gọi dân chúng Anh tiết kiệm vì thế giới. Nhưng vấn đề làm đau đầu nhiều người nhất ở Anh, vốn được xem là xứ sở của hooligan khét tiếng, vẫn là nạn bạo lực. Cách đây vài tháng, dư luận ở Anh xôn xao khi những nhà chức trách cấm truyền hình trực tiếp những trận đấu trước 9g tối vì nhiều phụ huynh lo lắng con em bị ảnh hưởng những câu thủ hay chửi thề, cãi vã, đánh nhau, chơi xấu... trên sân cỏ. May mà sau đó các fan bóng đá phản đối dữ dội nên thôi. Khi tôi lặn lội với anh bạn thân đi mấy trăm cây số cổ vũ đội bóng con cưng thi đấu trên sân khách, lúc ra bãi đậu xe thấy tôi cười hớn hở vì bàn thắng ấn định tỉ số 2-1 ở những phút cuối, anh bạn lo lắng ghé tai nói nhỏ: "May mà Uyên là con gái tụi nó không gây sự, chứ tôi mà cười vậy là có chuyện liền đó.. Còn hồi tôi sang đây lần đầu tiên cách đây ba năm, lò dó đến sân vận động Highbury của đội Arsenal, một phụ nữ trung niên nhà đối diện sân bóng bảo: "Bây giờ chưa vào mùa vắng cây chửi vài tuần nữa tụi cổ động viên giang hồ đi đây hết xung quanh đó ghen!", giọng tỉnh khô. Thành ngữ "phót Ăng-lê" rất đúng với dân Anh. Bởi lẽ, một người bạn tôi học đại học ở Hull bảo có lần xem bóng đá trong quán rượu, sau trận đội nhà thua, có người quăng luôn chiếc ghế đánh rầm lên màn ảnh rộng mà cả quán chẳng ai buồn quay đầu lại nhìn.

Một điều đáng xấu hổ hơn nữa: các cầu thủ ở giải ngoại hạng đá bóng thì hay nhưng khả năng văn hóa thường rất kém. David Beckham lúc còn chưa qua Real Madrid, mỗi lần trả lời phỏng vấn trên truyền hình hay trên báo lại làm mọi người có dịp cười bẽ bụng vì cầu thủ này người Anh nhưng tiếng Anh quá tệ, nói câu nào dùng từ hay ngữ pháp cơ bản nhất cũng trật lung tung, (chẳng hạn "we was" thay vì "we were"), lại không bao giờ nói được gì có ý nghĩa cho ra hồn. Vậy nên trung tâm tiếng Anh nọ ở TP.HCM quảng cáo trên báo "Trung tâm của chúng tôi sẽ đào tạo bạn nói tiếng Anh nhe David Beckham" chắc hẳn bạn phải suy nghĩ lại nếu nghe anh này nói chuyện một lần. Ngày đài BBC phỏng vấn những cầu thủ Chelsea vừa chính thức đăng quang, dân Anh lại một phen chán chường khi thấy Joe Cole nói tiếng Anh lắp bắp thua xa... người Phàn Lan cùng đội bóng một trời một vực.

Nhớ bóng đá

Nhưng dù gì đi nữa, suốt ba tháng không bóng đá tới đây tôi sẽ nhớ lắm những buồn vui bóng đá. Nhớ mỗi tối thứ bảy bật TV xem Gary Lineker, vốn là ngôi sao bóng đá Anh thập niên 80, điềm lại từng trận đấu trong tuần với lối nói chuyện hài hước rất có duyên. Nhớ không khí hào hứng tràn ngập cả thành phố mỗi lần đội nhà thắng trận. Nhớ những buổi chiều đi bộ giữa tuyết rơi lạnh lẽo nghe bóng đá trực tiếp trên radio xách tay ở những đài địa phương, vốn rất thiên vị đội nhà và nói năng bạt mạng. Chẳng hạn lần đội nhà chịu tỉ dỏ hòa vì trọng tài cho đối thủ một quả phạt đền gây tranh cãi, bình luận viên tức tối: "Chúng ta hòa trận này cũng vì đối thủ có một cầu thủ thứ mười hai mặc áo đen độc ác:.. Hay lần đội bóng nọ được lên hạng, CĐV tràn cuống sân ăn mừng bị cảnh sát chặn lại, anh bình luận viên đài địa phương liền sùng sộ: "Người ta ăn mừng cũng chặn lại là sao? Cảnh sát gì cư xử như heo vậy?"... Nhớ lần thử cá độ lần đầu tiên ở William Hill thua hết hai bảng Anh cũng là lần cuối cùng vì nhận ra rất dễ ghiền nếu tiếp tục cá độ ở những trung tâm lớn này, mặc dù vẫn không khỏi ghen tị mỗi lần nhìn lên bảng quảng cáo của Ladbrokes với anh chàng hơn hờ nói qua điện thoại: "Sếp ơi, em mới thắng cá độ bóng đá 10 triệu bảng Anh (*), em nghỉ việc đây:..

Và cũng như tôi, bạn cũng sẽ đồng ý dù phải ngủ mỗi ngày chỉ ba tiếng đồng hồ, dù học hành hay công việc bù đầu bù cổ, dù có lên cơn sốt đập chần rên hừ hừ, dù có phải đội mưa đội nắng, bỏ ăn bỏ uống, những ai lỡ mang trong người tình yêu bóng đá cũng phải vào sân vận động hay ngồi trước màn hình để theo dõi môn thể thao "không coi thà chết sướng hơn" như một tác giả báo Tuổi trẻ cười cách đây hơn mười năm đã kết luận...

Chú thích:

(*)*Khoảng 300 tỉ đồng Việt Nam*

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Lộng gió Devon

Tôi biết đến hạt Devon miền Tây nước Anh không nhờ món trà kem (cream tea) nổi tiếng thế giới mà còn nhờ phố biển nhỏ xinh với nhà sơn đủ màu trên núi, cộ xòe tán xum xuê bên những con thuyền nằm gổ đầu im lìm trong sương.

Mọi khi, đối với tôi một buổi sáng thứ bảy hoàn hảo bắt đầu bằng việc thức dậy lúc 12g trưa, trùm chăn kín cổ nghe Khánh Ly hát Dấu chân địa đàng trên đĩa MP3 mang từ nhà sang. Nhưng đã gần một năm tôi chưa thấy biển, nỗi nhớ những con sóng vỗ vào bờ đá và những ngôi nhà hoa ngọc lan rụng trắng sân đã chiến thắng cơn buồn ngủ díu mắt sáng nay. Vì vậy, khi Alastair gõ cửa lúc 9g sáng, tôi đã chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi cuối tuần đầy hứa hẹn đến Devon.

Alastair là bạn thân nhất của tôi ở Anh, cũng vì chung sở thích đi du lịch nên dù nghèo như tôi cũng ráng nhịn ăn sáng để dành tiền đồ xăng đi chơi. Xe đi qua con đường quê nhỏ hẹp với hai hàng cây xanh mướt, tôi thích thú hát vang bài "Con đường miền quê ơi đưa tôi về nhà đi" (take me home country road). Quả vậy, dù chưa đến Devon lần nào nhưng tôi vẫn có cảm giác mình đang về nhà, bởi thị trấn nhỏ êm đềm Christchurch ghé thăm trên đường đến Devon hay những chú thỏ rừng nhảy ra từ bụi rậm, giường mắt nhìn xe chúng tôi đi qua... làm tôi thấy bình yên quá.

Và cảm giác được về nhà lại trỗi dậy trong tôi khi đến làng chài Brixham, tươi tắn với những ngôi nhà đầy hoa trên bệ cửa sổ và trên bậc thềm. Dù chưa thấy biển, tôi vẫn cảm nhận không khí biển xung quanh, như khi bạn đạp xe trên những con đường trưa tĩnh lặng ở Nha Trang, nhìn hoa điệp vàng rớt xuống những chiếc xích lô đang nghỉ trưa trước cổng ra vào một khách sạn. Hay khi mới đến Vũng Tàu từ Sài Gòn một buổi chiều, thấy một bên biển một bên núi đá với những cây hoa sứ trắng nao lòng. Không biết phải diễn tả thế nào, nhưng tôi yêu không khí phố biển ấy còn hơn yêu biển.

Tôi ngồi ngẩn ngơ mãi khi vào thành phố cho đến khi anh bạn tôi

bảo: "Nghe gì không? Mùi gió biển đó!" Và tôi lại thấy mình trên con đường Lý Tự Trọng lồng gió và râm mát bóng cây, những hàng cây bị chặt mất khi tôi về Nha Trang năm ngoái, làm tôi buồn hết mấy ngày. Những ngôi biệt thự sơn trắng ở Brixham cũng nằm trên đồi lồng gió biển, chen với cọ xanh là ngọc lan tây (magnolia) hồng phấn nở kín cây và rừng đầy khoảng sân lát đá. Gần đó, tôi bắt gặp một quán rượu với tấm bảng rất kiêu hãnh "Quán rượu đầu tiên và cuối cùng ở Brixham", tường quán đầy dây leo khăng khiu nở hoa vàng li ti.

Chúng tôi đi bộ dọc bờ đá, nơi những con thuyền đánh cá gỏi đầu ngủ say và hải âu vỗ cánh bay trên đầu. Gần nơi chúng tôi đứng là quầy bán hải sản nhỏ, với những kệ gỗ đựng tôm, sò, mực, cua... gợi nhớ đến những gánh hàng rong trên bờ biển Mũi Né hay Hội An. Đã lâu lắm, món tôm duy nhất tôi ăn là những con tôm hiệu "Young" bóc vỏ đông lạnh mua ở siêu thị TESCO, đến lúc rã đông chuẩn bị nấu nhìn đã thấy ngao ngán. Tôi mua một hộp tôm luộc nguyên vỏ, thịt tươi rói, chắc và ngọt lịm, một sandwich cua thơm phức, bất ngờ và mừng rơn khi được người bán tặng thêm hai bánh thịt cua nhỏ bằng ngón tay không lấy tiền. Quả thật ở nước nào cũng vậy, nơi miền quê hay ở phố nhỏ người ta thường dễ thương hơn thành phố lớn.

Điều đó là tôi yêu làng chài này còn hơn lúc mới đến. Những ngôi nhà xinh xắn như hộp diêm sơn đủ màu nằm chen nhau trên núi nở đầy hoa cúc trắng, thủy tiên, pansy, mimosa... như vừa bước ra từ truyện cổ tích xa xưa. Còn những con thuyền đánh cá nhỏ làm bằng gỗ nằm xếp hàng lười biếng, in bóng xuống mặt nước trong xanh, phẳng lặng đến nỗi Alastair bảo giống như có cảm giác đi bộ được trên nước vậy.

Trong khi Brixham là làng chài cung cấp hải sản không chỉ cho hạt Devon mà còn cho cả những nơi khác ở nước Anh thì Torquay nổi tiếng với bờ biển trải dài sóng vỗ vào bãi cát mịn. Khi tôi đến, trời đã ngả về chiều, thủy triều lên lấp hết cát, chỉ thấy sóng vỗ nhẹ vào đá như ru ngủ. Torquay phát triển du lịch từ xưa nên ở trung tâm thành phố và dọc bãi biển có thật nhiều quán rượu xây từ thế kỉ 19..., những nhà hàng hải sản đặt bảng gỗ viết tay bên ngoài với những kệ hoa làm từ thân cây sần sùi hoa vượn mình tươi thắm. Đặc biệt, Devon vốn nổi tiếng với món kem đông (clotted cream), chỉ ở đây

mới có. Ngay cả thủ đô London thượng vàng hạ cám gì cũng thấy vẫn khó kiếm được kem đông vì chế biến xong phải ăn ngay, lại rất khó làm. Vì thế dân những thành phố khác mỗi khi muốn ăn phải lái xe mấy chục có khi mấy trăm dặm đường đến Devon. Và đặc biệt muốn ăn kem đông đúng điệu phải đến những quán trà (tea room) đặc trưng Anh, cuốn sổ du lịch nhỏ bằng bàn tay tôi mang theo có nhắc đến Poppy Tea Room, quán trà xưa kiểu Victoria nằm gần khu shopping tên Fleet Walk. Nhưng tôi và Alastair tìm hoài không thấy đâu nên chúng tôi đành ghé vào một quán ăn gần biển, gọi một phần trà kem rồi ngồi nhấm nháp món kem dẻo, béo ngậy và thơm phức mùi sữa tươi, quét vào bánh scone kiểu Devon rồi uống tách trà nóng bỏng, ngắm hoàng hôn buông xuống trên biển và đèn bắt đầu giăng trên cầu.

Bên cạnh món kem đông, khám phá lớn nhất của tôi ở Torquay là một quán rượu có tên Hole in the Wall, nằm khuất trong một con hẻm nhỏ tĩnh lặng đến khó tin bên cạnh khu trung tâm mua sắm nhộn nhịp. Tiếng Anh "hole in the wall" dùng để chỉ những quán ăn hay quán cà phê rất ngon nhưng nằm ở những nơi khuất nẻo chỉ dân địa phương hay người sành ăn mới biết, và Hole in the Wall ở Torquay thật đúng như tên gọi. Mở cửa từ năm 1540, đây là nơi "Hàng trăm năm nay, dân buôn lậu, đánh cá, doanh nhân, dân địa phương, và khách đến thăm rất thích uống..." như được viết trên tấm bảng sơn đỏ thẫm cạnh những chiếc ghế gỗ dài sơn cùng màu đặt trên bệ đá bên ngoài.

Chúng tôi tạm biệt Devon khi trời đã tối mịt. Tự nhiên khi lên đồi, sương mù giăng dày đặc đến nỗi phải bật gạt nước xua lớp sương mờ mịt bám trên cửa sổ xe. Tôi níu tay Alastair đang tỉnh bơ lái xe như không có chuyện gì xảy ra "Sợ quá! Sương dày vậy sao thấy đường đây?". Ông bạn lúc nào cũng "phớt ăng-lê" cười: "Có chuyện gì thì cũng đã hít thở được gió biển, thấy thuyền gỗ ở làng chài, ăn được trà kem rồi, đáng công lặn lội tới Devon chứ sao?"...

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Nhà mình ở Southampton

Thấy tôi đem khoe những bài báo về nước Anh của mình, cô bạn cùng nhà Janette hỏi chừng nào mới có bài về Southampton đây. Đến lúc đó tôi mới nhận ra chưa bao giờ có ý định sẽ viết bài về thành phố cảng miền Nam tươi đẹp này, có lẽ vì tôi chỉ viết những cảm xúc về những vùng đất đã đi qua, còn nơi mình ở lại lãng quên không nghĩ đến.

Tôi chọn đại học Southampton một phần nhờ Paul, anh bạn người Anh làm việc ở Sài Gòn. Học bổng Chevening của tôi cho phép được học ở bất cứ trường đại học nào ở Vương quốc Anh miễn trường đó nhận tôi vào, nên suốt mấy tháng ròng rã tôi hí hoáy tải thông tin từ Internet về, nhận brochure của các trường, rồi vẽ biểu đồ so sánh. Ở Việt Nam mười người như một ai cũng bảo tôi đi học ở London cho "sang", chỉ mỗi mình Paul cương quyết lắc đầu: "Nếu muốn học cùng trường với toàn sinh viên quốc tế, nhất là Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông... thì đi London. Còn nếu muốn học trong một môi trường nhiều sinh viên bản xứ, Uyên phải đi thành phố khác. Người Anh, ngay cả dân London bản địa rất ít ai học ở London vì chi phí sinh hoạt rất đắt đỏ, họ chỉ học chỗ khác rồi quay lại London làm việc thôi". Cuối cùng, sau một tháng cân nhắc giữa những lựa chọn khác nhau vì tôi được khá nhiều trường đồng ý nhận vào, cả hai chúng tôi hào hứng quyết định: "Southampton it is!"

Cuối tháng chín khóa học MBA mới bắt đầu nhưng tôi phải đến sớm tìm chỗ ở, sau đó tranh thủ đi du lịch một số nơi ở Anh và về lại để ổn định cuộc sống trước khi nhập học. Tôi đến Southampton một mình vào một buổi trưa thu đầy nắng, sau hai ngày lang thang đã tìm được một căn hộ nhỏ bốn phòng ngủ rất tốt đối diện công viên, giá cả vừa phải, chung với ba bạn mới Paddy người Ailen, Janette và Alastair người Anh.

Nếu ở Sài Gòn bạn ở trong một ngôi nhà như nhà tôi ở quận Tân Phú, đối diện tiệm lẩu dê, bên phải quán cà phê, bên trái tiệm bida, , xéo góc chỗ chơi thú nhún của con nít, thỉnh thoảng lại có một xe

bán keo dính chuột của trung tâm ứng dụng công nghệ hóa màu đi ngang qua rao ra rả, bạn mới biết tôi quý không gian yên tĩnh đến mức nào. Công viên đối diện nhà chúng tôi xanh muốt cỏ và có rất nhiều cây lớn tỏa bóng xuống băng ghế gỗ sần sùi. Đây là nơi nhận thấy bốn mùa đi qua rõ rệt nhất. Lúc chúng tôi mới dọn vào lá trên cây mới bắt đầu ngả vàng lốm đốm, nhưng chỉ tháng sau mùa thu đã dát vàng vòm cây, lá thu cũng rụng trên mỗi bước chân qua, tôi thích bước vào hắt lá khô nghe xao xác, Có loại cây lá nhỏ và tròn mỏng mảnh, khi thu về lá vàng muốt như hoa trên cành và rắc đầy lối đi. Cảnh vật giống hệt trong bức tranh "Mùa thu vàng", với những hàng cây lá vàng ươm như vừa được phết một lớp sơn mới nhất là khi chúng tôi "bỏ phố về rừng" đi lang thang vùng New Forest cách nhà vài dặm. Mùa đông, mới ba giờ chiều trời đã tối mịt, cây trụi lá vươn những cành khẳng khiu lên nền trời xám nặng trĩu đặc trưng mùa đông nước Anh. Buổi sáng thức dậy, dù trong nhà đã có máy sưởi vẫn thấy sương giá phủ trắng mờ ô cửa kính, con đường chúng tôi đi học sương muối đọng đầy trên cỏ như ngăn đá tủ lạnh bị đông tuyết. May mà có những cây thường xanh (evergreen), loài cây luôn xanh ngắt suốt bốn mùa như cây holy lá xanh răng cưa quả tròn đỏ thắm đến dịp Noel lại được làm thành những vòng hoa trang trí trước cửa nhà, nếu không có lẽ không gian sẽ ảm đạm biết bao! Năm tôi ở, Southampton có tuyết muộn, đến cuối tháng ba trời mới đổ tuyết khắp nơi, tôi vẫn vừa nghe headphone vừa đi bộ một mình qua những con đường tuyết lạo xạo dưới chân, áo choàng rộng và dày, mang găng dày cộm, mũ trùm kín tai lẻ loi qua những con phố buổi tối vắng người. Có hôm radio nói về vụ án mới nhất với một kẻ tâm thần bức bối vì mùa đông dài nặng trĩu đã nổi cơn điên giết một cô gái không quen biết cũng đi bộ một mình từ trường về nhà. Tôi nghe mà sợ rúm ró nhưng biết làm sao được. Còn mùa xuân, tôi yêu nhất mùa xuân châu Âu, khi những búp non bắt đầu nhú trên cành và tất cả những loài hoa ngủ yên qua những ngày dài lạnh lẽo bắt đầu nở khắp lối đi. Buổi sáng tôi mở cửa phòng lòng phơi phới, hát nghêu ngao bài "Hoa trên cửa sổ" của Travis: "Look at you now, flowers in the window it's such a lovely day, and I'm glad you feel the same". Đến nước Anh tôi mới phân biệt được sự khác nhau giữa blossom - hoa nhỏ li ti nở bung trắng xóa hay hồng phấn khắp vòm cây lớn, những hoa mơ, hoa mận, hoa táo rồi sẽ đậu trái vào mùa sau - với flowers - hoa mọc trên cây nhỏ hoặc cành mảnh mảnh, nở rồi tàn phai. Mùa hè, 11g khuya mặt trời mới lặn, loáng đã hết đêm, một màu xanh mát mắt trải khắp nơi. Cây táo nhà gần trường tôi họ,

những hoa táo trắng mùa xuân giờ thành trái đỏ ối khắp cành và rụng lẫn lóc cả trên đường đi, táo chìn rụng vỡ ra tỏa mùi hương ngọt mát dễ chịu.

Có lẽ tôi nên nói đôi điều về những người bạn tôi ở chung ngôi nhà đường St.James đối diện công viên nhỏ ấy. Cô gái Janette bằng tuổi tôi, sống rất chín chu ngăn nắp, mọi thứ đều phải sắp đặt theo một trật tự cố định và sạch như li như lau, tron gkhi hai anh chàng Patrick và Alastair (tên thường gọi là Paddy và Ali) lớn hơn chúng tôi hai tuổi thì luộm thuộm đúng kiểu con trai. Tôi không được như Janette nhưng cũng không đến nỗi như hai anh kia nên thường đứng giữa để can những vụ nhăn nhó vì các khu chung như nhà bếp, phòng khách, nhà tắm... Nhưng chúng tôi rất thân nhau, nhất là những lúc cùng mua đồ về nướng barbeque ở khoảng sân sau, ra cảng hít thở gió biển lòng rộng, ngắm những con tàu neo đậu (Southampton cũng là nơi con tàu Titanic bạc mệnh đã nhờ neo đi New York), hay kéo nhau ra quán bia coi đá banh. Có lẽ bạn không tin nổi khi biết được ở Anh không truyền hình trực tiếp giả bóng đá ngoại hạng Anh như ở Việt nam, chỉ có truyền hình cáp mới xem được. Sẵn nói chuyện TV, chúng tôi có một câu chuyện rất vui về TV license. Chả là ở quốc gia có tên gọi "nước Anh chém đẹp" (rip-off Britain) này, muốn xem TV bạn phải mua giấy phép 131 bảng, khoảng gần 4 triệu đồng, một số tiền khá lớn đối với sinh viên. Sau một hồi bàn bạc chúng tôi quyết định sẽ... xem chui, không đóng phí. (Nếu bị bắt được bạn sẽ bị phạt một số tiền tương đương 30 triệu đồng). Cuối cùng mọi người đề nghị nếu có ai dnags về "khả nghi" bán chuông gọi cửa, tôi sẽ được phân công ra gặp và... giả bộ không biết tiếng Anh. Cả ba còn luyện tôi cách nói lắp bắp cho dễ tin nhất. Không may cho chúng tôi, được hơn một tháng có người đến - chỉ mỗi mình Paddy ở nhà - bộ dạng của ành chàng này rất Ailen như cái tên Paddy của anh - do đó không thể giả đồ không biết tiếng Anh được. Cũng may, ông kia thông cảm sinh viên (có lẽ những trường hợp này ông gặp hoài) nên chỉ bắt đóng đúng số tiền giấy phép 131 bảng chứ không phạt, nếu không cả bốn đứa có nước nhịn đói uống nước lã cầm hơi suốt một tuần.

Chủ nhà của chúng tôi cúng người Ailen, một bác sĩ đứng tuổi làm ở bệnh viện Southampton. Giống như hầu hết các mối quan hệ sinh viên - chủ nhà khác, chúng tôi không khoái ông lắm. Tuy không ở chung nhà nhưng thỉnh thoảng ông lại đảo về ngó nghiêng, chê

chúng tôi ở dơ dề lá rụng đầy sâu không quét, hay cần nhằn tại sao chén chưa rửa trong bồn, tại sao sách để lộn xộn đầy phòng khách. Aly và Paddy thường hay nhại ông cách nói lặp đi lặp lại mãi cùng một ý như thể người nghe không hiểu gì (tất nhiên không phải nhại trước mặt ông). Nhưng dù sao chúng tôi đều biết ơn ông đã cho chỗ ở tốt và cho chúng tôi gặp gỡ nhau.

Ở nhà, Janette thân với Paddy, còn tôi hay chơi chung với Aly, cũng là bạn thân nhất của tôi ở Anh trong suốt thời gian theo học. (Trong cuốn sách này bạn sẽ gặp lại anh nhiều lần nữa dưới tên Alastair). Lúc mới gặp, anh đòi nghe tôi hát tiếng Việt, ngay lập tức tôi ngửa cổ hát rất "hoành tráng" "Anh yêu em anh yêu em như rừng yêu thú dữ..." làm anh chàng há hốc miệng đứng nhìn. Mãi sau này mới nói lúc đó rất bất ngờ vì cứ tưởng con gái Việt nam ai cũng hiền lành nhút nhát. Ở chung nhà, anh hứa biến giọng tôi thành giọng một cô gái miền Nam nước Anh chính cống và bây giờ tôi được nhiều người khen nói giọng Anh kiểu British cũng nhờ Aly. Khi tôi về lại Việt Nam, anh chàng nổi hứng tự mua sách về học tiếng Việt, mỗi lần đọc mail anh tiếng Anh xen lẫn tiếng Việt ngây ngô tôi lại cười lăn cười bò. Chẳng hạn "at the moment in the UK it s the mùa mưa bão. Tôi có thể mua cái ô ở đâu?", hay "Next february when I m in Việt Nam, I ll have a xoa bóp everyday". Ở Anh có chức danh Lord rất cao, trên cả chức Sir, những ai có được địa vị nữ hoàng phong tặng này đều không gọi bằng tên thông thường mà gắn với một địa danh người đó sinh ra hoặc sống phần lớn thời gian, chẳng hạn Lord Lavene ở Portsoken, hay Lord Griffiths of Forestfach. Còn Aly tự xưng mình là Lord Alastair ở Cao Bằng, sau này hỏi ra mới biết anh chàng giở bản đồ Việt Nam ra thấy tên Cao Bằng cũng hay hay nên chọn luôn. Còn mỗi lần tôi nổi điên với anh (khá thường xuyên, vì như tôi đã nói anh chàng rất luộm thuộm), anh lại giả lả nói tiếng Việt "em đẹp lắm" làm tôi phì cười, muốn giận cũng không được.

Tôi quý Aly nhất kể từ khi tôi bị quai bị vào kì nghỉ phục sinh tháng tư (cả đời tôi chưa thấy ai hăm mấy tuổi còn bị bệnh này, nhưng tôi bị thật). Đáng lẽ hôm đó tôi đi Bỉ và hà Lan với Thiêm nhưng người một mới không nhắc chân nổi, tội nghiệp Thiêm phải lủi thủi đi xe buýt mười tiếng đồng hồ từ London đến Brussels một mình. Đêm đó tôi sốt cao không biết bao nhiêu độ đòi đi bệnh viện nhưng anh bảo sốt chút ít chắc không đến nỗi nào. Tôi nằm khóc lóc thảm thiết và dọa nều chuyện này có chết sẽ hiện về bóp cổ. Nhưng khuya đến,

mấy lần giặt mình vì sốt tôi lại thấy Aly ngồi cạnh giường, loay hoay lấy khăn ướt đắp lên trán cho tôi. Tôi biết ơn anh đã chăm sóc, giặt giũ nàu súp cho tôi những ngày bị quai bị hành tôi ôm mặt hết nạt nộ đến rên la, và biết được đúng ý nghĩa câu bạn bè trong khó khăn hoạn nạn mới thật là bạn.

Nhắc đến Southampton, tôi phải nhắc đến David, nhỏ hơn tôi bốn tuổi đang đi học đại học Warwick vì cậu là một trong những người hiếm hoi từ xa đến chơi ở lại nhà tôi. Tôi quen David trong chương trình "Những người trẻ tuổi làm thay đổi thế giới" ở xứ Wales hai năm trước. Tuy anh chàng cao to đẹp trai nhưng tính tình hết con nít biết tôi viết báo cứ bảo bài nào của tôi nhắc tới hay có hình cậu thì cho một tờ để lồng kính treo lên. David trước đây là thành viên Nghị viện trẻ của Anh (UKYP), đã từng được đặt câu hỏi cho thủ tướng Anh Tony Blair và hiện làm việc cho tổ chức "Con người và hành tinh". Nhưng tôi thích cậu không phải vì những thành tích đạt được mà vì anh chàng ăn chay trường này thật sự quan tâm đến những vấn đề của thế giới như môi trường, đói nghèo, chiến tranh... Tôi hẹn với David sẽ đến kí túc xá trường Warwick hoặc nhà bố mẹ cậu hoài mà không được. Đến khi tôi sắp về Việt Nam, cậu vẫn còn gọi điện nhắc chừng nào mới ghé nhà chơi được đây.

Tôi yêu căn phòng nhỏ của tôi, có cửa sổ trông xuống khoảng sân phơi quần áo sau nhà. Mỗi lần thấy Aly loay hoay đứng phơi quần áo bên dưới tôi lại ôm gấu Yeovil ra giả giọng con nít kêu "ba ới ba". Tôi nhắc đến chú gấu bông màu vàng Yeovil. Đây là chú gấu của đài BBC dành cho chương trình "BBC Children in need" ủng hộ trẻ em nghèo ở các nước đang phát triển tôi mua được trong một shop từ thiện ở Southampton. Tên nguyên bản đài BBC đặt cho chú là Pudse nhưng Aly và tôi gọi là Yeovil vì thích cái tên ngộ nghĩnh này. Chú là đồ chơi thân thiết nhất tôi từng có, đã từng theo tôi đi nhiều nước khác nhau. Mỗi lần có chuyện buồn tôi dễ vui trở lại khi nhìn dáng ngồi tự tin của Yeovil với hai chân giang ram tay đặt lên đùi miệng cười tùm tùm, mắt lại băng một dải băng trắng có chấm bi đỏ kiểu cướp biển thật nghịch ngợm. (Khi tôi mang chú về Việt Nam, đứa cháu ba tuổi của tôi thấy Yeovil băng mắt hay cầm lên hỏi: "Em bị sao vậy? Em bé ới?"). Aly thấy tôi thích ăn chanh nhưng tiết kiệm không mua, nên thỉnh thoảng anh lại mua về để Yeovil ôm chanh trong lòng rồi đặt chú ngồi trên giường trong phòng tôi. Anh hi vọng điều đó làm tôi bất ngờ cười thích thú khi đẩy cửa bước vào. Tôi

không thể tưởng tượng nổi nếu làm mất Yaovil mình sẽ buồn đến mức nào. Có lẽ cũng như Tom Hanks trong phim Cast away khóc nức nở khi làm trôi mất bạn Wilson - quả bóng tròn ông vẽ mặt người lên chơi cùng trong những ngày một mình trên hoang đảo. Sau này, muốn mua bao nhiêu quả bóng giống hệt Wilson hay gấu giống hệt Yeovil cũng có, nhưng cái hồn của đồ chơi thân thiết gắn bó nhiều kỉ niệm không thể nào thay đổi được.

Những ngày ở châu Âu, dù có rong ruổi ở những thành phố đẹp nhất hành tinh, tôi vẫn sung sướng ngày về được ngã người xuống giường mình trong căn phòng ấm áp sau chuyến đi dài mỗi mệt. Sau đó mở TV xem nhưng chương trình yêu thích (một trong những niềm vui lớn nhất của tôi khi sống ở Anh là thoát khỏi những bộ phim Hàn Quốc léo nhéo trên các kênh truyền hình) rồi lin đim ngủ. Ở đây một thời gian, vào những đêm thức khuya viết bài cho khóa học ở trường, thỉnh thoảng tôi lại nghe ngwnge huổi tiếng ho khan trong đêm tối. Sau mới biết của những người lang thang nằm phía sau lưng nhà chúng tôi, những kẻ digan nay đây mai đó ngủ màn trời chiếu đất trong giá lạnh. Thế mới biết ngay cả trong lòng một nước tư bản phát triển vẫn tồn tại những thân ohaanj hèn mọn đáng thương. Các bạn cùng nhà tôi nhả mặt "tại họ, việc học được chinh phủ tài trợ cả nhưng lười biếng không muốn học hành, không muốn lao động, cũng không muốn vào ở trong shelter (*) thì phải chịu thôi. Bọn này lừa đảo lươn lẹo lắm, có gặp ngoài đường Uyên phải cẩn thận". Tôi không biết họ lừa đảo lươn lẹo đến mức nào, nhưng cứ giữa khuya học bài nghe những tiếng ho ngoái trời giá buốt lại thấy lòng xốn xang thương cảm.

Hết tháng sáu, chúng tôi kết thúc khóa học ở trường và bắt tay vào viết luận văn. Hợp đồng nhà cũng hết nhưng chúng tôi không ở ại vì ông bác sĩ Ailen không giảm giá mùa hè, trong khi ở những nơi khác, giá giảm đáng kể do sinh viên bản xứ về hết. Đáng lẽ Aly cũng về nhà ba mẹ anh, nhưng vì muốn ở lại với tôi nên cả hai chúng tôi dọn qua chỗ ở mới trên đường Atherley. Phòng rộng hơn nhiều và giá thuê hè giảm gần một nửa, ông chủ nhà gốc Ấn Độ cũng hiền lành dễ tính hơn. Nhà rất lớn nhưng mùa hè những sinh viên thuê đã đi khỏi, chỉ còn hai đứa tôi mới dọn qua và Nick, một anh chàng người Ấn cao lêu đêu nấu ăn rất chuyên nghiệp. Thỉnh thoảng thấy tôi bận rộn anh lại tình nguyện nấu cho tôi cơm cà ri thật ngon.

Thời gian sống ở đây, tôi có việc làm Marketing Manager cho một công ty tư nhân nhỏ của anh, lại tiết kiệm được tiền thuê nhà nên cuộc sống "sung túc" hẳn. Tôi ít đi siêu thị TESCO hơn vì ý thức được hệ thống khổng lồ này đã làm rất nhiều cửa hàng nhỏ phá sản. Thức ăn ở TESCO nhiều thứ cũng không được sản xuất theo tiêu chuẩn bảo vệ môi trường tối ưu. Thay vào đó, tôi siêng đi chợ nhỏ dù giá có đắt hơn, mua hải sản từ hàng cá của một người phụ nữ mập mạp vui tính luôn chỉ dẫn cách nấu nướng tường tận. Rồi rau củ trái cây từ những sạp trong chợ của nông dân, thịt từ hàng thịt tươi cạnh đó, và đồ ăn Việt Nam từ shop nhỏ của một gia đình Việt kiều vui vẻ. Tôi cũng ngưng hẳn không mua sữa siêu thị mà đặt người giao sữa. Sữa giao tận nhà trong chai thủy tinh cũng là một trong những thứ tôi nhớ nhất khi về lại Việt Nam. Ông chủ nhà tôi đã lớn tuổi, có ba nhà lớn cho thuê nhưng vẫn làm nghề giao sữa, có lẽ ông còn làm vì quen và nhớ nghề hơn lý do kinh tế. Thật thích khi sáng sớm mưa thức nửa ngủ vùi đầu vào chăn, nghe tiếng lanh canh của chai sữa chạm vào nhau khi người giao sữa đến trước nhà. Và không gì bằng những ngày cuối tuần ngủ nướng đến trưa, bước ra cửa thấy hai chai mập mạp bầu bĩnh bằng thủy tinh trong suốt, thấy mây trắng sữa beenn trong, hơi nước lạnh toát lẫn sương bám li ti. Lũ chim chóc ở Anh rất tinh quái, theo thời gian, chúng biết được chai sữa bọc lớp giấy bạc màu trắng là chai đựng sữa nguyên kem (full cream) và chỉ mở nắp chao uống trộm loại này thôi. Những chai bọc giấy bạc màu đỏ và xanh đựng sữa ít béo (skimmed hoặc semi-skimmed) chúng không buồn đụng đến.

không biết có phải tại cảm giác hay không mà sữa giao trong chai tôi thấy ngon, béo ngậy và thơm hơn trong hộp nhựa siêu thị. Sau này tôi mới biết được nghề giao sữa đã gần như phá sản tại Anh do ở siêu thị bán rẻ hơn. Sữa kaf mặt hàng chính yếu nên chỉ cần đắt hơn vài xu một lít người ta cũng sẽ không chọn. Những công ty giao sữa tìm cách giao thêm nước cam, bánh mì..., song vẫn không giải quyết được vấn đề. Tôi cầu mong nghề giao sữa ở Anh đừng bao giờ bị mất đi, để ngày nào đó trở lại đất nước thân thiết này tôi sẽ còn được nghe tiếng kêu lanh canh của những chai thủy tinh khi còn ngái ngủ rồi xách hai chai nhảy chân sáo xuống bếp pha trà với sữa uống buổi sáng. (Ngoài việc luyện tôi nói tiếng Anh chuẩn giọng Anh, Aly còn truyền cho tôi thói quen đúng kiểu Ăng-lê: uống trà mỗi ngày ít nhất ba lần, riết thành quen nếu không có lại bút rút khó chịu).

Công việc của tôi ở công ty nhỏ nọ làm từ xa, nghĩa là không phải đến văn phòng mà chỉ cần làm việc với đồng nghiệp qua điện thoại và internet, nhưng đòi hỏi phải đi công tác nhiều. Nhờ làm ở đây, tôi đi được Bristol, Coventry, Bath ở Anh, Edinburgh và những vùng ven ở Scotland, và còn nhiều nhất là Wilmslow, một khu rất sang trọng gần Manchester nơi sếp tôi ở. Lần duy nhất tôi từ Wilmslow về bằng xe lửa những ngày London mới bị khủng bố. Chuyến tàu của tôi sắp đi Birmingham thì được thông báo có dấu hiệu đặt bay ở tuyến gần sân bay nên tàu phải đi đường vòng, không qua ga đó nữa. Khi những ai đi sân bay Birmingham đã ngao ngán xách hành lý nặng trĩu lục tục xuống xe buýt đi được một lúc mới có thông báo không có chuyện gì hết, những người ở lại trên tàu chỉ biết thowe dầu tội nghiệp cho "người ra đi", có khi còn lỡ cả chuyến bay không chừng.

Tôi không đi tàu nữa mà chuyển sang bay. Tôi thích những chuyến bay nội địa ở chỗ check-in rất dễ. Chỉ cần đưa thẻ ngân hàng có tên mình vào máy từ và nhập số hiệu chuyến bay để nhận thẻ lên máy bay, không cần chứng minh thư hay hộ chiếu gì hết. Thẻ ngân hàng chẳng có ảnh, chỉ có tên tôi là Ms U Ngo, tron gkhi tên trên vé là Ngô Thị Giáng Uyên cũng chẳng sao. Những chuyến đi Manchester sáng đi chiều về ấy tôi gặp rất nhiều người đi công tác giống mình. Họ mặc đồ vest xách laptop rất chuyên nghiệp, đúng cả hai chuyến đi và về chung với tôi như hẹn trước, khi nhận ra nhau chúng tôi nháy mắt thay câu chào. Đáng nhớ nhất là chuyến Southampton - Manchester của hãng British Airways (BA) vào khoảng tháng tám, một chuyến bay hi hữu gộp lại tất cả những hành khách của ba tuyến Southampton - Manchester của BA, Southampton - Liverpool của BA, và Southampton - Manchester của hãng Flybe. Ông hành khách ngồi gần tôi ngán ngẩm cho biết ông muốn đi Liverpool có việc gấp, ra khỏi nhà từ 2g chiều nhưng ngồi chờ mòn mỏi mấy tiếng ở sân bay. Mãi 10g tối họa may mới tới được Liverpool vì phải đi xe lửa từ sân bay Manchester đến Liverpool nữa. Trong khi nếu đi xe lửa thẳng từ đây đến Liverpool chỉ mất chừng bốn tiếng đồng hồ. Rồi ông chìa cho tôi xem coupon trị giá 3 bảng Anh, chua chát: "Nó đưa cái này để đền lúc chờ ở sân bay, nói "xin lỗi, mong ngài nhận lấy coupon này rồi muốn mua thức ăn gì cũng được", làm như không phải nó đền 3 bảng mà 300 bảng vậy". (Quả thật ở sân bay Anh, 3 bảng tương đương hơn 90 000 đồng chỉ mua được ổ bánh mì thịt và hũ yaourt ở cửa hàng Boots. Nhưng tôi tiếc ông hành khách này

không tới Việt Nam để xem Vietnam Airline hoãn một chuyến bay đến mấy lần, một ly nước cũng không có mà uống lúc chờ thử hỏi ông còn căng nắn đến đâu). Quả thật, chuyến đi "bão táp" lần đó không biết máy bay có bị quá tải hay không mà suốt chuyến chỉ bay thấp là đã. Lúc nào cũng thấy phong cảnh bên dưới, lại gặp ghềnh nảy lên nảy xuống như vấp ổ gà làm ai cũng thót tim.

Tôi đến Southampton một mình vào một ngày đầu tháng chín, và rời thành phố với Aly vào một ngày tháng mười năm sau, khi sương mù buổi sớm giăng đầy. Tôi về nhà ba mẹ anh tạm vài ngày trước khi bắt đầu chuyến du lịch vòng quanh châu Âu một tháng. Lúc đi qua khúc quanh trên đại lộ, Aly đột nhiên bảo: "Tuồng tượng được không, mình đang rời khỏi Southampton luôn rồi!".

Câu nói của anh làm tôi giật mình. Tôi không thể quay lại nhìn Southampton lần cuối vì băng ghế sau xe đã chất đầy những vali quần áo đồ đạc sách vở TV máy đĩa tận nóc làm ngăn tầm nhìn của tôi, Cả tấm chắn to tướng có bọc ra vẽ hình chim cò loạn xạ Aly mua từ Mông Cổ đặt trong lòng khiến tôi không mở cửa xe được. Nhưng tôi không buồn vì biết những kỉ niệm 14 tháng ở đây sẽ mãi còn trong tôi, tiếc chi cái nhìn lần cuối?

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Giáng sinh trắng...

Bước ra khỏi ga xe lửa Innsbruck, trước mắt tôi ngập tràn những tuyết là tuyết, phủ trắng rặng núi Alps hùng vĩ nước Áo phía xa và nhỏ giọt xuống những cây dẻ trụi lá vươn cành khẳng khiu lên nền trời xám nhạt như câu hát “ngàn mây xám chiều nay về đây treo lững lờ, và câu hát về ru mình trong giấc ngủ vừa...” ().

Sáng nay, khi Alastair chở tôi ra sân bay London Stansted, mưa quất rất rạt vào cửa kính xe, anh bảo “Vậy là năm nay ở miền Nam không có tuyết rồi, Uyên thấy chưa, trời đang ‘ráng’ đổ tuyết mà có được đâu, chỉ toàn nước mưa!”.

Radio lúc đó chuyển sang bài “Wake up! It’s a beautiful morning!” (Dậy đi! Thật là một buổi sáng đẹp biết bao!) làm cả hai chúng tôi cùng bật cười vì cảnh vật ngoài trời trái ngược hẳn. Bầu trời nặng trĩu, giạt dũ trút hàng vạn xô nước xuống những chiếc xe đang chạy vùn vụt trên đường. Alastair lại chặc lưỡi tiếc rẻ “Uyên sướng quá, nghỉ Noel ở Áo tha hồ trượt tuyết nhé! Lại còn được gặp bạn trai”.

Chỉ còn hai ngày nữa đến giáng sinh, không khí lễ hội ở Áo đã tràn ngập. Mới bốn giờ chiều nhưng trời mùa đông châu Âu sập tối nhanh, đã không nhìn thấy rõ mặt người, đèn trang trí trên cây thông trước cửa những ngôi nhà gỗ xinh xắn bật sáng nhấp nháy. Trên ống khói những quán rượu còn có cả ông già Noel bằng bông to bằng người thật đang lồm cồm tìm đường chui xuống, miệng cười vui vẻ và giỏ quà nặng trĩu trên vai.

Đâu đó từ một cửa sổ bên kia đường vẳng ra một bản nhạc thánh thót của Mozart, nhạc sĩ thiên tài người “địa phương” (Mozart sinh ra ở Salzburg chỉ cách Innsbruck hai tiếng đồng hồ xe lửa), ngân vang trong buổi chiều như những giọt tuyết rơi lên ngón tay tinh

khiết. Tôi vốn không biết nghe nhạc cổ điển, nhưng vào buổi tối chấp choạng ở thành phố xinh đẹp vùng Tirol () này, tiếng nhạc làm tôi ngẩn ngơ mãi cho đến khi một chiếc xe buýt ngừng lại nơi trạm tôi đang đứng chờ. Tôi hăm hờ kéo vali và ba lô lên xe, tôi sẽ ở Innsbruck một mình tới nay trước khi sang Feldkirch nghỉ lễ giáng sinh cùng gia đình Daniel.

Tôi không muốn kể lại vì sao tôi đã bị mất cắp trên chuyến xe buýt ấy, toàn bộ ba lô trong có hộ chiếu, hai máy ảnh, thẻ sinh viên, 150 euro và rất nhiều quà Noel cho gia đình anh. Cảm giác bàng hoàng khi khám phá ra điều ấy làm tôi giận đến nghẹt thở. (Sau này xem phim “Vòng quanh thế giới trong 80 ngày” bản mới của Disney, đoạn nhà khoa học khờ khạo người Anh Phileas Fogg bị lừa lấy cắp hết hành lý ở San Francisco ai cũng cười rộ lên trong khi tôi buồn thiu vì nhớ lại hoàn cảnh tệ hại tương tự của tôi ở Innsbruck).

Tôi không còn một mẫu giấy tờ tùy thân; thẻ tín dụng, thẻ ngân hàng mang theo để rút tiền cũng mất nốt và trong túi chỉ còn lại vài euro tiền xu đủ để ra buồng điện thoại công cộng gọi về ngân hàng ở Anh báo hủy thẻ.

Anh chàng cảnh sát trẻ ở đồn cảnh sát thành phố có khuôn mặt hiền lành, hai má bầu bầu phúc hậu. Anh chăm chú nghe những câu nói rời rạc vô nghĩa của tôi, ân cần “Trông cô không được khỏe. Chúng tôi đã ghi lại những gì cô nói và sẽ cố gắng, nhưng có lẽ cô nên về nghỉ, sáng mai quay lại đây sẽ bình tĩnh hơn”. Rồi thấy vẻ hoảng loạn của tôi, anh từ tốn: “Ngày mai khi cô trình bày rõ hơn, chúng tôi sẽ cấp một biên bản cảnh sát, có nó cô sẽ làm lại được hộ chiếu”, ngưng một chút, anh bảo “Tôi có Internet ở đây, cô có muốn email cho công ty bảo hiểm du lịch hay ai đó không?”

Tôi mở hộp thư, thấy có một email của Daniel. Anh vẫn còn đang ở Zurich, dặn dò tôi giữ ấm và vẽ ra thật nhiều dự định trang trí cây thông, đắp người tuyết trong khoảng sân sau nhà. Email của anh làm tôi tủi thân, lại nhớ ban sáng ở sân bay, tôi quay lại còn thấy Alastair đứng nhìn theo tôi khuất sau màn mưa nước Anh mịt mù.

Tôi muốn khóc nhưng không khóc được, tim thất lại cảm giác tê buốt khó tả khi thấy mình quả “khôn nhà đại chợ”, chỉ giỏi ăn hiếp bạn bè người thân trong khi ra đường bị người ta lừa quá dễ dàng. Tôi cúi xuống, gõ mail trả lời anh "Bị mất cấp ở Innsbruck. Gọi điện cho em ở nhà nghỉ, số điện thoại..." rồi buồn bã chào anh cảnh sát, kéo chiếc vali còn lại trên tuyết lạo xạo dưới chân.

Bây giờ tôi mới thấy lạnh, cái lạnh xuyên qua mấy lớp áo dày thấm vào da thịt làm tôi run rẩy, những ngón tay tê cóng. Tiếc rẻ những ngày cuối năm ở Sài Gòn mát mẻ 27-28 độ đã xa, tôi quần thêm một lớp khăn lông, lần thân vừa đi vừa nghĩ có khi nào vì không còn hộ chiếu nữa sẽ không về được VN, không về được cả Anh nữa, phải ở lại đây rửa chén chẳng hạn?

Viễn cảnh đó làm tôi nhìn mùa đông nước Áo không còn thấy xinh đẹp nữa, tuyết ban nãy nhìn trắng muốt mịn màng là thế, bây giờ dưới ánh đèn đường vàng trông rõ vết bánh xe hơi, vết giày để lại những đường xám đen. Con bạn thân đánh đá của tôi, biết chuyện này thế nào cũng sung sĩa "Dập mặt chưa em? Cuộc sống không phải lúc nào cũng dễ đoán trước như kết quả quốc gia nào nhiều huy chương vàng nhất mỗi kỳ SEA Games đâu!". Tôi ngẫm nghĩ, có lẽ tôi đã "dập mặt" thật.

oOo

Tôi ngủ một giấc rồi rục. Giật mình dậy chỉ mới hơn ba giờ, nhưng nhớ lại những gì xảy ra hôm qua tôi buồn quá không ngủ lại được nữa, nằm chong mắt đến sáng. Tối hôm trước về đến chỗ ở, tôi không còn một xu dính túi theo đúng nghĩa đen. Bà chủ nhà nghỉ nhìn tôi ái ngại, hỏi bằng tiếng Đức () mà vốn liếng ít ỏi của tôi hiểu bà hỏi đã ăn gì chưa.

Lúc đó tôi mới nhớ mình chưa có gì vào bụng từ sáng: chuyến bay bị trễ, mấy tiếng đồng hồ trên xe lửa cộng với sự việc vừa xảy ra làm tôi mệt mỏi, như thể vừa mới xong một chuyến đi dài, rất dài, về nhà thấy cửa khóa trái im ỉm mà mình lại quên không mang theo chìa khóa.

Tôi gọi món súp trứng và được mang lại một chén súp thật to có nguyên quả trứng gà nóng sốt, rắc rau mùi xắt nhuyễn, bà xoa tay nhất định không lấy tiền. Tôi cảm ơn bà, vừa ăn vừa quan sát xung quanh bằng cặp mắt buồn rầu. Ở bàn bên cạnh hình như có tiệc sinh nhật, mọi người có vẻ là dân ở đây, đang cười nói vui vẻ không chú ý đến tôi lồi thối lếch thếch. Phía sau lưng tôi, những du khách người Bắc Âu đang trò chuyện với nhau ríu rít như chim hót. Tự nhiên tôi thêm được như họ quá chừng.

Bà chủ bước đến, nhìn tôi bằng cặp mắt xanh thẳm, nói gì đó tôi không hiểu rồi quay sang nói to với bàn đang có tiệc sinh nhật. Không biết bà nói gì mà một cô gái tóc vàng khoảng 28, 29 tuổi quay qua tôi nói bằng tiếng Anh: "Bà đây nói cô bị mất cặp, nhờ chúng tôi xem có giúp được gì cho cô không. Tôi biết tiếng Anh, nếu cần gì tôi sẵn sàng giúp".

Tôi mừng rỡ, buông muỗng súp đang ăn xuống "Vậy hả? Chỉ dùm em văn phòng Lost & Found (*) đi". Cô gái tên Sylvia bước hẳn sang bàn tôi hỏi han tường tận rồi hứa sẽ dẫn đến văn phòng Lost & Found và cả đồn cảnh sát ngày mai.

Daniel gọi điện đến cho ông chủ nhà nghỉ, dặn ông đưa trước cho tôi hai trăm euro dùng tạm để anh chuyển tiền về trả ông sau, rồi an ủi tôi đang mếu máo "Mọi việc sẽ ổn thôi mà! Ngày mai gặp lại sẽ đền, chịu chưa?".

oOo

Tôi hy vọng kẻ cắp sau khi lấy hết tiền bạc và đồ quý giá sẽ ném ba lô có giấy tờ và hộ chiếu của tôi đâu đó, có người nhặt được mang đến văn phòng Lost & Found. Nhưng ở đó người ta tìm mãi không thấy ba lô tôi đâu nên tôi buồn bã để lại địa chỉ email và số điện thoại rồi đến đồn cảnh sát.

Anh cảnh sát trẻ có khuôn mặt bầu bầu tôi gặp hôm qua không thấy đâu, người trực không nói tiếng Anh lưu loát và tôi thật biết ơn Sylvia đã sốt sắng phiên dịch cho tôi trong suốt hơn một tiếng đồng hồ ở đó, nơi ông cảnh sát già cầm cúi gờ máy vì tính lạch cạch, hỏi

đi hỏi lại những chi tiết rời rạc trong câu chuyện chiều hôm qua trên chuyến xe.

Hai đầu gối tôi như muốn khuyu xuống vì mệt và thiếu ngủ, lại phải cố gắng nhớ lại những điều chỉ muốn quên đi. Khuôn mặt Sylvia những khi quay sang tôi thỉnh thoảng lại mờ nhạt như từ một nơi nào đó rất xa, tiếng nói của tôi nghe cũng xa xăm như của ai khác. Tôi cảm tờ biên bản ông cảnh sát vừa in ra đưa, gấp lại giữ khư khư như bùa hộ mệnh. Sylvia cảm ơn ông rồi kéo tay áo tôi "Có biên bản rồi, hy vọng lấy được tiền bồi thường từ công ty bảo hiểm, em có mua bảo hiểm du lịch chứ? Chỉ tiếc nhất hộ chiếu, chắc là nhiều kỷ niệm hả?".

Để cảm ơn, tôi mời cô vào một quán nước ven đường. Innsbruck rất đẹp, những ngôi nhà cổ hẹp sơn màu pastel tươi tắn trong tuyết trắng phau. Bây giờ là mùa đông, mấy tháng trước đây những ô cửa sổ và bao lơn bằng gỗ vùng Tirol này hắt nở đầy hoa tươi như trong những tấm postcard của Innsbruck tôi từng xem, và vỉa hè hắt cũng tràn ngập những bộ bàn ghế kê san sát với những người dân địa phương thả uống trà, nhấm nháp bánh ngọt và đọc báo.

Chúng tôi ngồi xuống một bàn gần lò sưởi kiểu xưa, những trái thông khô nổ lép bép bắn những tia lửa li ti và thanh củi gộc lớn đang cháy đỏ rực tỏa hơi ấm khắp gian phòng. Tôi nhìn quanh, nghĩ bụng nếu có khoai lang bỏ vào than nướng thì ngon biết mấy.

Chúng tôi uống cà phê khói bốc nghi ngút kèm những chiếc bánh còn nóng hôi thơm phức mùi bơ. Bên ngoài cửa sổ, dòng người đi mua sắm vẫn tấp nập. Một chú bé chừng hai tuổi, má tròn đỏ au như hai trái táo chín, được mẹ đẩy trên xe cút nhát định đòi xuống đi bộ trên tuyết rồi khóc lè nhè. Mấy cô gái trẻ xem chừng là học sinh cấp ba tay xách nách mang những giỏ giấy lớn đựng đầy quả châu, dây kim tuyến và những ngôi sao vàng sao bạc.

Tôi không buồn không vui, nhìn thành phố một cách hờ hững. Chỉ vài tiếng đồng hồ nữa tôi sẽ lên tàu về với Feldkirch, một thị xã nhỏ ngái ngủ ở miền Tây nước Áo gần biên giới Thụy Sĩ, bỏ những kỷ niệm buồn ở đây lại đằng sau. Sau những ngày dài dằng dặc chờ đợi, ở nhà Daniel, tôi sẽ có một giáng sinh trắng (white Christmas) đúng

nghĩa với tuyết trắng xóa đồi núi cánh đồng, sẽ buộc những dải lụa đủ màu lên cây thông, ăn gà tây quay nhồi nấm hương và cá tươi mới bắt được ở hồ Constance nấu súp.

Chuyến tàu OBB trước đêm giáng sinh chật như nêm. Tôi lên tàu trễ phải đứng chen chúc ngay lối đi giữa các khoang cùng những sinh viên trẻ về nhà nghỉ đông và những người đi làm mất đồ vết xước laptop lịch sự.

Đứng mỏi chân, tôi ngồi thu lu lên vali, thỉnh thoảng phải đứng dậy nép qua một bên cho người soát vé đi ngang, ông chẳng buồn kiểm tra vé chúng tôi mà đi thẳng qua các khoang xe lửa, có lẽ vì thấy mọi người không có chỗ ngồi tội nghiệp. Tôi ngồi gặm bánh mì mới mua được với giăm bông xắt mỏng cho nhiều ớt cay xè, vừa ăn vừa buồn thiêu (mãi sau này tôi có mua loại bánh mì tương tự về mới được Daniel cho biết loại này còn sống, phải đem nướng trong lò trước khi ăn).

Trời xanh biếc. Những ngôi nhà gỗ xinh xắn như hộp diêm tuyết phủ dày, xôm xộp mịn màng trắng muốt trên mái trông như những ngôi nhà trang trí trên bánh Buche de Noel. Rặng núi Alps nổi tiếng thế giới chập chùng và những cánh đồng cũng ngập tràn tuyết phủ, trông đẹp như những tấm thiệp giáng sinh, đẹp hư hư thực thực. Cảnh đẹp làm “trái tim phiền muộn đã vui lại một giờ” tôi đứng dậy tì mặt vào khung kính cửa sổ tàu, nhìn làng mạc miền quê êm đềm như tranh vẽ vút qua.

Tuyết bắt đầu rơi trở lại, ban đầu còn lất phất, sau nặng hạt dần. Những bông tuyết li ti bay xiên như những giọt nước mắt bị gió thổi bạt đi. Chỉ còn vài tiếng nữa đến giáng sinh, khi tàu ghé vào một ga xép nhỏ dọc đường, cửa tàu mở ra và không gian tràn ngập bản “Silent night” bằng tiếng địa phương da diết. Bản nhạc này đến nay đã nổi tiếng thế giới, cứ mỗi độ Noel lại vang lên từ những khu phố Manhattan hào nhoáng trong lòng New York nhộn nhịp sôi nổi tới những nhà thờ trong một ngôi làng Việt Nam xa xôi hẻo lánh, nhưng mấy ai biết được nó ra đời mấy trăm năm trước từ nước Áo yên ả thanh bình đẹp như tranh vẽ mùa đông?

Khi Daniel đón tôi ở sân ga chở về nhà ba mẹ anh, trên con phố xa

xôi dẫn lên đèo phủ đầy tuyết của đất nước mơ màng ấy, tôi lại nghe lại bài hát này lần nữa. Những câu hát giáng sinh tôi không hiểu hết lời từ radio trên xe bỗng ngân lên trong tôi như những giọt nước mắt hạnh phúc rơi trên tuyết rồi tan đi, tan đi...

Tôi muốn gửi những lời cảm ơn chân thành nhất của tôi đến Sylvia ở Innsbruck đã dẫn tôi đi lấy chứng nhận của cảnh sát; Đại sứ quán Anh và Hội đồng Anh tại Vienna, đặc biệt là cô Ruth-Sinclair Giám đốc Hội đồng Anh ở Áo ngay cả khi đang đi nghỉ cũng dành nhiều thời gian giúp đỡ tôi tận tình trong việc lấy lại giấy thông hành về lại Anh; cũng như chú Thomas và Daniel đã chở tôi đi suốt mấy ngày liền để làm lại giấy tờ.

Cũng xin nhắc nhở các bạn độc giả khi đi du lịch ở đâu cũng phải mua bảo hiểm du lịch, nhưng quan trọng nhất phải giữ hộ chiếu kỹ “như giữ con ngươi trong mắt mình”, phải mất hộ chiếu một lần ở nước ngoài mới biết được khổ sở đến chừng nào bạn ạ!

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Đảo Evia và mùa thu Địa Trung Hải

Ngay từ đầu hè, Daniel và tôi đã bàn việc sẽ đi đâu trong tháng bảy, phải là một nơi thật đặc biệt vì đó là tháng sinh nhật của cả hai. Sau nhiều giờ bàn tán, chúng tôi quyết định đi đảo Evia vì tôi luôn ao ước được đi Hi Lạp từ lâu.

Quyết định xong xuôi, do nhiều lý do khác nhau chúng tôi không đến Evia được đành khăn gói đi Tây Ban Nha đúng khu Lloret de Mar, đến nơi mới nhận ra mình quả sai lầm vì đây đúng là một ví dụ kinh điển của việc phát triển du lịch rất “chụp giật”, với những tòa nhà bê tông xấu xí và du khách đông như kiến, ồn ào náo sangria như nước lã. Ngày cuối cùng, tôi thở dài, than vãn, bây giờ chỉ muốn đi ẩn dật ở một miền quê heo lánh không có cảnh đẹp gì đặc biệt, chỉ nằm cả ngày trên võng nghe gà gáy chim hót dưới bóng cây, không đi thăm thú chỗ nào, không viết bài, không chụp ảnh, không gì hết. Daniel bảo: “Vậy tới đảo Evia chắc Uyên thích lắm đó, ở đó không có gì hết trơn, muốn chụp hình hay viết bài cũng không có gì để chụp hay viết. Thôi tháng mười mình đi vậy”.

Vậy là tôi đếm từng ngày tới tháng mười để đi đảo Evia, tiếng Hi Lạp là Euboea, hòn đảo lớn thứ hai ở đất nước mấy mươi ngàn năm lịch sử này. Vì không nổi tiếng với khách du lịch nên Evia rất vắng vẻ và còn giữ lại rất nhiều nét nguyên sơ địa phương dù chỉ cách thủ đô Athens rộn ràng nhộn nhịp hơn một giờ đi phà. Mùa thu Địa Trung Hải, trời còn ấm áp hơn hẳn nơi khác. Những ngôi nhà trắng đứng yên trên đồi, soi bóng xuống biển xanh tĩnh lặng. Ba mẹ Daniel có ngôi nhà nghỉ ở Stira, ngôi làng nhỏ xinh xắn đã từng có mặt trong thiên anh hùng ca Iliad do Homer viết về cuộc bao vây thành Troy của người Hi Lạp. Xe băng qua những dòng suối róc rách chảy qua những cây tiêu huyền gió biển thổi lao xao, qua ngôi nhà bằng đá ong đã đổ nát có lẽ có từ thời cổ đại nằm trơ vơ rồi leo lên đồi cao có mấy cụm xương rồng mọc hoang, đá sỏi lọc cọc. Tôi reo lên thích thú khi thấy nhà ba mẹ anh là một ngôi nhà giản dị quét vôi trắng xóa với cửa sổ màu xanh dương, hàng rào hoa giấy nở đỏ. Tôi mê mẩn những ngôi nhà trắng Hi Lạp, mà theo cô Gerlinde - mẹ anh cho biết, ở Evia chỉ có nông dân nghèo người địa phương và người nước ngoài sang chuộng cái đẹp kiến trúc truyền thống mới xây mà thôi, người Hi Lạp trung lưu và thượng lưu ít ai còn xây những ngôi nhà

“quê mùa” này nữa.

Chúng tôi ăn tối trong một tarvena truyền thống đối diện bãi biển, bán toàn những món địa phương nổi tiếng thế giới: salad kiểu Hi Lạp với cà chua xắt múi dày, hành tây tím xắt khoanh, dưa leo giòn tan, trộn phô mai feta làm bằng sữa cừu béo béo, rưới dầu ôliu, giấm cùng những gia vị không tài nào đoán ra; lá nho nhồi cơm cuộn lại hấp; souvlaki: thịt heo hoặc gà tẩm bia và gia vị địa phương, nướng xiên trên than hồng (mỗi miếng nạc xen với một miếng mỡ để khi nướng mỡ chảy xèo xèo thơm phức khắp không gian), uống rượu ouzo thoảng mùi hoa hồi và tráng miệng bằng yaourt không đường, đặc và dẻo quánh, rưới mật ong ngọt ngào tề cả lưỡi. Bữa ăn ngon làm mới ngày đầu tiên tôi đã mê Evia như điều đồ và hồ hởi trông đợi những ngày thật thư giãn trên hòn đảo êm đềm này.

Quả thật, tôi không mong đợi gì hơn ở một kỳ nghỉ mát đúng nghĩa. Ánh nắng đầu thu không quá gay gắt, tôi nằm cả ngày ngoài sân, hướng ra đại dương mênh mông phẳng lặng dưới trời. Những cây ôliu trong sân đã đậu trái thon thon xanh ngắt, lá rì rào khi gió biển thổi thoảng qua. Bờ biển trải dài ngút mắt, xanh và êm đềm. Lúc mới đến, tôi ngạc nhiên hỏi tại sao xung quanh ngôi nhà lại rào lưới thưa thấp ngang ngực, làm chắn mất một phần cảnh biển thật đẹp bên dưới, nhưng ai cũng cười tủm tỉm về bí mật. Một buổi chiều, khi tiếng lục lạc ở đâu leng keng vọng lại, mọi người mới bảo: “Thủ phạm làm mình phải dựng rào lưới đây”. A, thì ra tại những chú cừu khờ khạo kia, cứ len vào sân gặm những cây non mới trồng, mục đồng theo không xuể. Các chú nghéch cổ lên nhìn qua hàng rào thưa, chắc tiếc rẻ những bụi cỏ bên trong nhà người ta. Người mục đồng già vẫy tay chào cô Gerlinde và chú Peter bằng tiếng địa phương, rồi lùa đàn cừu đi xuống đồi, tiếng lục lạc còn leng keng mãi trong chiều yên ả. Những ngày nắng, không gì bằng ngồi với cả nhà trên bộ ghế đá ngoài sân đợi hoàng hôn. Mặt trời Địa Trung Hải đỏ ối, tròn vành vạnh, loang ra những mảng màu vàng cam trông giống một quả trứng ốp la, hắt xuống nước biển mảng vàng sóng sánh. Tôi có cảm giác chỉ cần một cơn gió mạnh, khối trứng ốp la ấy sẽ rớt xuống nước rồi sôi sùng sục lên như vàng khối đun chảy. Nhưng cuối cùng, mặt trời không rớt mà lặn xuống đường chân trời thênh thang, rất nhanh, làm lần nào tôi cũng ngẩn ngơ.

Những tour du lịch quả không ngoa khi gọi đảo Evia là viên ngọc ẩn. Ở đây có lẽ không đẹp bằng những đảo Hi Lạp khác như Santorini, Rhodes hay Corfu nơi du khách châu Âu và cả thế giới nườm nượp đổ về mỗi mùa hè, nhưng có một nét duyên mà bạn phải mất một

thời gian mới cảm nhận được. Nét duyên từ làn nước xanh biếc và trong suốt của biển Aegean, mòm đá hoang sơ, những vịnh nhỏ hẻo lánh vắng người. Nét duyên từ thung lũng màu mỡ trong mù sương buổi sớm, từ con đường vắng trên đồi băng qua những mái nhà nhỏ ngói đỏ cam thấp thoáng trong khóm cây bách xanh rờn, bên dưới là đại dương mượt mà như dải lụa và bầu trời trong trẻo không một gợn mây, trời và nước chỉ cách nhau một đường phối màu xanh nhạt mà bức tranh thiên nhiên vẽ nên, bình yên biết mấy.

Chúng tôi băng qua những ngôi làng ven biển trên những con đường thung lũng-đồi-đại dương ấy, lòng nhẹ nhàng phơi phới như gió biển mang theo vị hơi mặn mặn rất đặc trưng. Thỉnh thoảng, thấy một tu viện bỏ hoang quét vôi trắng xóa chớp tròn màu xanh có chữ thập, chúng tôi lại dừng xe, bước vào để cảm nhận “lối xưa xe ngựa hồn thu thảo”, những bức tường đá đỏ nát xung quanh và cây tùng già nua đứng trước cổng sơn trắng như chứng nhân lịch sử. Đói bụng, chúng tôi lại ghé một ngôi làng bất kỳ, rảo qua nhà thờ bằng đá ong trầm mặc, ngó nghiêng những sạp cá tươi rói bày trước nhà, có cá giầy đành đập, tôm búng lách tách và cua vượn càng dọa dẫm, rồi tạt vào một taverna nhỏ xíu, nơi thức ăn tươi mới nấu được bày ra bên ngoài để khách tự chỉ vào gọi món rồi ngồi nhấm nháp trong gian nhà tường đá sần sùi mát rượi. Những người làng đang ngồi đánh cờ nơi mấy quán sữa nhỏ bé bảng hiệu toàn những mẫu tự Hi Lạp $\Sigma \Omega \Lambda \alpha$ không lẫn vào đâu được, kê vài bộ bàn ghế xiêu vẹo bên ngoài để khách ngồi ăn yaourt, uống sữa hay cà phê đá, ai cũng dừng tay nhìn tôi. Có lẽ họ ít khi thấy du khách đến đây, huống gì lại là một người châu Á. (Cũng như du khách Tây về những miền quê hẻo lánh Việt Nam trẻ con sẽ kéo nhau đi xem). Điều này làm tôi thích thú vì biết chắc chắn mình đang được cảm nhận những gì rất địa phương mà những điểm du lịch không thể nào có được.

Chúng tôi đến Kymi, ngôi làng dễ thương như tên gọi, nằm phía đông bắc đảo Evia. Những con thuyền đánh cá không hổ danh là thuyền Hy Lạp, cũng sơn trắng thật xinh xắn neo dưới bụi lau sậy um tùm hay thả bồng bênh trên mặt nước trong xanh cạnh lưới cá vàng óng vắt lên bờ. Chúng tôi đi dạo ven biển, thỉnh thoảng lại bắt gặp lẫn trong thuyền đánh cá là rải rác những du thuyền đến từ Anh, trông lộng lẫy xa hoa đến nỗi trong một thoáng tôi tưởng tượng sẽ thấy các cầu thủ đội Chelsea rời thuyền bước xuống bờ bất cứ lúc nào. Tôi băng xuống mép nước, nơi đàn ngỗng trời đang nói đuôi nhau bơi thật êm ả trên mặt nước xanh phẳng lặng lấp lánh nắng, cúi nhặt một hòn sỏi lớn ném xuống nước. Thấy động đàn ngỗng

tưởng thức ăn bơi lại. Nhận ra kẻ lạ ném sỏi chứ không phải thức ăn, con ngỗng đầu đàn quạt nước bơi về phía tôi, trông “giang hồ” khác hẳn vẻ hiền lành êm ả ban nãy, rồi lên bờ rượt tôi chạy tóe khói, vừa rượt vừa kêu rầm rĩ, như muốn nói cho chừa tật phá phách nha!

Tôi mệt đứt hơi sau cú rượt của ngỗng trời nên không buồn đến bảo tàng dân gian, chỉ lang thang qua con phố ven biển với những ban công xinh xinh leo đầy dây nho. Xe cộ đậu nghỉ trưa dưới bóng thông xanh, không gian thoảng mùi nhựa thông và tĩnh lặng đến nỗi có thể nghe xao xác tiếng gà gáy trưa. Chúng tôi băng qua đường lớn, vào những con hẻm lát đá có những ngôi nhà vuông vắn trông hoa phong lữ đỏ hay tường vi phớt hồng, phơi quần áo bên ngoài thơm thơm mùi nắng. Băng lên chút nữa là căn nhà bằng đá có gác suốt lợp ngói tươi tắn nép bên những cây cam lúc lỉu quả, có quả vừa chớm xanh ngả vàng, có quả đã chín mọng vàng ối, chỉ cần tưởng tượng cắn ngập răng vào đầy nước cam giòn ngọt chua chua sẽ làm dịu ngay cơn khát buổi trưa. Cây cam thấp lè tè mà lá xum xuê quả trĩu cành xòa cả ra đường, chỉ cần với tay là hái bao nhiêu cũng được. Những con hẻm nhỏ hẹp với dây điện mảnh giăng từ nhà này sang nhà khác ấy đều dẫn ra biển xanh óng trong nắng mặt trời.

Cảnh mùa thu Địa Trung Hải giản dị mà tươi đẹp biết bao!

Tôi sẽ nhớ mãi những ngày nghỉ thanh thản vô tư lự trên hòn đảo lặng lẽ này, những ngày nằm dài lười biếng hát nghêu ngao nhạc của Red Hot Chili Peppers, đọc sách, chơi ô số Sudoku hay chỉ nhìn trời nước trải dài trước mặt, không nghĩ ngợi gì. Có khi tôi phụ ba mẹ Daniel ướp bia vào thịt xiên que nướng barbecue trên lò than, hay xắt rau củ xếp bên dưới cá trước khi bỏ lò cho những chất ngon ngọt trong cá tươi thấm vào rau củ. Có khi tôi cùng cả nhà đi chợ, mua đồ linh tinh lật vật của những người bán hàng rong. Có khi chúng tôi lại đi đến những bãi biển vắng người đẹp như tranh với vách núi dốc đứng và hang biển, ngồi nhâm nhi cá trích nướng trong một quán ăn sát bờ hoa giấy nở đỏ rồi xuống bơi trong làn nước mát lạnh. Nhà chỉ dùng năng lượng mặt trời nên những ngày trời không nắng buổi tối cũng không có điện nốt. Tôi rất thích những buổi tối không điện ấy, được thắp lên những cây nến làm bằng sáp ong vàng thơm ngọt dịu dịu lan tỏa không gian. Ánh nến loang trong nhà làm tôi nhớ lại những năm 80 ở Việt Nam, khi khu nhà chúng tôi ở quê chưa có điện, buổi tối ba tôi thường lấy hai bàn tay đan lại thành hình con thỏ, con sói in bóng trên vách tường trò chuyện với nhau như một vở múa rối cho tôi vui.

Tôi đã không giữ được lời hứa chỉ ăn và ngủ, không viết bài, không

chụp hình, không làm gì hết trong những ngày qua thật nhanh ở đảo Evia. Đơn giản chỉ tương tự như khi xem được cuốn phim thật hay bạn khó có thể không muốn giới thiệu cho bạn thân mình, và nếu người kia nhất định không xem bạn sẽ thấy bứt rứt khó yên. Bởi vậy, làm sao tôi không viết về mùi thơm dễ chịu của những chùm cây ôliu, cỏ xạ hương, bụi cây dẻ và những luống mạch nha rì rào, về tiếng gà gáy trưa trên phố biển êm đềm với những chậu hoa phong lữ đỏ, hay về ngôi nhà bạn tôi quét vôi trắng xóa trên đồi nhìn xuống Địa Trung Hải biếc xanh?

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Verona, phố xá mơ màng...

Tôi không dự định đến Verona trong chuyến đi Ý của mình, nhưng Venice dù yêu kiều xinh đẹp mấy cũng làm tôi chán. Ở đây quá phát triển du lịch và một nơi có lực lượng du khách “hùng hậu” cùng những dịch vụ kéo theo dễ làm bạn cảm thấy mệt mỏi.

Vì vậy, sau ba ngày không gặp được bóng dáng người địa phương nào ở phố cổ có những con kênh xanh với thuyền gondola xuôi dòng, tôi quyết định gửi vali lại chỗ cô lễ tân vui tính ở khách sạn tôi ở, chỉ đem theo ít đồ cần thiết trong ba lô rồi leo lên tàu đi Verona.

Thật không may cho tôi khi đến Verona vào chiều chủ nhật, văn phòng dịch vụ du lịch ở nhà ga đã đóng cửa trong khi tôi không có lấy một cuốn sách hướng dẫn trong tay để tìm chỗ ở qua đêm. Bên ngoài văn phòng có một máy vi tính để truy cập thông tin những khách sạn địa phương (Intranet, không phải Internet), nhưng những khách sạn này giá thấp nhất cũng đã bảy tám chục euro, vượt quá ngân sách của tôi nên tôi đi loang quanh nhà ga một lúc rồi quay trở lại văn phòng, dí mắt vào sát tấm gương và tình cờ đọc được bảng chỉ dẫn về nhà trọ thanh niên tên Biệt thự Francescatti dán bên trong. Vui mừng, tôi quay ra trạm xe buýt ngồi chờ.

Một gã trẻ tuổi ốm nhom ốm nhách trông bộ dạng không mấy lương thiện đang lảng vảng xung quanh khách chờ xe buýt. Tôi không lạ gì những chuyện như thế này nữa, kinh nghiệm xương máu ở Áo trước Giáng sinh đã khiến tôi tâm niệm “Ở đâu cũng có anh hùng. Ở đâu cũng có... thằng khùng thằng điên”, và trở thành chuyên nghiệp trong việc cảnh giác mất cắp, đến nỗi đạo chích Paris hay Venice (những nơi vốn khét tiếng về nạn móc túi du khách) cũng không “làm ăn” được gì với tôi huống chi gang hồ tỉnh lẻ. Tôi liếc xéo gã một cái, ra điều “ta biết rồi, đừng hòng giở trò móc túi ở đây” rồi đeo ba lô ra trước ngực, ôm khư khư vào lòng. Nhắm thấy con mồi không phải tay vừa, gã bỏ đi.

Anh chàng lái xe buýt từ nhà ga trung tâm Verona đến nơi tôi ở cũng như hầu hết những người Ý ở đây, tóc xoăn tít và mặc quần tây áo sơ mi thật lịch lãm, đeo kiềng đen hiệu Gucci trông đẹp trai hơn cả Ben Affleck. Nhưng anh chàng không biết tiếng Anh nên sau một hồi giải thích nơi muốn đến trong vô vọng, tôi bước xuống ngồi ở giữa xe. Thật may mắn, đôi bạn trẻ lên xe cùng lúc với tôi đang đứng với

mớ ba lô túi xách to tướng cũng đến cùng nhà trọ nên tôi thở phào nhẹ nhõm. Qua trò chuyện, tôi được biết hai bạn người Hà Lan, vừa đến sân bay Milan Ý vào buổi trưa và đã quyết định không vào thành phố mà đáp xe lửa thẳng đến Verona. Quả là một quyết định đúng đắn vì Milan là một trong những thành phố xấu nhất nước Ý, trừ khi bạn là phóng viên muốn dự tuần lễ thời trang hoặc là cổ động viên bóng đá cuồng nhiệt của Inter hoặc AC Milan, có rất ít lý do để bạn đến nơi này.

Nhà trọ thanh niên Villa Francescatti là một biệt thự cổ duyên dáng nằm trên đồi, trong khu vườn rộng xanh um cây lá và đài phun nước mát rượi bên thảm cỏ tươi tốt mượt mà. Những căn phòng rộng của biệt thự xưa đã được biến thành một dạng ký túc xá sinh viên với những chiếc giường tầng và cửa sổ hướng ra vườn chim hót ríu rít. Bạn phải ở chung với bảy người khác và nhà trọ có lock-out period bắt buộc bạn ra khỏi phòng từ 9g sáng đến 5g chiều, nhưng bù lại phòng ốc ở đây rất sạch sẽ yên tĩnh, không gian trong lành và giá chỉ 13.5 euro mỗi người có cả ăn sáng nên chúng tôi không lấy đó làm phiền.

Buổi sáng đầu tiên bước ra khỏi biệt thự, thấy ban mai trong suốt như một giọt sương. Con đường hẹp quanh co từ ngọn đồi chúng tôi ở vẫn còn ngái ngủ, thừa thốt người, những cửa sổ cạnh bao lon nở hoa đỏ hoa tím li ti khép hờ. Có tiếng chim hót (không biết có phải từ “bụi mận gai” nào quanh đây) làm lòng tôi thật thư thái nhẹ nhàng, vừa tản bộ vừa ngắm những ngôi nhà Verona tư lự, tường gạch tróc lở vết thời gian và những mái ngói nâu hồng mang vẻ đẹp hài hòa và mơ màng. Biệt thự Francescatti đã có mặt hơn năm trăm năm trước nhưng tuổi đời so với những nhà hàng xóm vẫn còn thua xa. Verona ra đời từ thế kỷ thứ 1 trước công nguyên, và đã được công nhận là di sản UNESCO do những phát triển đô thị trải qua hơn hai thiên niên kỷ vẫn còn giữ lại rất nhiều thành trì, pháo đài thời La Mã cùng những kiến trúc Trung cổ và Phục hưng.

Chúng tôi băng qua cây cầu bắc ngang sông Adige trong xanh bên sườn đồi trồng đầy cây bách reo trong gió sớm. Thành phố sáng đầu tuần vắng lặng, ngay cả ở khu trung tâm. Những ngôi nhà tinh khiết ở đây giống như vừa bước ra từ một bức tranh sơn dầu với những gam màu hồng đậm nhạt pha trắng và ban công bằng sắt uốn lượn như dải lụa. Một tờ báo ở Anh đã gọi Verona là thành phố sắc hồng, quả thật đúng. Màu hồng là chủ đạo trên những ngôi nhà xưa duyên dáng nơi đây. Ngay cả những ngôi nhà sơn màu vàng nhạt hay nâu vẫn điểm những giàn hoa tươi ửng hồng đầm sương đêm và chiếc xe

đạp dựa hờ hững lên tường đá cũng được sơn hồng cánh sen. Cô gái Hà Lan đi cùng thốt lên: “Thích thành phố này quá đi!” và chúng tôi cùng gật đầu đồng ý.

Tôi quyết định chia tay hai bạn để làm một chuyến shopping. Ở Venice gì cũng đắt đỏ và toàn đồ cho du khách nên tôi không mấy hứng thú mua, nhưng ở đây có những shop giản dị và “điên viên” hơn nhiều, bán đồ ăn địa phương: mì vàng ươm, cà phê bột thơm lừng, xí muối kiểu Ý là lạ, hạt sôcôla trắng nhỏ li ti đựng trong túi lưới màu kem cột nơ xinh xắn..., quần áo ở Ý cũng rất đẹp và giá vừa phải (trừ khi bạn muốn mua đồ Armani, Gucci, Versace hay D&G...) nên tôi thích thú dạo một vòng ngó nghiêng những cửa hàng nhỏ nhắn trên đường tĩnh lặng. Sau khi ghé mua một số đồ làm quà cho mình và cho mẹ, cho chị ở nhà, tôi ra lại khu phố chính, đứng tần ngần nhìn những nghệ sĩ lang thang chơi guitar và thổi sáo bên cạnh một shop bán trái cây tươi ngoài vỉa hè.

Đã sang trưa, du khách bắt đầu túa ra từ những khách sạn, nhà nghỉ trong thành phố, Verona đã mất vẻ ngái ngủ ban sáng. Tôi băng qua những con đường hẹp, tình cờ thấy trên ban công căn nhà nhỏ nhắn trong hẻm nhỏ, một bà cụ đang đập bụi hai trắng lưới liềm vàng nhồi bông, có lẽ là đồ chơi các cháu nhỏ của bà. Thấy tôi vừa tùm tùm cười vừa ngược nhìn từ bên ngoài đầu hẻm, bà dừng tay đập, cũng cười với tôi.

Trong lòng vui và nhẹ nhõm, tôi dạo bước đến thăm một trong những sức hút lớn nhất của Verona: nhà nàng Juliet. Nhà soạn kịch lỗi lạc người Anh Shakespeare viết lại “Romeo và Juliet” vào thế kỷ 17, nhưng huyền thoại về tình yêu ngây thơ và mơ mộng của hai người trẻ tuổi đã bắt nguồn ở Verona từ hơn ngàn năm trước đó và đã có mặt trên những truyện ngắn, kịch, thơ của nhiều tác giả khác trên thế giới trước khi Shakespeare ra đời. Bức tường gần cổng vào nhà đầy những dòng chữ nguệch ngoạc của những kẻ đang yêu đến thăm nhà cô gái xinh đẹp, tưởng nhớ một trong những chuyện tình lãng mạn nhất lịch sử nhân loại với kết thúc bi thương do thù hận gia đình. Tôi thích thú đọc chữ “Nhà Juliet” bằng nhiều thứ tiếng trong bảng đá đặt trước nhà, ngộ ra “Juliet’s house” trong tiếng Anh nghe rất “chuyên nghiệp” như đang trong một phi vụ làm ăn, “Juliettaus” tiếng Đức nghe đánh thép làm mất hết vẻ lãng mạn, “Maison de Juliette” tiếng Pháp nghe cũng khá êm đềm, nhưng chỉ tiếng Ý “Casa di Giulietta” mới du dương và thi vị nhất, chỉ bản thân chữ đó cũng đủ làm ta mơ màng hơn cả một bài thơ.

Nhà Juliet lớn nhưng không đồ sộ mà rất xinh xắn, xây bằng gạch

nâu xưa đã tróc vôi, những vòm cửa cong cong như trong truyện cổ và ban công nhỏ xíu giản dị. Tôi trả ba euro để được vào trong, trèo lên ban công nhỏ đáng yêu nhìn xuống bức tường dây leo rậm rạp xanh um, tượng tượng chàng Romeo đẹp trai vẫy tay bên dưới sân. Tôi dụi mắt, không tin vào mắt mình vì có ai đang vẫy tay với tôi bên dưới thật, hay là duyên nợ chăng? Nhưng tôi thất vọng ngay khi nhận ra người vẫy tay là anh chàng Hà Lan đang đi cùng cô bạn gái tôi gặp trên xe buýt hôm qua. Tôi trèo xuống, Romeo rủ: “Ăn trưa ít nên đói bụng quá. Đi ăn thêm không?”

Như đã viết trong bài “Ăn Ý”, đồ ăn ở đây chỗ nào cũng ngon và đầy hương vị. Chúng tôi chỉ ăn đồ ăn nguội mua trong một quầy thức ăn giản dị, nhưng món bánh mì tròn kẹp giăm bông và củ cải chua làm ai cũng tấm tắc khen. Tôi ra ngoài quảng trường Roman Arena nhăm nháp món tráng miệng bánh gừng, làm tôi nhớ lại Alastair ở nhà hay kể chuyện thiếu nhi về anh chàng người bánh gừng (Gingerbread man) chạy từ lò nướng trốn bà cụ nướng bánh: “Run, run as fast as you can. You can’t catch me, I’m a gingerbread man”. “Chạy, chạy nhanh hết sức đi. Cũng không bắt được tôi đâu, tôi là người bánh gừng”.

Roman Arena, một trong những công trình vĩ đại nhất châu Âu, là đấu trường La Mã được xây dựng từ thế kỷ thứ một sau Công nguyên, vào năm cuối cùng của triều đại Augustus, kỳ công đến nỗi trận động đất dữ dội vào thế kỷ 12 tại đây chỉ phá hỏng được một phần bên ngoài. Khi xưa nơi này đã diễn ra nhiều cuộc chiến của các dũng sĩ giác đấu tương tự những cảnh hoành tráng mà ai từng xem bộ phim Gladiator khó có thể quên. Đến thế kỷ 18, đấu trường xây hình elip bằng đá cẩm thạch hồng dài gần 150m ấy được chuyển thành một nơi nhẹ nhàng hơn nhiều: thay vì những cuộc cưỡi ngựa đấu thương là những vở nhạc kịch êm đềm du dương rất Ý. Ngày nay, Roman Arena là nơi tổ chức hòa nhạc và opera thu hút hàng chục ngàn khán giả mỗi đêm; nhưng khi đến, tôi chẳng thấy áp phích giới thiệu chương trình nào, chỉ có một poster quảng cáo lớn bằng một tòa nhà của hãng Lycra có ảnh một cô gái mặc bikini thật hấp dẫn, quả là một ví dụ sống động cho cổ xưa chen lẫn hiện đại. Tôi ngồi nhâm nhi bánh gừng, chợt nghe tiếng nhạc trong vắt đầu đây; quay lại, thấy một nghệ sĩ đường phố trong trang phục quý tộc xưa đang biểu diễn nhạc nước pha lê: Khi ông hươ tay trên những chiếc ly cốc thủy tinh đủ kích cỡ hình thù đựng nước lọc, những âm thanh tinh khiết vang lên như một bản nhạc êm đềm.

Tôi còn lang thang nữa qua phố G Mazzini mua bức tranh khắc nổi

hình cô gái múa balê của một người đàn ông Nam Tư, những bánh xà bông thơm nức từ các cửa hiệu nhỏ xinh, rồi đi lạc trong những con phố có mái vòm arcade, những tu viện, giáo đường, nhà thờ trầm mặc, những pháo đài cổ có đôi chim bồ câu đứng gù, rồi trở lại quảng trường Piazza Brà ngắm du khách và người địa phương lười biếng ăn cioccolato (sôcôla) và crostata (bánh trái cây nướng) mới mua được từ những pasticceria xung quanh, trước khi tạt vào một quán cà phê khuấy nêo, nghe cô chủ và những khách người địa phương trong quán nhiệt tình chỉ tôi caffè lungo và caffè Americano gần như là một loại, còn cappuccino phải được uống ấm chứ không quá nóng bỏng sẽ làm mất đi độ ngọt tự nhiên của sữa và độ mịn của bột (Lạy trời, cả đời tôi không tưởng tượng được một ngày nào đó mình sẽ tỉnh tề đến mức này).

Tôi đi bộ một mình về chỗ trọ sau một ngày lang thang mỗi chân, băng qua cây cầu cong cong đom đóm ban sáng với những ngôi nhà xưa mái ngói ửng hồng có những ô cửa sổ hình chữ nhật soi bóng xuống sông Adige trong xanh. Xung quanh vắng lặng đến khó tin, có lẽ tất cả du khách đã ở hết khu trung tâm thành phố. Những cây tùng cây bách vẫn reo trên mái nhà và những sườn đồi thoải thoải, nhưng cảnh hoàng hôn buông xuống đẹp huy hoàng hơn ban sáng gấp nhiều lần. Ánh mặt trời miền Bắc nước Ý nhuộm cảnh vật một màu óng ả như tơ tằm, như mật, như dầu ô liu nguyên chất, như vàng ròng, hắt xuống mặt nước lấp lất loáng. Tôi nhìn buổi chiều Verona mơ màng, quên mình đang ở một xứ sở có thực.

Song tiếng xe Vespa rồ ga của cô nàng có gương mặt thanh thoát như thiên thần đang đội nón bảo hiểm phóng vù vù làm tôi giật nảy mình, nhận ra đã đến con hẻm nhỏ dẫn vào nhà trọ Biệt thự Francescatti và mình không phải đang ở trong chuyện cổ tích mà đang ở Ý, “thủ phủ” của những quái xế chạy xe ẩu nhất thế giới. Nhưng có hề chi, đối với tôi Verona vẫn mãi là phố xá mơ màng với những ngôi nhà mái ngói tường vôi in vết thời gian, ban công xinh xinh nhà Juliet và cảnh hoàng hôn nhuộm dòng sông Adige vàng óng ả làm “có người lòng như nắng qua đèo” (*)...

Chú thích:

(*) Lời một bài hát của Trịnh Công Sơn

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Những mái nhà cổ tích, vườn bia và Sauerkraut

Trước khi đến Munich, tôi không ngờ thủ phủ vùng Bavaria lại đáng yêu như vậy. Trong tưởng tượng của tôi, đó là một thành phố công nghiệp hiện đại chỉ toàn những tòa nhà chọc trời và những làn xe BMW, Mercedes bóng lộn lao vun vút.

Nhưng đó chỉ là một phần của thành phố giàu có nhất nước Đức này, phần còn lại là những khu phố cổ mơ màng và những vườn bia (biergarten) nơi dân địa phương và du khách ngồi thưởng thức bia tươi nổi tiếng thế giới trong cái nắng châu Âu dịu dịu, rất đúng “tinh thần” chữ tiếng Đức Gemutlichkeit, nghĩa là vui vẻ, dễ chịu, thoải mái.

Chuyến đi Đức của tôi phẳng lặng và êm đềm như những thành phố, thị trấn xứ Alps với nhà gỗ nâu xinh xắn, tĩnh lặng và ngái ngủ nép mình bên rặng núi hùng vĩ chập chùng lướt qua xe lửa. Munich, Munchen trong tiếng Đức, là nơi cuối cùng tôi đến sau gần một tháng rong ruổi xuôi ngược Châu Âu, và quả là một trạm cuối đầy ấn tượng, đặc biệt nhất vẫn là sức quyến rũ kỳ lạ của quảng trường Marienplatz, trái tim của phố cổ Munich và đã hiện hữu trong không biết bao nhiêu tấm postcard nơi đây.

Tôi leo lên nhà thờ Alter Peter để ngắm trọn vẹn hình ảnh quảng trường trong nắng sớm mai. Phía trước tôi, bọn trẻ con người địa phương chừng tám, chín tuổi, reo hò nhộn nhạo và tranh nhau bước trên cầu thang bằng gỗ nhỏ hẹp chỉ vừa một người đi, trong khi cô giáo thở không ra hơi vì những bậc thang cao hun hút, không còn sức bảo học trò. Đến nơi ai cũng mệt thở hơi tai, nhưng toàn cảnh Neues Rathaus, tòa tháp kiểu neo-Gothic được xây dựng từ thế kỷ 19 kiêu hãnh vươn lên nền trời và những cửa sổ nhà thờ hoa tươi rực rỡ làm mọi người quên đi mệt mỏi. Phía đông quảng trường, tòa thị chính xưa Altes Rathaus được xây dựng từ thế kỷ 15, bị đánh bom chỉ còn là tàn tích và ngày nay dường như đã chìm vào lãng quên.

Nhưng phần còn lại của quảng trường được bảo trì rất tốt: Từ trong những vòm sắt uốn lượn của nhà thờ Alter Peter nơi tôi đứng có thể nhìn thấy những mái nhà màu cam nhấp nhô đẹp như cổ tích, đến nỗi trong một giây tôi tưởng như có thể bắt gặp cô bé Lọ Lem, nàng Bạch Tuyết hay hoàng tử ếch trong truyện cổ Grimm bước ra từ những ngôi nhà xinh xắn nọ. Anh em Jacob và Wilhelm Grimm là niềm tự hào của nước Đức do đã có công gìn giữ những truyện dân gian cổ tích xưa, để ngày nay không chỉ quê hương họ mà cả thế giới biết ơn hai người đã làm sống lại những bức tranh sinh động và giàu lòng nhân ái, làm phong phú thêm tâm hồn trẻ thơ trên khắp hành tinh.

Vốn không thích viện bảo tàng và gallery nghệ thuật nhưng tôi vẫn quyết định đến Alte Pinakothek, một trong những bảo tàng nghệ thuật xưa nhất và quan trọng nhất thế giới, dành nguyên một ngày lang thang qua khắp những căn phòng rộng treo hơn 800 kiệt tác của các danh họa Châu Âu, đại diện cho những chặng đường nghệ thuật từ thời Trung cổ đến cuối giai đoạn Rococo vào thế kỷ 18. Vào chủ nhật hàng tuần, chỉ với 1 euro (5.5 euro vào ngày thường) bạn có thể đắm mình trong lịch sử hội họa và chiêm ngưỡng những tác phẩm vĩ đại của nhân loại đến khi nào mỏi chân, mỏi mắt thì thôi.

Xưa nhất trong những bộ sưu tập là hội họa Ý, với tác phẩm nổi tiếng thế giới đại diện cho trường phái Gothic “Bữa ăn tối cuối cùng” của Giotto và những kiệt tác khác từ các trường phái Baroque và Phục hưng, trong đó có Leonardo da Vinci với “Đức mẹ đồng trinh và con”. Bộ sưu tập hội họa Đức nổi bật nhất vẫn là “Bốn vị tông đồ” của Durer, với những nét vẽ sắc sảo lột tả bốn nét mặt khác nhau thật sống động. Hội họa Hà Lan và vùng Flemish ở bảo tàng này có được bộ sưu tập lớn nhất thế giới của Rubens, người đã “hoàn thiện sự pha trộn giữa truyền thống duy thực của hội họa Flemish với sự tự do tưởng tượng và đề tài cổ điển của hội họa Phục hưng Ý”. Tôi thích sự trong trẻo và thánh thiện của bức “Đức mẹ và con trong vòng hoa”, với những thiên thần tóc xoắn bụ bẫm đáng yêu vờn xung quanh, hơn những bức khác mô tả cuộc chiến đẫm máu hay chúa Giê-su trên thánh giá của ông.

Ngoài ra không thể không kể đến những kiệt tác của các danh họa lỗi lạc khác như Rembrandt, Altdorfer, Boucher, Tizian, Murillo... Chỉ có điều hội họa cổ đại Châu Âu có không ít bức ảnh miêu tả người tự tử, bị treo cổ, bị đóng đinh... y như thật làm tôi sợ toát mồ hôi, tay chân run lẩy bẩy. Từ viện bảo tàng bước ra đường phố, đầu tôi choáng váng, mắt hoa lên, những cảm xúc đan xen lẫn lộn làm tôi

ngơ ngẩn đến hàng giờ sau.

Nhưng những vườn bia nhộn nhịp ven đường với dân địa phương lười biếng ngồi nhấm nháp những ly bia lớn cỡ một lít từ những thùng bia tươi bằng gỗ nâu làm tôi trở về lại với Munich sống động và vui nhộn của hôm nay. Munich là tâm điểm của lễ hội bia Oktoberfest lớn nhất thế giới với bia chảy như suối, được tổ chức vào tháng 9 và tháng 10 hàng năm. Song không cần Oktoberfest, quanh năm suốt tháng bia vẫn là “quốc hồn quốc túy” của xứ sở này. Ngày xưa, không biết làm cách nào giữ bia lạnh trong mùa hè, thợ cắt bia Munich đặt những thùng gỗ đựng bia mới ủ xuống hầm và trồng những cây dẻ lên trên, để những cành vươn dài xum xuê lá của cây dẻ tạo thành bóng râm mát giữ bia lúc nào cũng mát lạnh ngon lành. Ngày nay, tập tục đó đã giúp hình thành những vườn bia rất lớn, thường chứa được vài ngàn chỗ ngồi dưới bóng những cây dẻ xanh um. Ly bia ở Munich không dành cho người yếu tim, ly nhỏ nhất cũng đựng được cả lít và bạn đừng ngạc nhiên khi thấy dân địa phương uống mỗi người vài lít bia trong một buổi tối, đó chỉ là chuyện “thường ngày ở huyện”. Thường những vườn bia “chân chính” lúc nào cũng để trên bàn một rổ mây đựng đầy có ngọn bánh mì mới ra lò, dưa leo, xúc xích, thịt xông khói và những món truyền thống như phô mai Obatzda. Trang web chính thức của thành phố muenchen.de gọi những vườn bia là “nơi trú ngụ của lối sống Bavaria với sự thư giãn bất chấp cuộc sống hiện đại xô bồ và náo nhiệt”.

Nổi tiếng nhất trong những vườn bia vẫn là Hofbrauhaus, nơi bạn có thể nhận biết được từ xa nhờ những tiếng “Prost” (tương tự như “dzô dzô” trong tiếng Việt) ồn ào của dân nhậu tứ xứ và tiếng nhạc oompah đặc trưng vùng Bavaria của những ban nhạc địa phương mặc quần da có dây đeo Lederhosen. Tòa nhà xưa đắm mình trong ánh nắng vàng như mật; những vại bia vàng óng mát lạnh sủi bọt trắng phau; những cô gái phục vụ mặc áo đầm truyền thống tay phồng bằng vải thô, tay cầm khay đựng những chiếc pretzel- bánh nướng xoắn hình nút dây thừng to “vật vĩa” đặc sản Munich; logo chữ HB lồng vào nhau bên dưới vương miện; những chiếc bàn nhỏ trải khăn sọc caro đỏ trắng kê dưới tán cây dẻ... là những hình ảnh đặc trưng của vườn bia lớn nhất thế giới có mặt từ năm 1592 này. Tôi muốn vào Hofbrauhaus cho biết nhưng uống bia một mình kẻ cũng hơi buồn nên đành hẹn dịp khác, rảo bước đến chợ Virtualienmarkt mua xuất chiều từ một quầy nhỏ hẹp có rất nhiều người địa phương đứng xếp hàng chờ. Tôi bắt chước người trước

mặt, mua một miếng thịt heo quay lớn bằng nửa bàn tay, da giòn tan óng ánh vàng ngậy nhưng không ngán, kẹp trong bánh mì mềm, vừa ăn vừa rảo bước quanh khu chợ nổi tiếng Châu Âu với mùi thức ăn thơm lừng khắp nơi. Đi bộ nhiều đói bụng, tôi ra một trong những cửa hiệu quanh chợ bán thức ăn tươi ở nhà mới làm, mua thêm một phần xúc xích nướng ăn với sauerkraut- món bắp cải trắng bào sợi muối chua nấu với rượu vang đỏ, lá nguyệt quế và nước cốt quả bách xù đặc trưng Đức, đặc trưng đến nỗi “kraut” là tiếng lóng dân Anh vẫn châm chọc gọi dân Đức (cũng như người Pháp bị gọi là “frog” vì Pháp là nước Châu Âu duy nhất ăn thịt ếch vậy).

Ngày cuối cùng ở Munich, tôi lại ra Marienplatz, lần này với ba người bạn mới quen ở chung nhà nghỉ với tôi. Quảng trường buổi tối đã thưa người, chúng tôi dừng lại đài phun nước Fischbrunnen phía tay phải Neues Rathaus, phía trên có chú cá tròn trĩnh bằng đá và quanh bệ là tượng những người thời xưa đang nghiêng xô có dòng nước trong vắt chảy róc rách xuống hồ nước màu xanh ngọc lục bảo emerald. Xưa ở đây là chợ cá nên vòi phun nước này được xây để gợi nhớ những ngày đó, khi người bán thả cá xuống cho bơi lội trước khi bán để giữ cá luôn tươi. Cô gái người Phần Lan đi cùng bảo:

“Trong sách nói Fishbrunnen này thiêng lắm nha, nếu nhúng ví xuống nước, ví của bạn sẽ luôn đầy tiền” làm chúng tôi, kể cả anh chàng người Đức ở vùng khác mới đến Munich lần đầu, hí hửng lấy hết giấy tờ tiền bạc ra khỏi ví, nhúng ngay ví rỗng xuống nước. Cô cười ha hả: “Nếu tin điều đó, ví của bạn bị ướt cũng đáng đời” làm cả đám tiu nghỉu. Sau tôi mới khám phá ra cô học được “chiêu” này từ sách du lịch Lonely Planet.

Những ngôi nhà mái màu cam nhấp nhô đẹp như cổ tích đã dần tắt đèn. Khi đi bộ về lại nhà nghỉ trong những cơn gió Bavaria hiu hiu cuối ngày, người còn lâng lâng vì ly bia tươi mới uống, tôi quyết định sẽ trở lại Munich vào dịp Oktoberfest, không chỉ để áp dụng “chiêu” nhúng ví xuống nước với những bạn đồng hành mà còn để có dịp nhìn cả thế giới uống bia với sauerkraut chua chua và xúc xích trắng Weisswurst vừa mềm vừa giòn, trong những vườn bia trải khăn trắng vẽ những hình thoi xanh da trời dưới bóng cây dẻ râm mát. Để có dịp xem những Philipp Lahm, Oliver Kahn, Bastian Schweinsteiger, Lukas Podolski... thi đấu cho đội bóng con cưng Bayern Munich. Để có dịp ngắm những mái nhà cổ tích êm đềm ở quảng trường Marienplatz, nhấm nháp Black Forest cake- bánh sôcôla có phủ trái dâu chín mọng và kem tươi béo ngậy đặc trưng

Munich- trong những quán cà phê đông đúc ở khu phố cổ...
Và còn những điều mới mẻ nào nữa sẽ chờ tôi ở thủ phủ xứ Bavaria?

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Sông nước Amsterdam

Tôi đến Hà Lan phần nào mỗi một hơn sau một tuần rong ruổi ở Ý và Bỉ. Hôm đầu tiên đến, anh bạn thân người Anh Alastair và tôi phần nào bị shock vì Amsterdam hoang dại quá. Tưởng chừng như tất cả những hippie râu dài, quần áo xộc xệch trên khắp thế giới đều hội tụ về đây.

Gần như ở mỗi khu phố đều có người đến chào bán cocaine, những câu lạc bộ cho dân “gay” nhan nhản khắp nơi và đường phố đầy những khách du lịch ngoại hình “bất hảo. Tuy nhiên, chỉ sau một ngày, tôi nhận ra nếu tránh xa khu phố đèn đỏ, Amsterdam vẫn thật đẹp, thật thơ với những khoảng xanh, những góc phố tĩnh lặng, và đáng yêu nhất vẫn là những sông nước êm đềm với những cây cầu hẹp và những con thuyền rẽ nước bơi.

Ngược dòng lịch sử, cái tên Amsterdam bắt nguồn từ cộng đồng ngư dân tên Aemstelredamme, nghĩa là con đập chắn dòng sông Amstel, có từ thế kỉ 13 ở Hà Lan. Amsterdam phát triển hàng hải rất nhanh và đến cuối thế kỉ 15 đã thống trị giao thương vùng biển Baltic, chỉ đến hai thế kỉ sau mới nhường chỗ cho Pháp và Anh vì không đủ nguồn lực. Amsterdam vẫn còn những cảng biển Hoorn hay Enkhuizen nhận nhíp tàu bè, nhưng dòng sông Amstel thanh bình xanh ngắt với những hàng cây rợp bóng ngày nay phục vụ du lịch nhiều hơn hàng hải.

Hà Lan là nước duy nhất nằm dưới mực nước biển nên cả đất nước đều rất bằng phẳng, không có đồi núi trùng điệp như những nước láng giềng châu Âu khác. Amsterdam như nằm trên một vòng tròn, hiếm đường phố nào hoàn toàn là một đường thẳng, xe điện đi trên phố phải qua rất nhiều khúc ngoặt, ai không quen rất dễ say xe. Ngày thứ 2 ở đây, tôi thích thú khi nhìn những bảng chỉ đường thấy rẽ trái hay rẽ phải cũng đều có thể đến cùng một điểm: Nhà ga trung tâm chẳng hạn. Quả thật ngộ.

Và một đặc điểm nữa của thủ đô này mà ai cũng dễ dàng nhận thấy:

ở Amsterdam đâu cũng gặp kênh đào và sông nước trong trẻo nên thơ. Không gì bằng thong thả đi bộ dọc theo những quán cà phê vỉa hè Amsterdam hai bên bờ kênh với những ánh nắng lọc qua tán cây rơi lốm đốm xuống đường, những chiếc xe đạp lười biếng dựa trên thanh sắt cầu ngủ trưa chờ chủ. Khi Alastair và tôi đi trên xe điện từ ga Amstel về chợ hoa, tình cờ nhìn thấy ngoài cửa xe cây cầu rộng bắc qua con sông dài được những tia nắng hoàng hôn dát vàng lấp lánh. Chúng tôi vội vã xuống ngay bên tiếp theo để đi bộ ngược lại, ngắm nhìn mặt trời chậm rãi biến vào mây và thuyền gỗ xuôi ngược.

Một trong những điều thú vị nhất đối với du khách Amsterdam vẫn là được ngồi trên một trong những con tàu lớn từ từ rẽ nước. Từ đó đi ngang qua những ngôi nhà có đầu hồi đủ hình dạng độc đáo và những cây cầu thấp đến nỗi thật khó tin tàu có thể chui qua được. Những con kênh hẹp đến nỗi dễ làm cảm giác tàu sẽ đụng vào bờ khi quay đầu nhưng thuyền trưởng người “Hà Lan bay” vẫn rất khéo léo điều khiển tàu xuôi dòng thành phố.

Ngày cuối cùng ở Amsterdam, tôi gọi điện cho anh bạn người Hà Lan, Walter, đang sống ở Utrecht nhưng sinh ra ở Amsterdam và rất rành về thành phố này. Quả thật, người địa phương biết những góc nhìn đẹp mà khách du lịch không dễ nhận ra: anh dẫn hai đứa tôi đến quảng trường Nieuwmarkt (Chợ Mới), nơi tàu thuyền từng neo lại bốc dỡ hàng vào thời hoàng kim của hàng hải Hà Lan. Vùng phía Nam quảng trường trước đây hoàn toàn là nước, sau thế kỉ 16, chính phủ lấp một phần sông Amstel để tạo thành khu phố cho những người Do Thái từ Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha sang.

Mùa hè năm nay châu Âu rất nóng và Hà Lan cũng không ngoại lệ. Bốn tháng trước đây có cô bạn ở cùng phòng qua Amsterdam lúc nhiệt độ âm hai mươi độ C và tuyết rơi dày đặc nhưng những ngày này nắng vàng tràn ngập khắp nơi và nhiệt kế báo ba tám độ C, nóng như những ngày hè ở Sài Gòn. Chúng tôi đi bộ dọc theo Raamgracht, một trong những con kênh yên bình và đẹp nhất ở đây. Những ngôi nhà dưới bóng râm nở đầy hoa hồng thơm ngát, mở ra con đường Ververstraat hẹp với những kiến trúc xưa và nay hòa hợp cạnh nhau. Chỉ sau 10 phút vừa đi bộ vừa ngắm cảnh đã ra đến Jodenbreestraat, nơi chúng tôi tình cờ xem một buổi biểu diễn tập võ nghệ thuật Hà Lan rất hào hứng bên cầu. Phía tay trái cầu, rất dễ nhận ra một ngôi nhà thật đẹp hơi nghiêng 1 bên, dân địa phương

đang lười biếng vừa uống bia vừa sưởi nắng bên những chiếc bàn kê sát bờ kênh trong một buổi trưa chủ nhật rảnh rỗi.

Bên kia đường là ngôi nhà mà danh họa Rembrandt từng sống và làm việc. Cạnh đó là một ngôi nhà mang tên “kỉ niệm Hà Lan”, nơi du khách vào xem một cuốn phim tư liệu dài nửa giờ về những cối xay gió, hoa tulip và kênh đào với mong muốn tạo hiệu ứng như thật. Đến đoạn hoa tulip nở, nước hoa được xịt vào phòng tạo mùi thơm thoang thoang; lúc con đập bị vỡ trên màn hình, nhiệt độ trong phòng giảm xuống đột ngột và những tia nước bắn vào khán giả. Đó là những gì tôi đọc được trong sách và Walter bảo khách du lịch nào chỉ có vài tiếng đồng hồ ở Amsterdam nhưng muốn biết hết về Hà Lan mới vào đó, còn nếu có đủ thời gian thì tự mình khám phá cảnh thật vẫn hay hơn nhiều.

Dân Hà Lan vẫn truyền miệng câu nói tự phê: Rotterdam (trung tâm kinh tế với cảng biển và nhiều công ty lớn) làm ra tiền, The Hague (thành phố với trụ sở Chính Phủ Hà Lan và nhiều đại sứ quán) nghĩ ra cách dùng tiền vào việc gì, còn Amsterdam xài tiền. Thủ đô Hà Lan có những khu phố sáng đèn nhộn nhịp 24/24, những quán cà phê, nhà hàng mở cửa thâu đêm hầu hết chỉ dành cho những ai trên 18 hoặc 21 tuổi nên dân châu Âu mỗi lần nghĩ đến một địa điểm ăn chơi thỏa sức là nghĩ ngay đến Amsterdam.

Riêng mình, tôi nhớ đến Amsterdam với hình ảnh những người dân thân thiện và mến khách, sẵn sàng dừng lại chỉ đường khi thấy bạn có vẻ lơ ngơ dù bạn chưa kịp hỏi. Đặc biệt ai cũng nói tiếng Anh lưu loát khác hẳn những nước láng giềng kiêu hãnh như Pháp, Đức, Bỉ, Thụy Sĩ...; thêm nữa là hình ảnh những cô gái Hà Lan không mặc đồ miền quê quàng khăn đi vắt sữa mà xinh xắn trong áo thun 2 dây và váy cotton mùa hè, đạp xe qua những cây cầu làm ai cũng phải ngoái nhìn hoặc những anh chàng Hà Lan giống nhau, cao lớn, tóc vàng, mắt xanh và có khuôn mặt hơi ngồ ngồ như con nít rất dễ nhận ra so với người nước khác.

Và tôi cũng nhớ đến Amsterdam với sông nước êm đềm lặng lẽ chảy qua cầu từ bao thế kỉ trước, nay vẫn tiếp tục chảy níu chân tôi không muốn về...

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Ngàn năm Athens

Bạn bè tôi hay hỏi “Đi được những đâu rồi?”, và lắng nghe một cách hồ hững những nơi tôi liệt kê một hơi như được lập trình sẵn. Nhưng mười người như một, cứ đến khi tôi nhắc đến Hi Lạp, ai cũng mắt sáng rõ lên: “Mình cũng thích Hi Lạp lắm, ước gì được một lần đến Athens!”

Hóa ra nền văn minh cổ đại mấy nghìn năm nay có sức hút mãnh liệt gấp mấy lần những ánh sáng Paris, hội hè Amsterdam, sông nước lãng mạn Venice hay lễ hội bia quốc tế Munich!

Nhưng thành thật mà nói Athens không được “huy hoàng” như tưởng tượng của tôi khi vừa bước ra sân bay. Tôi đến Hi Lạp sau chuyến bay gần bốn giờ đồng hồ từ Thụy Điển – một lộ trình kì quặc vì hai nước nằm ở hai đầu châu Âu, có lẽ không du khách balô nào điên rồ lặn lội một hơi từ cái lạnh cắt da của vùng Scandinavia để đến với những cơn nắng như thiêu vùng Địa Trung Hải. Cảnh vật từ sân bay vào trung tâm thành phố còn đáng ngán ngẫm hơn bội phần: hai bên đường những ngôi nhà bê tông cốt thép vừa mới xây lẫn đang đang xây đều không có chút cá tính riêng nào. Gạch ngói ngồn ngang, đường phố bụi tung mù mịt, nóng bức bối, lại còn kẹt xe! Nhiều khách du lịch châu Âu khi trông thấy Athens đã lập tức “biến” ngay đến những đảo biển xanh nhà trắng êm đềm đẹp như postcard cách thủ đô Hi Lạp không xa, quả cũng có cái lí riêng của họ.

Những bảo tàng dưới chân du khách

Những du khách du lịch vội vàng ấy vì hấp tấp đã bỏ qua bao điều kì diệu mà ngoài không Athens đâu có được. Có thành phố nào trên khắp châu Âu mà thỉnh thoảng bạn lại bắt gặp ngay dưới chân một công trình lộng lẫy bằng đất và đá được xây dựng vài chục thế kỉ trước, được bảo tồn bằng cách phủ kính dày trong suốt lên để người đi đường sững sờ đứng lại chiêm ngưỡng? Và những công trình như vậy có nhiều đến độ dù muốn dù không, những người kế thừa nền văn minh ấy không thể bảo tồn trọn vẹn được hết mà phải khai quật lên đưa một phần vào viện bảo tàng.

Ở một ga xe điện, bên trong là cả một bảo tàng nhỏ của riêng nó với những vật trưng bày được tìm thấy khi người ta đào xuống để xây dựng ga. Những bình, chậu, chày cối, nữ trang... chạm khắc từ đất, đá, gốm, đồng, vàng... có thứ được làm từ cách đây năm, sáu ngàn năm, trong vẫn tinh xảo đến mức không thể tin được. Chỉ cần một điểm như thế này thôi cũng đủ là niềm tự hào của nhiều quốc gia khác, nhưng ở đây không ai buồn để ý! Thấy tôi ngơ ngẩn vừa đứng nhìn vừa trầm trồ, cô Gerlinde bảo: “Ngày mai mình đến bảo tàng khảo cổ quốc gia. Ở đó có hàng vạn tác phẩm như thế này, rất nhiều thứ còn xưa hơn nữa”. Cô Gerlinde là mẹ của bạn tôi, một trong số rất nhiều gia đình đến từ những ngược vùng núi Alps lạnh giá, chỉ một lần đến thăm Hi Lạp đã bị đất nước này níu chân, và đã xây những ngôi nhà trắng xinh đẹp kiểu nông dân trên hòn đảo cách thủ đô vài tiếng đi phà.

Kỳ vĩ Đá Thiêng

Chúng tôi lên thành phố Acropolis, còn được gọi là “Đá Thiêng” (Sacred Rock), để chiêm ngưỡng biểu tượng một thời vàng son của văn minh Hi Lạp. Để đến Acropolis nằm trên đồi cao – đúng như tên gọi bắt nguồn từ tiếng Hi Lạp acro – trên cao, polis – thành phố, chúng tôi băng qua khu phố Plaka thế kỉ 19 thật hội hè với những kệ bán hàng lưu niệm xinh xắn: bánh xà phòng từ dầu oliu nguyên chất được làm bằng tay, chuỗi hạt tròn vo bằng đá có vân hơi đục và lọ mật ong vàng óng ngọt ngào. Bên đường đầy những nhà hàng (taverna) có hoa giấy nở đỏ tường nhà cô quét vôi vàng nâu đặc trưng Địa Trung Hải, bàn trải khăn caro, với những khách du lịch da dẻ rám nắng vui vẻ nói cười.

Cách đây hơn 25 thế kỉ, sau chiến thắng ở cuộc đua marathon đầu tiên của nhân loại vào năm 490 trước Công Nguyên, người Athens đã đặt những tảng đá đầu tiên làm nền móng thành Acropolis để tôn thờ vị thần hộ mệnh của thành phố - nữ thần Athena Parthenos. Mười năm sau kì công này đã bị người Ba Tư phá hủy. Sau 30 năm tạm ngừng, Periscles bắt tay vào cho xây dựng lại công trình với qui mô hoành tráng gấp nhiều lần

Khi đứng trên đồi cao từ phía bên kia, trông về Acropolis sừng sững trong những cơn gió lồng lộng, sẽ khó tránh khỏi cảm giác ngâm ngùi khi nhìn Athens hiện đại lộ rõ bên dưới. Nhà cửa xây cất không theo trật tự và những mảng màu xám lẫn át cả khu phố cổ nâu vàng

có những cây ôliu xanh lúp xúp. Những tòa nhà chung cư bên ngoài đã xuống cấp, tàn tạ, quần áo phơi lung tung không khác những cuốn phim về thời bao cấp ở Việt Nam. (Sau đó tôi tình cờ đọc một bài báo gọi Athens là nơi có những công trình xưa vĩ đại sống sót giữa một biểnximăng). Tôi quay sang, nói đùa với Daniel đang ngồi bên cạnh: “Nếu người Hi Lạp cổ đại sống đây, chắc sẽ xấu hổ khi thấy những gì thế hệ sau đang làm quá!”. Nói xong, tôi tự nhiên thấy buồn buồn, tiếc cho một nền văn minh huy hoàng đã qua không được kế thừa.

3 ngôi đền nổi tiếng nhất của Acropolis được dựng lên cách đây mấy ngàn năm: Parthenon, Erechtheion và đền Nữ thần Nike. Trên đỉnh cao nhất sừng sững Parthenon bằng đá cẩm thạch với những hàng cột hơi cong, chỗ thuôn nhọn hai đầu, chỗ phồng lên, cố ý chệch hướng với những qui tắc toán học khắt khe để thổi hồn vào đá cứng. Những trụ gạch (Frieze) chạm khắc thật nhiều hình ảnh tinh xảo: hình những nữ thần Hi Lạp cổ đại, thân hình tuyệt mỹ, đầu đội những cổng vòm, hình những vị thần cưỡi ngựa sống động như đang diễn ra trước mắt... Đặc biệt hơn cả là bức trụ gạch dài hơn 150m, vẽ cuộc diễu hành của 400 người gồm cả người hầu gái, quan tòa, nhạc công và 200 con vật. Vào thời điểm tất cả những bức tượng đều đắp hình thần thánh, việc mô tả người bình thường là một bước đột phá của “Đá Thiêng”. Chỉ trừ hướng cảng, cả thành phố Athens được bao bọc xung quanh là núi. Gió thổi lùa qua những cột cẩm thạch hiu hắt, những tảng đá “xanh ngời liêu trai” từ vài ngàn năm trước xếp chồng rải rác quanh tôi.

Trên chuyến phà về lại đảo Evia, hoàng hôn buông xuống biển xanh nhuộm trời đất mây nước một màu vàng lộng lẫy. Phía bên kia là Athens, cái nôi của một nền văn minh cổ đại đỉnh cao, thành phố đã cho tôi những cảm xúc đan xen nhau: sững sờ, ngơ ngẩn, thất vọng, tự hào, kính phục, nuối tiếc, vui sướng, buồn bã. Tôi chỉ ở đó trong vòng 24 giờ mà cứ tưởng đã về lại ngàn năm.

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Leichtenstein: nhỏ bé và bình yên.

Tôi biết trên thế giới có một nước rất lạ là Leichtenstein khi học trung học. Điều làm tôi chú ý đến Liechtenstein là vì đội bóng đá nước này đá...dở quá, trận nào cũng thua te tua. Sau này tôi mới biết Leichtenstein chỉ có hơn 30.000 dân, diện tích 160km² và không ngờ mình lại có dịp đến thăm quốc gia nhỏ bé và xinh đẹp này.

Chuyến thăm Leichtenstein là một phần trong chương trình hội nghị giữa các nhà lãnh đạo kinh doanh (gồm chủ tịch và giám đốc điều hành những tập đoàn hàng đầu thế giới) và sinh viên khoa kinh doanh mà tôi may mắn được tham gia. Chiếc xe bus đưa chúng tôi đi từ thành phố St. Gallen của Thụy Sĩ qua dãy núi Alps tuyết phủ trắng xóa, hồ Constance với những ngôi nhà nhỏ mái nâu sậm. Dọc đường, cô bạn sinh viên đại học St. Gallen – tình nguyện viên đưa chúng tôi đi thăm Leichtenstein – kéo tay tôi chỉ: “Mayenfield, nơi được lấy làm bối cảnh cho ngôi làng của Heidi kìa!”. Tôi nhìn ra cửa xe, thấy rặng núi tuyết phủ và những con bò đeo chuông thông thả gặm cỏ, tượng tượng cách đây 150 năm cô bé mồ côi Heidi trong truyện của Johannes Spyri ngủ trên giường rơm trong vựa cỏ khô, nơi túp lều nhỏ nép trong lùm cây trên núi...

Tôi lơ mơ thiếp đi lúc nào không hay. Chợt anh bạn sinh viên người Canada ngồi cạnh lay vai tôi: “Dậy, Uyên ơi, tới Leichtenstein rồi kìa!”. Tôi liếc ra cửa: “Sao không thấy ai kiểm tra passport?”. Mấy bạn người Âu trong xe bật cười: “Leichtenstein không có cửa khẩu với Thụy Sĩ đâu, qua lại thoải mái, không cần giấy tờ gì hết”.

Xe đi ngang con kênh uốn khúc như dải lụa, tôi thốt lên: “Kênh này đẹp ghê!”. Cô bạn dãy kế bên cười: “Sông Rhine đó! Sông này chảy qua nhiều nước Tây Âu, rộng mênh mông khi qua Đức, nhưng tới đây chỉ còn nhỏ xíu vậy thôi”. Tôi nghĩ bụng, không biết người Leichtenstein có giận ông trời không vì cho họ một diện tích nhỏ xíu, đến con sông rộng nổi tiếng thế giới khi chảy qua nước mình cũng thành nhỏ xíu nốt. Chắc là không, vì những người dân địa phương rất hay cười, thậm chí khi thấy chúng tôi, họ còn vỗ tay

chào thân thiện.

Tôi nhận ra thủ đô Vaduz qua tòa lâu đài uy nghi của gia đình hoàng thân Hans Adam đệ nhị, được xây dựng từ thế kỉ 21. Hướng dẫn viên cho biết gia đình hoàng thân không bao giờ bị xuất hiện trên các tạp chí lá cải vì cuộc sống riêng tư của họ luôn được bảo mật tuyệt đối. Tuy nhiên, cả gia đình hoàng thân đều rất hòa đồng: Khi đi bộ hay lái xe trên một trong 11 ngôi làng ở đất nước nhỏ bé và bình yên này, rất có thể bạn gặp họ cũng đang đi bộ dọc đường phố, hay đang mua sắm như những người dân khác tại một cửa hiệu.

Xe dừng, trước mắt chúng tôi là vườn nhò trải dài ngút ngàn và một lâu đài cao tít trên núi. Mưa lâm thâm và trời se lạnh nhưng dường như chẳng ai để ý. Khung cảnh yên tĩnh bỗng chốc náo động bởi đám sinh viên chạy lăng xăng, gọi nhau ỷ ới để chụp hình và rủ nhau hái trộm nho xanh.

Điểm dừng kế tiếp là bảo tàng nghệ thuật ở thủ đô, một trong những niềm tự hào của người dân Liechtenstein. Ở đây có cả một bộ sưu tập những tác phẩm hội họa của đa dạng của Rembrandt, Beuys...Không rành lắm về nghệ thuật nhưng tôi cũng thật sự bị thu hút khi đứng trước những kiệt tác này. Nét độc đáo khác của bảo tàng là sự kết hợp trưng bày một cách khéo léo những kiệt tác cổ xưa và các tác phẩm nghệ thuật đương đại, gồm các tác phẩm điêu khắc, sắp đặt, tạo hình theo các chủ nghĩa duy lí, siêu thực và vị lai. Tôi đứng lại rất lâu trước một tác phẩm thuộc một trong những tác phẩm thuộc trường phái Arte Povera. Đó là tác phẩm “Spirale di Cera” của Maria Merz, nổi bật bởi những vòng xoắn ốc chiếm gần hết một gian phòng lớn. Tác phẩm muốn thể hiện ý tưởng về sự trải dài của thời gian, vượt ra khỏi khả năng tưởng tượng của con người và rằng trong thiên nhiên, vận động là biểu hiện của sự tồn tại.

Bảo tàng có cả một tiệm cà phê nhỏ bên trong và một shop bán quà lưu niệm phía sau, bán rất nhiều chocolate, rượu, postcard, bánh kẹo và những vật trang trí xinh xắn. Thấy tôi có ý định mua chocolate, cô bạn ở đại học St. Gallen cùng đi ngăn lại: “Đừng mua ở đây, mắc lắm, về Thụy Sĩ ghé Co-op mua rẻ hơn nhiều”.

Quả thật không chỉ chocolate mà phần lớn hàng hóa, dịch vụ ở đây ở đều đắt hơn ở Thụy Sĩ (Liechtenstein dùng đơn vị tiền tệ là đồng

franc Thụy Sĩ nên giá cả rất dễ so sánh). Thật đáng ngạc nhiên là đất nước nhỏ bé này rất tĩnh lặng với những ngôi làng trầm mặc, dường như không có bất cứ một hoạt động buôn bán sôi nổi nào, nhưng GDP bình quân đầu người lại lên đến 25.000 USD. Và chỉ hơn 33.000 dân nhưng những ngân hàng ở đây lại cất giữ đến hơn 70 tỉ USD. Liechtenstein là “nơi trú ngụ về thuế” (tax haven) vì mức thuế cao nhất chỉ tới 18% nên thu hút đầu tư rất lớn, đặc biệt từ hai người láng giềng Pháp và Đức, nơi thuế suất thường lên đến 50%. Gần đây, chừng giữa năm 2000 thì phải, nước này bị OECD cáo buộc là nơi rửa tiền của mafia Ý và các băng nhóm Nga, khiến hoàng thân phải giao toàn quyền điều tra cho Chánh ủy viên công tố người Áo Kurt Spitzer. Ông này đã bắt giữ thành viên thượng nghị viện Liechtenstein là Gabriel Maxer và bảy cộng sự, gồm cả em trai của Phó thủ tướng. Không biết sự việc này đã giải quyết đến đâu, nhưng nhìn cảnh vật làng mạc êm đềm ở đây khó có thể hình dung ra những điều phức tạp đến như vậy.

Đến văn phòng phục vụ du khách cạnh bảo tàng tem, tất cả chúng tôi đều thích thú trả 2 franc (khoảng 23.000 đồng) để được đóng dấu kỉ niệm tên Liechtenstein như một visa đặc biệt lên hộ chiếu. Dịch vụ được gọi là “Souvenir Stamp” này rất phổ biến đối với du khách đến Liechtenstein.

Chúng tôi lại lên xe tiếp tục tour vòng quanh những ngôi làng xinh xắn, rồi lại qua thung lũng sông Rhine xanh um (khúc sông chỗ này đã nở rộng hơn nhiều) với những cánh đồng hoa li ti màu trắng chen vàng, đồi núi trùng điệp tuyết phủ trắng xóa, những ngôi nhà nhỏ xây toàn bằng đá đẹp như tranh vẽ, có cây cầu gỗ bắc qua con suối trong vắt.

Ngoảnh mặt nhìn lại, thấy những con đường ngoằn ngoèo đưa xe lên núi thật ấn tượng. Bên dưới, khói từ ống khói của những ngôi nhà bằng đá uốn lượn bay lên, hòa trộn vào những đám mây và sương mù.

Chỉ trong nửa ngày, chúng tôi đã trở lại thủ đô Vaduz. Tất cả mọi người đều chờ đợi lúc này vì sẽ được đi một tour tham quan thủ đô trong vòng nửa tiếng trên citytrain – chiếc xe lửa sơn xanh đỏ có hình dáng ngộ nghĩnh như đồ chơi, chứa được khoảng 20 người. Gọi là xe lửa nhưng lại chạy trên đường nhựa, xinh xịch qua những ngôi

nhà xinh xắn bằng đá. Dọc đường, dân địa phương ngưng làm việc để ngược nhìn, cười và vẫy tay chào chúng tôi. Trên xe có lập trình sẵn giọng thuyết minh về Vaduz, hiện đại và lịch sử, ngân hàng và nông trại, làm mọi người hết sức thú vị vì biết thêm nhiều điều về đất nước nhỏ bé này.

Xe lửa dừng lại ở Triesenberg , nơi tôi cho là đẹp nhất Liechtenstein. Từ nơi tôi đứng, nhìn sang dãy núi Alvier và Gaushla dọc theo sông Rhine, làng mạc hiện ra đẹp như tranh vẽ với sương mù trắng lãng bên trên. Triesenberg nằm phía trên Vaduz. Đối diện thung lũng sông Rhine đẹp ngây ngất có nhà thờ bằng đá rất ấn tượng với mái vòm hình củ hành. Bên ngoài khuôn viên nhà thờ là nghĩa trang với những cụm hoa tươi đủ màu sắc nở trong không khí lạnh căm căm và mưa phùn buổi chiều cuối xuân. Cảnh vật không mang vẻ buồn bã, có lẽ nhờ những cụm hoa tươi trên mộ. Chuông nhà thờ thả vào không gian những tiếng trầm bổng, gọi nhớ.

Với tôi, lịch sử 7000 năm của đất nước này không thể biết được chỉ trong một thời gian ngắn như vậy. Nhưng một Liechtenstein nhỏ bé, thơ mộng, đầy đáng vẽ châu Âu từ xa xưa vẫn còn đọng mãi trong trí nhớ.

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Biết đâu Lloret De Mar

Lloret De Mar đón tôi bằng cái nắng chói chang như tấp vào mặt, cái nắng chỉ có ở những vùng biển Tây Ban Nha để làm chóng mặt những ai đến từ những nước phương Bắc xa xôi đầy mưa phùn. Đôi bạn trẻ khách du lịch người Đức dẫn tôi tìm đường đến nơi ở chừa cánh tay ra, bảo "Mới mấy ngày mà tụi này đã bị cháy da rồi đây, cẩn thận nhé nắng không chừa ai đâu".

Hành trình đến Lloret De Mar mệt hơn tất cả những chuyến đi trong đời. Bị lỡ chuyến bay ở sân bay London Stansted, tôi phải đóng thêm tiền và ngồi chờ mấy tiếng đồng hồ để bay một chuyến khác đến Reus - cách nơi tôi muốn đến gần ba trăm cây số. Vừa tiếc tiền, vừa mệt vì phải đổi tàu và xe buýt suốt một ngày trời, đến Lloret De Mar tôi không thiết tha gì ngắm cảnh mà nằm ngủ li bì.

Khi tôi thức dậy, thành phố trông cũng không khá hơn mấy. Trước khi tôi qua, mọi người báo trước "Đã đi du lịch biển ở đó thì không có gì "văn hoá" đâu nhé, chỉ toàn thấy khách du lịch người Anh và Đức nốc sangria suốt ngày thôi!" Vốn quen tản bộ trên những thành phố êm đềm với những ngôi nhà xưa hoa nở trên bệ cửa sổ, tôi choáng ngay trên đường ra bờ biển Lloret De Mar, với những con đường hẹp ồn ào đầy những cửa hàng bán đồ lưu niệm và quần áo rẻ tiền khắp nơi. Bờ biển nắng chói chang, chật chội với những cây dù đủ màu sắc sỡ và khách du lịch nằm sắp lớp phơi nắng. Tôi thở dài, đeo kính đen tránh ánh nắng chiếu thẳng vào mặt rồi lôi cuốn sách đem từ nhà sang nằm trên cát đọc.

Lloret De Mar nằm phí Nam Costa Brava (có nghĩ là "Bờ biển gồ ghề" trong tiếng địa phương), cùng với Costa Blanca và Costa del Sol là ba vùng biển thu hút nhiều du khách Châu Âu nhất Tây Ban Nha. Trải dài từ Blanes đến biên giới nước Pháp, Costa Brava vốn nổi tiếng với những mỏm đá cao cắt, núi non cây cối xanh um, bờ biển trải dài nước trong xanh như lọc. Nhưng từ khi phát triển du lịch, Những toà nhà xấu xí đua nhau mọc lên, du khách kéo đến đông như kiến, vùng biển cũng mất đi nét nguyên sơ ngày trước. Tôi ngao ngán bảo Daniel cũng đang chán nản ngồi bên cạnh nhìn khách du lịch ồn ào xung quanh "Có những nơi mình đi nhưng biết chắc chắn sẽ có ngày trở lại: Paris hay Vienna chẳng hạn. Cũng vậy nhưng

nơi mình đi nhưng biết chắc chắn sẽ không bao giờ quay lại lần nữa..." Tôi bỏ dở câu nói, nhưng anh hiểu ý ngay, gạt đầu đồng tình. Nhưng đến khi nắng bắt đầu tàn và mọi người xếp khăn tắm, cuốn dù rải rác ra về, bờ biển tĩnh lặng hơn và cũng đáng yêu hơn phần nào. Gió biển thổi hiu hiu mang theo vị mặn rất đặc trưng mà lâu lắm tôi không có dịp cảm nhận. Ánh nắng hoàng hôn lấp loáng rọi xuống mặt nước biển xanh và sâu thẳm sóng tung bọt trên những mỏm đá gần bờ cát. Chúng tôi tản bộ trên một con dốc bậc thềm lát đá phía tay phải bờ biển. Từ trên dốc đá, có thể nhìn thấy những con sóng buổi chiều lăn tăn bên dưới, cạnh những quả bóng màu vàng thả bập bênh trên biển đến tận bờ để thuyền bè biết đường cập bãi cát. Dưới nắng hoàng hôn, những ngôi nhà cao tầng mới xây trên con đường dọc bãi biển trông cũng dễ nhìn hơn ban sáng.

Phía bên kia đồi, cách khoảng mười lăm phút đi bộ là một quán cà phê cheo leo trên vách đá. Khách du lịch đang vừa uống nước vừa ngắm hoàng hôn buông xuống biển. Chúng tôi không đến đó mà xuống đồi, tiếp tục đi bộ trên bãi cát ướt mịn màng cho những con sóng mơn man trên bàn chân. Tôi sục chân xuống cát, nhớ những ngày về Nha Trang cũng cát vàng biển xanh thế này, thỉnh thoảng còn bắt gặp những con còng gió chân dài chạy lảng vảng trên bãi cát và những vỏ ốc trắng muốt sóng đánh dạt vào bờ. Ở đây tuyệt nhiên không thấy một vỏ ốc nào, có lẽ tất cả đã nằm trong những cửa hàng bán đồ lưu niệm, bán cho khách du lịch với giá cắt cổ 7 euro một túi (khoảng 140 000đ). Chỉ an ủi một điều tuy Lloret de Mar và biển Tây Ban Nha nói chung đông đúc ồn ào nhưng mọi người ý thức không xả rác nên khắp bãi biển vẫn sạch sẽ.

Ngày hôm sau, chúng tôi qua con dốc phía bên kia, không có bậc thềm mà thay bằng con đường lát đá quanh co phía trên biển, với một bên đại dương, một bên vách núi mọc đầy thông xanh. Cheo leo trên đồi là toà lâu đài qua mấy trăm năm nắng gió xứ Catalan còn đứng đó, in bóng lên nền trời xanh. Tôi đứng im lặng, tưởng tượng hàng mấy thế kỉ trước những gia đình hoàng gia cũng đứng nơi này, tự hào nhìn toà lâu đài kiêu hãnh được bao bọc bằng tường đá, với nắng hoàng hôn dát vàng và gió biển làm lao xao những cây thông xanh ngắt xung quanh. Thỉnh thoảng một trái thông rớt xuống thềm đá làm giật mình con chim hải âu đang đứng tự lự trên mỏm núi. Xung quanh chúng tôi trên con đường đá rất vắng người. Lúc đó, tôi nghiệm ra ắt hẳn Lloret de Mar trở thành địa điểm du lịch nổi tiếng nhờ toà lâu đài đẹp như trong truyện cổ tích này. Nhưng du khách đến đây 99% chỉ cắm dù trải khăn xuống cát tắm biển từ trưa tới

chiều. Tối thì vào những quán bar Bogeda nốc sangria như nước lã, xong vào discotheque đến rạng sáng mới về phòng, ngủ đến trưa rồi lại mang dù và khăn ra biển. Chẳng ai buồn leo dốc lên thăm mỏm đá chênh vênh và toà lâu đài bị bỏ quên. Những ai khi trước vốn yêu toà lâu đài và hoàng hôn êm đềm trên con đường đá thì từ lâu đã bỏ phố biển xứ Catalan ồn ào náo nhiệt này để đến những nơi khác thanh bình hơn. Vì vậy chúng tôi một mình hít căng hơi gió biển hè mát rượi, nhìn con thuyền buồm xa xa và cảnh thông vắt ngang đư đưa trong nắng chiều.

Những ngày ở phố biển qua nhanh, buổi sáng khi xách hành lý ra bến xe buýt, tự nhiên tôi hơi buồn, cái buồn khi quay lưng lại một nơi mình biết sẽ không bao giờ trở lại lần nữa. Biết đâu một ngày nào đó Lloret de Mar sửa sang lại những ngôi nhà bê tông xây cầu thả, khách du lịch đến đây bớt uống sangria thâu đêm, bãi biển vắng bớt người. Biết đâu những cửa hàng bán quần áo và đồ bơi rẻ tiền nhốn nháo dọc đường được thay bằng những quán ăn thanh bình có hoa tươi trên đầu, và toà lâu đài vẫn còn đó, nơi đại dương vẫn vỗ những cơn sóng bất tận vào bờ... Nhưng tất cả những điều "biết đâu" ấy sẽ không bao giờ thành sự thật nên tôi kéo tay Daniel bước lên xe buýt. Chỉ hơn một tiếng đồng hồ nữa, chúng tôi sẽ đến Barcelona...

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Lịch lãm Stockholm

Khi tôi và Alastair, anh bạn người Anh cùng khu nhà, quyết định đi Stockholm, cô gái Đan Mạch cũng ở chung với chúng tôi tròn mắt "Sao Paris, Rome... không đi lại đi Thụy Điển?". Sau này tôi mới hiểu được cảm xúc của cô cũng giống như của tôi khi hững hờ bạn nước khác khoe: "Mình sắp đi Bangkok chơi nhé!", tôi cũng ngạc nhiên "Sao Trung Quốc, Ấn Độ... không đi, lại đi Thái Lan?". Một sự ghen tị ngấm ngầm mà những người láng giềng hay dành cho nhau chẳng? Đan Mạch và Thụy Điển đều là những nước Nordic, với ngôn ngữ, kiến trúc và văn hoá đặc trưng Bắc Âu, giản dị và thanh lịch với những ngôi nhà xưa xinh xắn bên hồ và những người dân tóc vàng mắt xanh hiếu khách.

Vốn thích phố cổ với những con đường nhỏ nhắn lát đá cuội và nhà xưa muôn màu nên ngay ngày đầu tiên, tôi quyết định đến thẳng Gamla Stan. Khu phố cổ được bảo tồn gần như nguyên vẹn từ thế kỷ 13 vì Stockholm may mắn thoát khỏi những tàn phá của hai cuộc chiến tranh thế giới. Trên đường từ khu Bondegatan, nơi chúng tôi ở với một gia đình người địa phương trong khu chung cư với nội thất trang trí y như vừa bước ra từ cuốn catalogue của IKEA, thành phố quả là một ví dụ rõ nét của sự kết hợp giữa Swedish grace và minimalism.

Swedish grace (tạm dịch: Sự duyên dáng kiểu Thụy Điển) là cụm từ được biên tập viên tờ Kiến TRúc của Anh Architectural Review đặt ra vào đầu thế kỷ 20, thời hoàng kim của kiến trúc đất nước lớn nhất vùng Scandinavia này. Ngày nay, Swedish grace vẫn là nguồn cảm hứng cho kiến trúc và design của Thụy Điển được cả thế giới ngưỡng mộ. Nhấn mạnh vào chi tiết, các kiến trúc sư địa phương đã cộng tác với những nghệ nhân gỗ, thủy tinh, kim loại... để tạo ra những chiếc cổng, cửa ra vào tinh tế, những tay vịn cầu thang, mái vòm, đầu hồi... duyên dáng và tao nhã. Về sau, kiến trúc và nội thất hiện đại Thụy Điển đổi thành minimalism (trường phái cực thiểu), với phong cách giản dị nhưng sang trọng, dùng nhiều gam màu lạnh và "đằm" rất Bắc Âu. Một người địa phương tôi đọc được trên Internet cho biết "Có một từ trong tiếng Thụy Điển: lagom, nghĩa là "vừa đủ", không quá nhiều cũng không quá ít. Đó là cả một triết lý

sống của Thụy Điển, không chỉ áp dụng trong kiến trúc mà còn cả ẩm thực, quần áo... Bạn không muốn nổi bật, nhưng bạn muốn có tất cả những gì bạn cần".

Nhưng dù đó là Swedish grace hay minimalism, giản dị, lịch lãm và xinh đẹp vẫn là những cảm nhận của tôi về thành phố được xây trên 14 hòn đảo này. Stockholm được tạo thành từ ba phần bằng nhau: một phần nước, một phần công viên và một phần đô thị. Nước ở Stockholm rất sạch và xanh biếc, in bóng những thuyền đi biển đồ sộ, những ngôi nhà vuông vức nhỏ nhắn và lá vàng lá đỏ của mùa thu Scandinavia. Vì hệ thống kênh rạch và đảo nhỏ nhiều nên Stockholm thương được ví như Venice của phương Bắc. Tôi rất tâm đắc câu nói khá "sung sả" của một nhà báo người Thụy Điển đang sống ở Mỹ trong một bài viết trên tờ New York Times về những ưu việt của quê hương mình so với thành phố nước Ý. Đại loại "tại sao lại ví Stockholm như Venice của phương Bắc, đáng nhẽ phải gọi Venice là Stockholm của phương Nam mới đúng chứ". Khách quan mà nói, đối với tôi Venice lãng mạn, nhiều màu sắc, yêu kiều, dễ làm người ta say mê hơn..., nhưng Stockholm làm tôi thấy dễ chịu hơn, tránh được "lực lượng" du khách đông nườm nượp, lại hiểu thêm được nhiều về sinh hoạt người dân địa phương, thành phố lại đẹp theo kiểu rất trầm. Tôi tự ví Venice như một cô tiểu thư yếu điệu thời Phục Hưng với đầm dài lướt thướt đính hoa phớt hồng, còn Stockholm như một nữ doanh nhân trẻ không kiêu cách nhưng sang trọng, xinh đẹp trong bộ váy ngắn cắt khéo.

Để đến khu phố cổ, chúng tôi đi ngang Grand Hotel. Từ khi giải Nobel ra đời, đây là nơi dành riêng cho những học giả được giải đến dự lễ tại Stockholm hằng năm. Dù không được giải Nobel, bạn cũng có thể ở một trong những phòng suite dành riêng cho những học giả lỗi lạc ấy (dĩ nhiên phải trừ dịp trao giải rồi) nếu bỏ ra số tiền tương đương 23 triệu đồng một đêm. Cũng không đến nỗi quá đắt so với vật giá "trên trời" của Bắc Âu, vì khách sạn năm sao này nằm ở vị trí tuyệt vời. Từ phòng ngủ có thể nhìn thấy bến cảng với những con thuyền neo đậu, phía xa xa là Kungliga Slottet, cung điện hoàng gia đồ sộ với kiểu kiến trúc Baroque lịch lãm và quý phái.

Khi chúng tôi đến Gamla Stan, trời đã ngã về chiều và những cơn gió hiu hiu đã làm người đi đường phải khép lại áo khoác. Chúng tôi ngồi nghỉ chân trên băng ghế gỗ sơn đen kê dọc quảng trường Stortorget, từng có trong một bức ảnh nổi tiếng của ban nhạc nhười địa phương ABBA, làm tôi tự nhiên nhớ đến những bài hát vang bóng khi mới tập tành nghe nhạc tiếng Anh, những "Ghimme",

"Happy new year", "Dancing queen"... của một thời. Nắng hoàng hôn của mặt trời phương Bắc nhuộm vàng óng những ngôi nhà vài trăm năm tuổi với ô cửa sổ vuông vắn xinh đẹp. Mấy giỏ hoa đỏ tươi cạnh ghế ngồi của chúng tôi vừa được tưới xong, nước nhỏ long tong từ cánh hoa xuống đất.

Giống như mọi khu phố cổ ở những thành phố lớn, Gamla Stan cũng có rất nhiều shop cho du khách, nhưng đồ lưu niệm ở đây tinh tế, bớt xô bồ hơn và vì thế cũng đắt tiền hơn. Trong những shop nhỏ xinh xắn được sắp xếp rất thâm mỹ, tôi say mê nhìn những đồ trang trí được bện bằng rơm vàng óng. Búp bê len toét miệng cười và những con tuần lộc bằng gỗ được đeo gót rất công phu, khác hẳn với những đồ lưu niệm made in China rất "chụp giật" ở những khu phố du lịch Châu Âu khác. Đường phố ở đây rất hẹp, chỉ dành cho người đi bộ, lao xao tiếng nói cười. Phố cổ được phối màu hài hoà, đặc biệt khi bạn băng qua hết shop lưu niệm đến phía nam khu phố, tĩnh lặng và ngái ngủ với những căn nhà màu hồng và vàng nhạt có mái đầu hồi uốn lượn, nghiêng nghiêng trong những giọt nắng sắp tắt hẳn.

Kỉ niệm vui nhất của tôi ở Stockholm vẫn là ở cửa hàng bán thức ăn Thổ Nhĩ Kỳ doner kebab gần khu chúng tôi ở. Hôm đó là lần thứ hai chúng tôi ăn ở đây vì món ăn ngon, giá cả cũng tương đối chấp nhận được. Khi hai đứa đang ngồi say sưa gặm bánh kabab nóng hôi hổi kẹp thịt bê nướng thơm ngon "nhức răng" và rau trộn chua chua giòn giòn, tôi muốn ăn thêm một chiếc bánh nữa giá 60 kronor (*) nhưng vì muốn tiết kiệm để dành tiền đi chơi nên quyết định sẽ mua 30 kronor tiền thịt bê không thôi. Cũng cần phải nói thêm ở những hàng ăn châu Âu kiểu này ít khi có "vụ" bán thức ăn thêm như ở Việt Nam, muốn ăn thêm bạn phải mua nguyên phần. Alastair một mực "mua thịt không kiểu đó ai mà bán, hỏi làm gì cho mất công không biết nữa", nhưng tôi vẫn nhất quyết đứng lên đi về phía quầy.

Hai anh chàng đứng sau quầy ban đầu có vẻ ngạc nhiên khi nghe tôi hỏi, nhưng vẫn vui vẻ lấy dao xắt thịt từ một tảng thịt nướng lớn treo trên vách tường. Tôi bắt đầu lo lắng khi thấy các anh xắt thịt hơi quá tay, hình như nghe lộn tôi muốn 300 kronor thì phải. Dĩa thịt hai anh xắt ra nhiều gấp mấy lần thịt kẹp trong bánh. Một anh còn gấp thật nhiều rau trộn và ớt ngâm dấm vì biết tôi thích ăn cay từ những lần mua bánh trước. Đến lúc trả tiền, tôi rụt rè đưa tờ 50 kronor ra, tưởng tượng hai anh sẽ ngạc nhiên: "Ủa, sao nói mua 300 kronor tiền thịt mà đưa có bấy nhiêu thôi?", vậy mà họ lại xua tay không lấy tiền và cười vui vẻ.

Tôi hỏi lại lần nữa cho chắc, một anh cười bảo: "Tặng cô đó". Tôi cảm ơn rồi hí hửng mang "chiến lợi phẩm" lại bàn. Alastair tròn mắt: "Trời, họ bán thêm thịt thiệt đó hả?". Tôi đắc thắng: "Không bán mà tặng luôn". Ông bạn thấy vậy bắt chước mang bánh lại hỏi mua thêm 30 kronor tiền thịt thêm, nhưng chỉ một phút sau đã quay lại, ỉu xiu: "Họ nói không bán thịt thêm" làm tôi ôm bụng cười khùng khục. Khi chúng tôi rời hàng ăn, anh còn căn nhắc: "Làm con trai ở châu Âu khổ quá đi, vài bữa nữa chắc mình phải qua... Hàn Quốc sống quá!". Trước khi sang Stockholm, Alastair có báo phải về trước tôi một ngày. Tôi biết anh chàng này "Giang hồ ta chỉ giang hồ vặt, nghe tiếng com sôi cũng nhớ nhà". Và lại sau Thụy Điển tôi còn cả tháng phiêu bạt châu Âu trước khi về Anh lại nên cũng thông cảm. Ngày cuối cùng của anh ở Stockholm, chúng tôi lên xe buýt đi một vòng thành phố. Khi xe đi ngang qua một trong số những cây cầu bắc qua hồ nước xanh phẳng lặng, không hẹn mà cả hai cùng giục: "Xuống xe nhé!" rồi dừng lại ở trạm gần nhất. Ban mai trong trẻo như một giọt sương, lá thu chưa đổi màu hết, đỏ ối chen lẫn xanh um xào xạc bên cầu. Phía xa, những con thuyền nằm vờn vai trên mặt nước trải dài tít tắp, thỉnh thoảng một chiếc rẽ nước bơi làm xao động mặt hồ trong chốc lát rồi tắt cả lại trở về trạng thái ban đầu. Ước gì được sống ở một trong những ngôi nhà xinh xắn như hộp diêm nằm sát mặt nước, có thể mở cửa sổ ra đón gió lồng lộng và ngắm bốn mùa qua như bóng cầu.

Hai ngày còn lại, tôi không ở ngôi nhà nội thất kiểu IKEA ở khu chung cư nữa mà chuyển đến gần Thuyền Đỏ (The Red Boat), ngay gần Gamla Stan. Giống như tên gọi, nhà nghỉ là một chiếc thuyền lớn sơn đỏ thắm, trước là thuyền đi biển thực thụ, sau về neo cạnh bờ làm nơi ở cho du khách trẻ. (Ở Stockholm còn có một nhà nghỉ trước đây là nhà tù, phòng ngủ là những... xà lim khi xưa, nhưng tính phiêu lưu của tôi cũng có giới hạn nên tôi quyết định không đặt phòng ở đó). Thuyền Đỏ được giữ lại những trang trí của thời tung hoành trên biển, với ván thuyền kê cốt kết dưới bước chân, đồng hồ hàng hải treo trên vách, vật dụng bằng gỗ nâu và những chiếc đèn dầu cũ kỹ toả ánh sáng vàng ấm áp. Thuyền được neo gần bờ, nơi hồ Malaren gặp biển Baltic và là nơi hoạt động của cướp biển Viking cách nay hơn ngàn năm. Từ khung cửa tròn nhỏ nơi giường tầng tôi nằm gần boong thuyền, có thể thấy những chiếc tàu lớn lừng lững lướt qua. Buổi tối, cảm giác bồng bênh nhẹ nhẹ trên mặt nước đưa tôi vào giấc ngủ sâu, mơ thấy mình đang đi dạo ở chợ ngoài trời Stockholm có những anh chàng bán trái cây và nấm tươi với tiếng

rao hàng "hej hej" vui nhộn.

Ngày cuối cùng, khi tôi đang chuẩn bị đồ đạc cho chuyến đi kế tiếp, tình cờ đưa mắt về khung cửa tròn nhỏ ấy, cảnh chiều buông làm tôi sững sờ. Ngay lập tức, tôi lấy máy ảnh chạy thật nhanh ra lan can thuyền như sợ nếu chậm chân khoảnh khắc ấy sẽ biến mất. Mặt nước xanh sóng gợn lăn tăn, vài tia nắng cuối ngày rớt xuống hắt bóng những ngôi nhà ven hồ với tháp chuông chon như truyện cổ tích xưa. Gió thổi lồng lộng hất vào mặt tôi, mang theo vị mặn măn của muối biển. Và tôi biết đây sẽ không phải lần cuối cùng tôi đến Stockholm, chắc chắn vậy!

Chú thích:

() Kronor, danh từ số nhiều của krona: Đơn vị tiền tệ Thụy Điển. 1 krona khoảng 2.400 đồng VN. Thụy Điển vẫn chưa gia nhập đồng tiền chung châu Âu.*

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Ngón tay mình còn thơm mùi oải hương...

Chuyến đi Thụy Sĩ lần thứ ba vào tháng 5-2006 cũng là chuyến đi châu Âu cuối cùng của tôi trước khi cuốn sách này ra đời. Tôi không màng đi dạo Bahnhofstrasse, hồ Zurich hay khu phố cổ như những lần trước mà nằm lăn quay ra ngủ không biết trời đất sau những giờ bay mệt nhọc.

Trong khi tôi ngủ li bì trong những cơn gió thảng năm tươi tắn và mát dịu thổi qua những tàn lá li ti xanh mượt nghiêng vào ban công phòng, Daniel tình nguyện dẫn Alastair đi dạo quanh Zurich. Alastair cũng vừa bay từ Anh sang để gặp tôi và cả ba chúng tôi ở chung căn phòng nhỏ xíu của Daniel trong một căn hộ sinh viên yên tĩnh. Vài tiếng đồng hồ sau, hai người về kêu tôi dậy ăn trưa với kebab (*) mới mua. Trong khi hai anh chàng bắt ghế ngồi ăn cạnh bên, tôi ngồi nguyên trên giường vừa nhai kabab vừa uống nước, giống như một bệnh nhân được hai người đi thăm bệnh mua đồ ăn cho. Ăn xong, Aly hào hứng khoe thành phố đẹp lắm rồi rủ tôi đi chung, nhưng tôi xua tay rồi nằm lăn quay ra ngủ tiếp.

Sau giấc ngủ dài, tôi theo hai "chiến hữu" đi bộ ra khu phố cổ gần nhà, một trong những nơi tôi thích nhất Zurich. Phố cổ Zurich là một điển hình của châu Âu tươi đẹp mà những ai có truyền hình cáp thường trầm trồ mỗi khi xem kênh Discovery Travel & Living, với những con đường lát đá cuội hẹp quanh co, hai bên là nhà cổ duyên dáng treo cờ Thụy Sĩ chữ thập trắng trên nền đỏ, bay lất phất trong cơn mưa phùn rây rây. Rất nhiều nhà ở đây được sơn những gam màu pastel - vàng, hồng nhạt, xanh da trời tươi tắn nhưng không sặc sỡ với nhiều ô cửa sổ be bé trồng hoa phong lữ. Mọi thứ ở đây đều hài hoà một cách khó tin, đến cả chiếc xe tải nhỏ chuyên giao thức ăn đang đậu cnahj hà hàng cũng được sơn vàng và vẽ những hình tròn đủ kích cỡ màu nâu làm ta liên tưởng đến phô mai Thụy Sĩ, không biết vô tình hay cố ý cũng thật hợp với những ngôi nhà ở đây. Những bức ximăng tròn làm ghế đặt giữa quảng trường luôn đông người ngồi trong cái nắng cuối xuân giòn ngọt, nghỉ chân sau khi mua sắm ở những cửa hàng nhỏ xíu kê những chiếc bàn đặt rổ mây đựng trái cây tươi hay những đồ trang trí cũng nhỏ xíu bên ngoài vỉa hè.

Lần nào đến đây, tôi cũng không khoit "A" lên khi gặp lại "cố nhân". Một chiếc bò bằng đá sơn màu xanh lơ nhạt có gương mặt rất sừng sĩa, cổ đeo chuông đồng đứng gác hai chân trước lên ban công thấp của nhà hàng Bép Thụy Sĩ (Swiss Chuchi). Sẵn đây, chữ Chuchi là một điển hình của việc tiếng Đức của người Thụy Sĩ (Swiss German) khác với tiếng Đức của người Đức đến mức nào. Để kiểm tra xem bạn có thật sự biết Swiss German hay không, dân địa phương thường đố bạn đọc được chữ Chuchichaschtli nghĩa là "tủ trong bếp" (trong khi tiếng Đức chính thống phải là Kuchekasten). Lần nào tôi cũng thành công và được người ở đây tròn mắt thán phục vì chữ "ch" ở đây được đọc bằng âm tương tự âm "kh" trong tiếng Việt không phải ai cũng đọc được. Ngoài chú bò làm tôi nhớ những cánh đồng xứ Alps xanh bạt ngàn nở hoa vàng hoa trắng li ti có những đàn bò đeo lục lạc gặm cỏ thật êm đềm, nhà hàng Bép Thụy Sĩ còn có một điểm ấn tượng nữa là bộ bàn ghế sơn đủ màu kê xen kẽ vào nhau thật vui mắt bên ngoài. Tên nhà hàng và logo có mình một nồi phô mai vàng ươm, khiến ai cũng liên tưởng ngay đến fondue, món lẩu truyền thống với rất nhiều phô mai từ vùng nói tiếng Pháp Neuchatel miền Tây Thụy Sĩ, nấu với trứng và bơ, thêm ít rượu anh đào và vang trắng. Người ăn ngồi quây quần bên nồi lẩu phô mai sôi lục bục, xiên bánh mì mềm vào que dài nhúng vào thứ nước đặc quánh béo ngậy ăn ngon lành.

Aly khều tôi: "Ê, sao Thụy Sĩ là nước trung lập mà nãy giờ thấy cảnh sát quá trời luôn? Lúc sáng ở nhà ga cũng vậy". Nhìn quanh thấy mấy anh chàng và cô nàng cảnh sát mặc đồng phục đang bước chậm chậm trong khu phố cổ, tôi ra vẻ kẻ cả (dù gì đây cũng là lần đến Zurich đầu tiên của Aly): "Nước trung lập đâu có nghĩa là không có cảnh sát? Thụy Sĩ không bao giờ có chiến tranh, nhưng quân đội họ rất mạnh. Không thấy con dao đa năng mình hau dùng được gọi là dao quân đội Thụy Sĩ (Swiss army knife) à?" - Daniel gật đầu xác nhận: "Đúng rồi, ở đây có một câu nói: "Thụy Sĩ không có quân đội, bản thân Thụy Sĩ là một quân đội". Nhìn mấy ngọn núi tuyết phủ kia bình yên vậy chứ toàn là pháo đài giấu trên đó, còn đồng cỏ bạt ngàn êm đềm cũng giấu bên dưới nhiều đường băng cho máy bay quân dụng mà mình không thấy thôi".

Binh lính của Thụy Sĩ được gọi là "chiến binh sôcôla" như trong một bài báo của một cô phóng viên sách du lịch Fodors. Một phần chocolate là đặc sản của đất nước xinh đẹp này, một phần do binh lính ở đây được huấn luyện nhưng không bao giờ có dịp chiến đấu. Ngay cả trong chiến tranh thế giới thứ hai khi cả châu Âu loạn lạc,

Thụy Sĩ không theo phe nào nhưng quân phát xít cũng như quân đồng minh không ai động đến lãnh thổ xứ Alps nhỏ bé diện tích chỉ bằng 1/8 Việt Nam. Tôi thích ví Thụy Sĩ như một con nhím, rất hiền lành không tấn công ai nhưng vẫn luôn sẵn sàng đáp trả nếu có ai tấn công mình.

Vừa đi vừa mãi suy nghĩ, tôi không nhận ra mình đã băng qua Schipfe, một trong những góc xưa nhất thành phố, đã có từ trước thời Trung cổ và từng là trung tâm ngành công nghiệp lụa Thụy Sĩ. Giữa một nơi hiện đại và tấp nập như Zurich, thật sảng khoái khi được dạo quanh góc phố mang đậm chất bohemiêng với những shop đồ thủ công xinh xắn và lãng mạn nghiêng bóng xuống dòng sông Limmat xanh màu ngọc lục bảo. Chúng tôi đi ngang mái vòm cầu, bước ra lại những con đường nhộn nhịp. Daniel cắt ngang nguồn suy nghĩ của tôi: "CÓ nhớ nhà hàng này không?". Làm sao không nhớ được khi cách đây chưa đầy hai năm tôi đã được tổ chức sinh nhật lần thứ 23 bất ngờ ở đây, một buổi tối cuối tháng 7 ấm áp và đầy sao. Đó là ngày cuối cùng khoá học quốc tế về môi trường và phát triển bền vững ở Braunwald, cả khoá lên Zurich ăn bữa tối chuẩn bị hôm sau ai về nước nấy. Tôi đang vừa ăn vừa buồn rầu nhìn thành phố lần cuối cùng thì giật nảy mình vì đội ngũ phục vụ bàn đang vừa hát một cách nồng nhiệt vừa bung bánh kem có cả nến ra đứng bên bàn tôi từ lúc nào. Lần duy nhất sinh nhật tôi có người phục vụ cầm bánh trong khay ra hát Happy birthday ấy là "tác phẩm" của Karin, cô gái người Zurich tóc xoăn tít có gương mặt vui vẻ trong ban tổ chức chương trình học của chúng tôi năm đó.

Hai ngọn tháp tròn của nhà thờ Grossmunter đã hiện ra trước mắt. Huyền thoại kể rằng Charlemagne cho xây nhà thờ này ngay tại nơi tìm thấy mộ của hai vị thánh tử vì đạo của thành phố. Tôi hào hứng rủ hai anh chàng trèo lên đỉnh tháp chơi ngắm toàn cảnh Zurich. Chỉ với hai franc mỗi người, bạn sẽ có được những phút giây thư giãn tuyệt đối trên đỉnh thành phố, nhìn hồ Zurich nước trong như lọc với những con thuyền thuyền dài rẽ nước bơi. Thành phố được quy hoạch tuyệt vời, với những mái nhà màu nâu xinh xắn như trong truyện cổ tích xen lẫn cây cối xanh um. Phía xa, rặng núi Alps quanh năm tuyết phủ trắng xóa nổi bật trên nền trời xanh biếc, nhấp nhô những ngôi nhà nhỏ trên thung lũng nhìn xuống bao la. Trông nhỏ nhắn, giản dị vậy thôi, chứ rất nhiều khả năng đó là ngôi nhà của các triệu phú qua Thụy Sĩ rửa tiền.

Nhắc đến chuyện xài tiền, tôi quên không tả cho bạn nghe con

đường Bahnhofstrasse hào nhoáng và xa hoa với những cửa hiệu thời trang sang trọng. Ở đó người ta thản nhiên bước vào rút thẻ tín dụng ra mua một chiếc đồng hồ Rolex trị giá vào trăm ngàn Swiss franc như ta đi mua một cây kem. Tiếng Anh có câu "Đường phố được lát bằng vàng" (The streets are paved with gold) với nghĩa bóng chỉ những nơi dễ kiếm ra tiền. Những ở đây, câu nói đó gần đúng nghĩa đen vì phía bên dưới con đường Bahnhofstrasse là những hầm vàng nặng trĩu vàng đúc, vàng thỏi, vàng lá... của hệ thống ngân hàng Thụy Sĩ. Vì vậy khi bước trên Bahnhofstrasse bạn xem như đang bước trên đồng vàng. Đất nước nhỏ bé này có trữ lượng vàng nhiều nhất thế giới, với ngành dịch vụ ngân hàng nổi tiếng khắp hành tinh. Gần như toàn bộ những ngân hàng lớn đều có mặt ở Zurich. Lấy ví dụ một ngân hàng UBS thôi (tôi nhắc đến UBS - United Bank of Switzerland - vì đây là một trong nhà tài trợ lớn nhất cho chương trình hội nghị tôi tham gia năm nay) đã có tài sản trị giá 600 tỉ đô la, bằng GDP của cả nước Thụy Sĩ. Lần đầu tiên đến đây, lòng tôi còn phời phới chẳng thèm để ý dưới chân mình là vàng, chỉ thích thú nhìn những cửa hàng bán hoa tươi rất có duyên trên con phố, say sưa ngắm những chậu hoa xứ lạnh lả lẫm đặt trên vỉa hè lốm đốm nắng lọc qua tàn lá xanh. Từ ngày ấy đến nay không biết có phải do mấy năm đi làm lo lắng cơm áo gạo tiền hay do đã quen nhìn hoa xứ lạnh, đến Zurich tôi không buồn nhìn những bông hoa tươi thắm nữa mà chăm chăm nhìn xuống dưới chân mình ao ước có được một phần số vàng bên dưới đó. Vậy ra thành phố không thay đổi chút nào, chỉ có tôi là thay đổi.

Mặc dù diện tích lớn nhất nước những Zurich vẫn chỉ là một thành phố nhỏ bé với mọi con đường gần như đều dẫn về hồ Zurich có những cây thích (maple trê) cao lớn tán tròn như được Mẹ Thiên nhiên cất tia cẩn thận, rợp bóng khoảng sân đá sạch như li như lau. Hôm ấy là một ngày nắng ấm, chúng tôi nghỉ chân, ăn xúc xích mới nướng thơm phức kẹp bánh mì giòn trên những bậc thềm ximăng cạnh hồ. Đàn thiên nga trắng muốt yêu điệu bơi xung quanh những chú vịt trời cổ xanh biếc rẽ nước lười biếng. Tôi bẻ một ít vụn bánh mì ném xuống nước, tức thì lũ thiên nga không còn duyên dáng điệu đà mà xô lại đớp bánh trông rất "phàm phu", không có vẻ gì là những cô hoa khôi hồ Zurich nữa.

Chiếc đồng hồ Thụy Sĩ to gấp mấy lần người thật trên thảm cỏ trồng hoa sặc sỡ bên hồ đã chỉ 3g chiều. Tôi ngồi bệt ra bãi cỏ êm mượt ven hồ nhìn ra phía xa xa, nơi vòi phun nước như dải lụa mềm mại rũ xuống hồ, thỉnh thoảng lại ánh lên bảy sắc cầu vồng. Tự nhiên tôi

nhớ lần đầu tiên ra thẳng hồ Zurich khi vừa đến sân bay. Lúc ấy mặt tôi ửng đỏ vì vừa bị lạc ở "ma trận" Charles De Gaulle ở Pháp, phải chờ chuyển sau hết mấy tiếng đồng hồ. Những đứa trẻ địa phương theo cô giáo ra đây chơi, vừa ăn kem vừa nhìn tôi, rụt rè nói "Hello, Hello" rồi cười khúc khích nấp sau lưng nhau. Những đứa trẻ ấy bây giờ chắc đã thành thiếu niên, có nhớ chúng đã làm cô gái châu Á một mồi đứng tựa lưng trên lan can hồ Zurich mỉm cười vì sự hồn nhiên đáng yêu của chúng?

Ngày cuối cùng của chúng tôi ở đây, Daniel phải đi làm nên chỉ có Aly và tôi lang thang ra khu phố cổ sáng sớm đầu tuần im vắng.

Chúng tôi dừng lại ở một shop nhỏ bán hoa, có một xô đầy hoa oải hương tím tím đặt bên ngoài, đứng ngắm rồi kê mũi vào hoa hít hà. Bà chủ đang lúi húi dọn hàng ra, ngừng tay cười và giải thích phải lấy tay xát nhẹ trên hoa rồi ngửi mới thấy thơm. Chúng tôi làm theo và thấy quả thật hoa tươi toả mùi hương nhẹ nhàng rất dễ chịu.

Tôi chia tay Zurich cũng thật nhẹ nhàng và dễ chịu. Lần đến đầu tiên cách đây đúng ba năm, thành phố đón tôi bên ngoài sân bay bằng tấm bảng quảng cáo to tướng "Trông bạn thật tuyệt, bạn mới bay hãng hàng không Thụy Sĩ đúng không?" (Yoi look great! Did you fly Swiss?) Tôi nhìn lại mình sau mười mấy tiếng đồng hồ bay "đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long lên sòng sọc" (2), nghĩ bụng lần sau nhất quyết phải bay hãng hàng không Thụy Sĩ cho bằng được, không bay hãng nào khác nữa. (Bạn thấy chưa, dân làm marketing như tôi cũng bị quảng cáo dụ như thường). Lần đi cuối cùng này, thành phố tạm biệt tôi bằng cơn mưa phùn lất phất khi chúng tôi tay xách nách mang băng qua những con đường xe điện ngang dọc rồi tạm biệt nhau ở nhà ga trung tâm.

Tôi ngồi chống cằm trên tàu, nhìn non xanh nước biếc Zurich lùi lại phía sau. Trước mắt tôi dần hiện ra những cánh đồng ngoại thành có đàn bò đen trắng đeo chuông leng keng nhìn con tàu xé gió lao vun vút. Tự nhiên nghe xung quanh thoang thoảng một mùi hương quen quen, theo phản xạ tôi đưa tay lên mũi. Thì ra từ sáng sớm đến chiều, ngón tay mình còn thơm mùi oải hương...

Chú thích:

(1) *kebab*: món ăn Thổ Nhĩ Kỳ gồm bánh mì kẹp thịt nướng và rau, rất phổ biến ở châu Âu.

(2) *Trích "Lão Hạc" của Nam Cao.*

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Paris ẩm thực

Có một câu nói vui truyền miệng của dân châu Âu: thế giới là thiên đường nếu tất cả cảnh sát là người Anh, đầu bếp là người Pháp, thợ máy là người Đức, người tình là người Ý và tất cả mọi thứ được sắp đặt bởi người Thụy Sĩ. Ngược lại, thế giới là địa ngục khi tất cả cảnh sát là người Đức, thợ máy là người Pháp, người tình là người Thụy Sĩ, đầu bếp là người Anh và tất cả mọi thứ được sắp xếp bởi người Ý.

Đang sống và học tập ở Anh, tuy không đến nỗi phải than vãn về những món ăn của các đầu bếp Ăng lê nhưng vốn có “tâm hồn ăn uống” và vốn đam mê thức ăn Pháp, nhân nghỉ lễ Phục sinh tôi làm một chuyến qua Paris ngay để ăn uống thỏa chí một tuần.

Văn hóa ẩm thực Việt Nam ảnh hưởng rất nhiều từ người Pháp, dễ thấy nhất qua thói quen uống cà phê (trong những tấm postcard Paris bán cho du khách trên đường phố, bên cạnh những tấm ảnh chụp tháp Eiffel, Khải Hoàn Môn, sông Seine ... có những tấm chỉ chụp những tách cà phê bốc khói nghi ngút. Dân Paris trước khi đi làm thường uống café express – cà phê đen có hoặc không có đường trong tách nhỏ, café au lait – cà phê pha thật nhiều sữa nóng uống trong những tách lớn, có khi to bằng chén ăn cơm, và café crème – thức uống đặc trưng Pháp với cà phê pha kem sủi bọt nâu thơm lừng. Trong khi người Anh ăn rất nhiều vào buổi sáng với thịt heo muối, trứng ốp la, xúc xích, bánh sandwich nướng ..., người Pháp ăn sáng nhẹ, thường là bánh mì baguette, giống y bánh mì VN nhưng nhỏ và dài, kẹp xà lách, thịt jambon và bơ. Khác với những gì ta thường nghĩ, dân Paris không ăn bánh sừng trâu (croissant) mỗi buổi sáng mà chỉ dành cho những ngày cuối tuần.

Buổi sáng trên hai đường phố Rue de Seine và Rue de Guci ở khu phố Latinh phía nam Paris vốn nổi tiếng với những hàng ăn rất ngon, hình ảnh đầu tiên đập vào mắt là hàng bánh mì lề đường mà tôi chưa thấy ở đâu ngoài Việt Nam. Người bán hàng thoăn thoắt xẻ bánh mì,

kẹp thịt, nhồi rau, nhưng thay vì có chút nước tương hoặc muối tiêu thì bánh mì thịt kiểu Pháp có sốt mayonaise béo ngậy. Khi phát hiện xe gà quay với hàng dãy gà béo núc, quay đều, thơm mỡ vàng ươm, tỏa mùi thơm phưng phức, tôi chọn mua bánh mì kẹp gà quay rồi cùng Daniel đi bộ đến vườn Luxembourg gần đó làm một buổi picnic nho nhỏ. Những miếng bánh giòn tan, đậm đà làm tôi nhớ quá Việt Nam.

Hôm sau tôi gọi điện cho Benjamin. Khi Ben còn vác balô du lịch Sài Gòn hồi năm ngoái, anh được tôi dẫn đi ăn phở tái nạm gầu gân ở quận 1. Ben làm một mạch hết tô phở to dùng rồi uống một hơi hết ly sinh tố xoài, khen hết lời “Ngon quá! Ngon quá!”. Để đáp lễ, Ben hẹn buổi tối sẽ dẫn chúng tôi tới một quán ăn Pháp chính gốc mà theo lời anh “khách du lịch không biết được đâu nhe”.

Quán ăn Ben dẫn chúng tôi đến mãi 12h khuya mới có bàn trống. Đó là nhà hàng nằm trên một góc phố nhỏ, chật hẹp với những bộ bàn ghế gỗ trải khăn nhục carô (lại một điểm giống Việt Nam nữa). Thực đơn viết bằng phấn trắng trên bảng đen cũ kỹ, treo trên những bức tường ám khói và không có bản tiếng Anh như khu khách du lịch dọc sông Seine. Tôi chọn món khoai tây chiên sơ trên trái những lát jambon cru – thịt heo không nấu chín mà xông khói đỏ au thơm lừng, béo ngậy và thơm mùi pho mát Pháp lẩn nấp tươi. Sau bữa ăn no căng bụng, tôi vẫn thêm món tráng miệng bánh gatô kiểu xứ Basque vàng ruộm, thơm mùi hạnh nhân.

Khi bánh xèo Việt Nam được biết đến nhiều trên thế giới, rất nhiều người cho là bánh xèo bắt nguồn từ crêpe. Bánh crêpe Pháp cũng làm bằng bột pha nước, tráng mỏng trên khuôn cho đến khi ngả vàng, kẹp nhân ngọt (đường, bơ, kem, bơ đậu phộng) hoặc nhân mặn (trứng, jambo, hải sản). Bánh crêpe nhân mặn ở Pháp thành thật mà nói không thể ngon bằng bánh xèo nhân tôm kẹp rau sống chấm nước mắm chua ngọt mẹ tôi làm.

Paris còn nổi tiếng về những món ăn từ hải sản tươi ở Brittany và Provence chở về. Chợ hải sản Paris là một bữa tiệc về hình ảnh, màu sắc, mùi vị của đủ chủng loại cá tươi, tôm hùm béo núc, cua lớn bằng hai bàn tay, sò điệp đỏ au, hào xù xì gai xám, mực nang trắng phau... Chúng tôi đến đây đúng tuần lễ ẩm thực sò, những quán ăn Paris đua nhau đưa sò làm món ăn trong ngày (plat du jour). Trong

khi hải sản ở Anh mắc như vàng theo đúng nghĩa đen thì một thố sò đầy ngồn ngộn trong một quán ăn gần nhà thờ Đức Bà giá chỉ 8 Euro (khoảng 160.000 đồng), rất rẻ so với vật giá châu Âu. Những con sò Địa Trung Hải tươi rói, đầy ắp thịt, được hấp rượu vang trắng, hành tây và rau mùi xắt nhuyễn, thơm lừng, nhấm nháp với rượu Bordeaux trắng thật đúng điệu.

Không chỉ ẩm thực Việt Nam chịu ảnh hưởng của Pháp, mà ngược lại ẩm thực Pháp cũng du nhập rất nhiều món ăn Việt. Sách du lịch Lonely Planet viết về Việt Nam nhiều nhất trong phần viết về ẩm thực nước ngoài ở Paris. Người Pháp đưa món chả giò và phở bò thực đơn nhiều nhà hàng truyền thống Pháp với cái tên *le nem* và *le pho*, cũng như người Anh lấy *cari Ấn Độ* làm một trong những món truyền thống Anh vậy. Còn món bánh tráng cuốn tôm luộc, bún tươi và rau thơm ăn kèm nước chấm tương tự những quán lề đường gần hồ Con Rùa trước đây cũng nằm trong những quán ăn sang trọng Paris với cái tên rất “kêu” *rouleux du printemps* (nem cuốn mùa xuân).

Đến lúc tạm biệt thủ đô Pháp, tôi đã thực sự tiếc nuối vì không đủ thời gian để nếm thử tất cả món ăn Pháp nổi tiếng thế giới như *foie gras*, *pâté du tete* (món *pate* rất giống giò thủ Việt Nam, pho mát *camembert* (rất nặng mùi nhưng khi đã ăn được rồi rất dễ nghiện như người Việt mê ăn sầu riêng vậy, súp hành mà một phóng viên người Mỹ từng so với phở Việt Nam, và tất nhiên, rượu vang Pháp đủ mùi vị chủng loại từng làm say đắm không biết bao nhiêu người. Đến Paris với hành lý nhẹ hẫng, tôi về lại Anh với một vali nặng trĩu những rượu vang, pho mát, bơ, jambong, xúc xích, hải sản đóng hộp, dầu ôliu nguyên chất, viên súp... làm quà cho bạn và cho mình.

Và trong khi gà gât ngủ chờ chuyến bay, tôi mơ thấy hai giáo sư ở trường đổi đề tài hai bài luận sắp đến hạn tôi phải nộp: không phải về nghiên cứu thị trường và quản lý nhân sự nữa mà về ẩm thực Paris!

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Này hoa Paris

Tôi về thủ đô nước Pháp khi châu Âu vừa tạm biệt mùa đông giá buốt tuyết rơi trắng xóa khắp nơi để bước vào những ngày đầu xuân mát mẻ mưa phùn lay rây. Những loài hoa tôi không biết tên nở phớt hồng trên những cây lớn trong công viên và bên những ngôi nhà cổ trong ngõ nhỏ im lìm.

Thủy tiên vàng muốt bung những cánh mịn màng trên thảm cỏ xanh rờn dọc đường đi như muốn níu chân khách bộ hành dừng bước, làm tôi nhớ đến câu thơ của Shakespears “Thủy tiên, về đây trước khi đàn chim nhận đám về, và làm đẹp những cơn gió tháng ba...”. Hoa păng-xê (pansies) mỏng manh nhẹ như cánh bướm rung rinh trên những kệ cửa sổ ngập nắng dọc đường. Vườn Luxembourg những ngày đầu xuân cũng rực rỡ sắc hoa bên lối vào hay bên những đài phun nước với đám trẻ con chạy giỡn, trong khi cha mẹ chúng ngồi trên ghế đá vừa trông chừng vừa ngắm hoa nở muôn màu.

Còn những gánh hàng hoa Paris? Ôi những gánh hàng hoa nhỏ xinh tràn ra cả phố, dọc bờ sông Seine nước xanh in bóng nền trời với những con thuyền chở du khách rẽ nước bơi. Hoa hồng đủ màu e ấp trong chậu, oải hương tím tím qua những lớp giấy gói thô kệch vẫn thơm dịu dàng, diên vĩ tươi mát suốt mùa đông đến đầu xuân xòe cánh tím thắm khoe nhụy vàng, loài hoa có tên rất ngộ “cỏ chân ngỗng” (anemone) trắng muôn muốt vươn mình khỏi xô nước trong veo, phong lan vàng mơ mộng trên tường rủ xuống tóc người đi mua sắm ngày cuối tuần, bất tử khô buộc rơm gói đầu lên những kệ gỗ cũ kĩ... Và kìa những đóa hoa giọt tuyết trắng phau, tưởng như đã tàn qua mùa đông băng giá vẫn còn nở tươi bên những bông arum lily tôi yêu nhất, trắng muốt hay vàng nuột nà kiêu hãnh trên cành thon thả, trông chỉ muốn ôm nguyên bó vào lòng. Tất cả những loài hoa xứ lạnh như tập trung về thành phố lãng mạn nhất thế giới này, để được cài lên tóc, lên áo những cô gái Paris mắt xanh như bầu trời đầu xuân đầy nắng.

Mỗi lần thấy hoa Paris, tôi lại nhớ chi tiết chuyện Paris chốc lát của Pauptopxki khi tác giả bắt gặp một bé gái rụt rè cầm những bông hoa

dại bán cho khách đi đường, ông mua một cành “vẫn còn thấy ẩm hơi bàn tay nó”. Tôi cố ý tìm đứa nhỏ ấy trong những đứa trẻ Paris, nhưng thấy mình lẩn thẩn vì đứa bé nhỏ xíu trong truyện từ lâu chắc đã là một thiếu phụ ngồi uống café crème trong những quán cà phê trên đại lộ Champs-Élysées hay phố St-Germain-des-Prés mất rồi.

Nhưng hoa Paris thì vẫn nở, làm tôi buồn thiu khi phải chia tay...

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Lucerne, phố cổ muôn màu

Những ngày theo học khoá học về môi trường ở Thụy Sĩ, tôi quyết tâm phải đến Lucerne (Luzern hoặc Lucerne theo cách viết của dân địa phương, thành phố nằm ở trung tâm Thụy Sĩ) bằng được., vì bị mê hoặc bởi những tấm ảnh phố cổ Lucerne trên Internet và trong những brochure về du lịch châu Âu. Nghe lời dụ dỗ của tôi, anh bạn thân người Áo từ chối tất cả những lời rủ rê đi leo núi, đi bộ đến hồ hay đi Zurich của những sinh viên khác. Thứ bảy, ngày nghỉ duy nhất trong chương trình, hai chúng tôi vác balô đáp xe lửa đến thành phố xinh đẹp này.

Phố cổ Lucerne nằm không xa trạm xe lửa là bao. Chỉ cần đi dọc hồ Lucerne xanh thẳm (có cái tên tiếng Đức dài ngoằng là Vierwaldstattersee), với những đàn thiên nga trắng muốt chậm rãi bơi. Băng qua cây cầu gỗ dài Chapel Bridge được xây từ đầu thế kỷ 14 trồng đầy hoa tươi đủ màu sắc, đi bộ thêm một đoạn ngắn, những ngôi nhà cổ nằm im lìm dưới ánh nắng đã hiện ra trước mắt chúng tôi.

Nhà ở Lucerne khác với những thành phố khác ở Thụy Sĩ mà tôi từng ghé thăm ở chỗ ngoài mặt thường có những hình vẽ công phu trong như những ngôi nhà trong truyện cổ tích. Đặc biệt những ngôi nhà có mặt tiền hướng ra quảng trường, đều có những tầng lầu dùng để ở và tầng trệt là shop thời trang rất thanh lịch, hướng ra những bồn nước ngọt mát chảy từ dãy núi Alps, có thể uống ngay được mà không cần đun sôi. Chúng tôi rót đầy thứ nước tinh khiết đó vào chai mang theo rồi đi bộ đến bờ hồ, ngồi trên bậc thềm dẫn xuống mặt nước coá những con thuyền nằm lười biếng, mở bánh sandwich ra ăn trưa. Bên cạnh chúng tôi là nhà hàng kiểu alfresco rất đặc trưng châu Âu dưới những tán dù trắng tinh. Nhà hàng đông khách, nhưng có lẽ mọi người đang say sưa uống bầu không khí trong lành của một buổi trưa cuối hè ấm áp nên xung quanh chúng tôi rất tĩnh lặng, có thể nghe tiếng mấy chú thiên nga lạc đàn rẽ nước bơi cạnh bên. Phố cổ Lucerne có rất nhiều khách du lịch, nhiều khi còn hơn cả quảng trường Trafalgar ở London không chừng, có lẽ do chúng tôi

đến đây vào dịp cuối tuần và đúng ngày nắng ấm. Anh bạn đi cùng bảo đến Lucerne cả ngày trời chưa gặp một ai nói một câu tiếng Đức kiểu Thụy Sĩ nào. Chúng tôi nghe tiếng Anh kiểu Anh, kiểu Mỹ, kiểu Úc, tiếng Tây Ban Nha, Nhật, Pháp, Ý..., thậm chí cả tiếng Hi Lạp, nhưng ngoại trừ những cô bán hàng trong shop, tất cả những người chúng tôi gặp đều không phải là dân địa phương, nhất là trên những đường phố chính như thế này. Phải chăng họ cũng bị Lucerne cảm dỗ như tôi và quả thật Lucerne đẹp hơn những gì bạn trông đợi. Ngay cả cửa hiệu bán thức ăn đóng hộp với màu sơn và hình vẽ gợi nhớ đến món pho mát Thụy Sĩ béo ngậy ngon lành này cũng làm bạn khó cưỡng lại ý định đưa máy ảnh lên.

Tại một đường phố chính, tôi bắt gặp Manor - một chuỗi cửa hiệu rất nổi tiếng của Thụy Sĩ bán đủ mọi thứ từ quần áo thời trang, túi xách, giày dép đến thức ăn, phần mềm máy tính, máy ảnh...và nặng nề đòi vào, mặc cho anh bạn tôi cố cản vì còn rất ít thời gian. Trong khi say mê chọn đồ, tôi tình cờ phát hiện ra cửa sau của shop mở ra con đường nhỏ có một ngôi nhà sơn xanh vàng rất đẹp nên nhất quyết đòi ra ngoài, khiến cho anh bạn phải kêu trời vì sự thay đổi như chong chóng đó của tôi. Nhưng khi thấy ngôi nhà với ánh nắng chiếu xiên in bóng toà nhà đối diện, làm nổi bật màu sơn như tranh vẽ, anh thôi không cầu nhàu nữa mà khen tôi tinh mắt.

Chúng tôi chỉ có vài tiếng đồng hồ ở Lucerne để thăm những góc phố muôn màu thường làm tốn khá nhiều phim ảnh của du khách. Đó còn là tháp Lucerne với bức tường phủ đầy cây xanh, núi Pilatus tuyết phủ trắng xóa ngay giữa mùa hè, những ngôi nhà trầm mặc nổi dài với những bồn hoa đỏ thắm trên bệ cửa sổ, hay bậc lan can mở ra hồ nước trong vắt xanh như ngọc. Chiều tối, ngồi gà gật ngủ trên chuyến xe lửa trở về, những hình ảnh tươi đẹp đó vẫn khiến tôi mỉm cười...

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Braunwald, phố núi đầy sương

Phố núi Braunwald - cách trung tâm thành phố Zurich (Thụy Sĩ) không xa - là một trong những thành phố hiếm hoi ở châu Âu hoàn toàn không có xe hơi hay bất cứ một phương tiện cơ giới nào khác. Còn gì bằng được sống ở đây ba tuần bên dãy núi Alps quanh năm tuyết phủ, khi Sài Gòn đang vào mùa nắng cháy da, lúc nào cũng ồn ào tiếng động cơ xe.

Từ Zurich đến Braunwald phải đổi hai trạm xe lửa và một trạm cáp treo. Lôi theo mình một vali to tướng và một balô cũng nặng không kém từ trạm này đến trạm khác, nhưng tôi cảm thấy thật nhẹ lòng khi nhìn cảnh quan xung quanh. Những ngôi nhà gỗ nhỏ xinh, dãy núi Alps tuyết phủ trắng xóa, những em bé địa phương đáng yêu đạp xe đi ngang và đặc biệt ngộ nghĩnh là những que diêm gỗ không sơn đủ màu như bộ đồ chơi xếp hình của trẻ con, kể những chậu hoa tươi bên thềm một ngôi nhà gần khách sạn Alpenblick, nơi chúng tôi lưu trú.

Từ toà nhà bốn tầng xây bằng đá ấy, chúng tôi bước xuống những bậc thềm dẫn lên lan can nở đầy hoa tươi có những bộ bàn ăn trái khảm sắc sỡ rất "hội hè" hướng ra dãy Alps hùng vĩ và thung lũng với những ngôi nhà ngói nâu đỏ nhấp nhô. Những ngày nắng ấm, lúc sương tan, vào giờ giải lao hay lúc ăn trưa chúng tôi thường ra đó ngồi uống cà phê hay thưởng thức món xúc xích Thụy Sĩ ngon lành. Braunwald thu hút du khách vào cả mùa đông lẫn mùa hè. Mùa đông, đây là địa điểm lý tưởng để trượt tuyết vì những sườn núi thoải thoải dường như được thiên nhiên cố ý tạo ra cho mục đích này. Mùa hè, còn gì bằng đi bộ trên núi, hít thở không khí trong lành, ngắm sương mù bàng lãng như phố núi Pleiku trong bài thơ của Vũ Hữu Định và hoa dại nở đầy trên những lối đi dọc theo triền núi. Ngay cả giữa mùa hè cũng dễ bắt gặp những vũng tuyết trắng xóa. Dọc đường, chúng tôi nghỉ chân ở túp lều mọc cheo leo trên đỉnh núi, uống thứ nước ngọt mát chảy từ rừng Alps và nhâm nháp món pho mát béo ngậy làm từ sữa bò và sữa dê theo cách truyền thống vùng Glarus.

Và khi hồ Oberblegi trong như lọc hiện ra, tôi chỉ muốn nằm lăn ra bãi cỏ xanh rờn cho gió núi vờn qua tóc. Hồ Oberblegi được hình

thành từ băng trên núi tan chảy xuống nên nước trong vắt thấy cả đáy với những hòn cuội trơn nhẵn, nhưng chớ dại đột nhảy xuống tắm vì nước lạnh buốt da. Ở những thành phố khác, với chất thải công nghiệp, rác và khói bụi ô nhiễm, lấy đâu ra hồ nước tinh khiết như ở Braunwald.

Braunwald đối với tôi thân thương hơn những nơi khác tôi từng đi qua, dù đó là những thành phố nổi tiếng hơn gấp nhiều lần. Rời xa phố núi, tôi cứ nhớ mãi chiếc ghế gỗ dài hướng ra rặng Alps tuyết phủ và thung lũng đầy hoa, nơi tôi thường ngồi với các bạn cùng khoá học bàn luận cho bài giáo trình cuối khoá. Nhớ ngôi nhà có shop Keissler và những luống hồng tươi tắn với những cánh hoa khép nở rung rinh trong gió. Nhớ bậc thềm bằng đá dẫn lên khách sạn, nơi chúng tôi thương ngồi co ro và thỉnh thoảng sương từ những giỏ hoa mọc trên đầu nhỏ xuống vai lạnh buốt. Nhớ ngày cuối khoá thật lạ lùng đúng vào sinh nhật tôi, cả lớp ngồi buồn thiu trên lối đi rải đá vì sắp phải xa phố núi thật nhiều kỉ niệm này...

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Làng mạc êm đêm

Hơi lạnh làm tôi giật mình thức dậy. Ở những giường bên, các bạn cùng phòng vẫn thở đều. Tôi xỏ chân vào dép, lục vali lấy thêm vớ, áo ấm và một khăn len dày quàng vào người rồi co ro bước lại giường. Tàn lá ngoài cửa sổ in những hình thù kì dị lên nền trời có trăng lưỡi liềm trắng bạc. Chúng tôi đang ở trong lâu đài St. Donat được xây dựng từ thế kỉ 14.

Đây được xem là lâu đài bị nhiều ma ám, trong đó có Lady Stradling, một bà già nghiêm nghị mang giày cao gót và mặc váy dài phết đất đã bị ám sát cũng tại nơi này. Người ta đồn bà thường xuất hiện ở Long Gallery, và tuy không thường xuyên, mỗi lần bà xuất hiện thường báo trước điềm gở. Lần cuối cùng người ta thấy bà vào năm 1938, trước khi chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra.

Long Gallery khá xa chỗ tôi ở nhưng không vì thế mà tôi bớt sợ. Tôi quen sống một mình nhưng trong toà lâu đài bảy trăm năm tuổi thì lại là chuyện khác. Đã vậy trước khi tôi đi còn đọc đủ chuyện ma quái về những bá tước trong những toà lâu đài vương quốc Anh. Những câu chuyện khi đọc bạn biết chắc chắn sẽ làm mình sợ ít nhất một tuần lễ, nhưng lười cuốn đến nỗi khó cưỡng lại ý định đọc tiếp. Cũng may phòng tôi còn ba bạn nữa, nếu không chắc tôi run lấy bầy vì sợ. Những bóng ma trong lâu đài St. Donat tôi đọc trên trang web của vùng Vale of Glamorgan còn bao gồm một mục phù thủy già vẫn thường được thấy ở kho vũ khí, hồn một con báo mắt sáng quắc hay bước nhẹ dọc hành lang, và rừng rợn nhất là bàn tay vô hình chơi đàn piano mặc dù nắp đàn đóng lại. Sáng nay tôi có thấy cây đàn piano đó nhưng vì đang háo hức làm quen bạn mới và ổn định chỗ ở nên quên bằng mất, bây giờ những chi tiết đó mới hiện rõ mồn một trong đầu. Tôi trùm chăn kín đầu sợ hãi không dám nhìn ra cửa sổ, rồi ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Chúng tôi đến Llantwit Major, một vùng quê xinh đẹp và yên ả thuộc vùng Vale of Glamorgan tham dự chương trình hội nghị quốc tế "Những người trẻ tuổi làm thay đổi thế giới". Tất cả ba trăm thanh niên tham gia chương trình đều ở trong lí túc xá của trường Atlantic College trong khuôn viên lâu đài St. Donat nhìn xuống đại dương

mệnh mông. Sáng dậy, tôi mới nhận ra mình quả yếu bóng vía. Bầu trời xứ Wales ngày tháng tám xanh biếc, chim chóc hót ríu rít trên đường tôi đi bên thảm cỏ xanh mượt trước cổng vào lâu đài còn đầm sương. Đang loay hoay dò bản đồ, thấy một anh chàng cao lớn nhưng mặt non choẹt đang chạy bộ ngược chiều, tôi mới gọi lại hỏi đường. Anh chàng người Anh chit đường rất "khí thế" ấy là David, sau đó tình cờ ở chung nhóm chuyên đề "toàn cầu hoá" với tôi và trở thành bạn thân thiết trong chương trình (hai năm sau ngày gặp gỡ ở Wales chúng tôi còn gặp nhau nhiều lần nữa khi tôi sang Anh học). Hai người bạn thân khác tôi có nhắc đến nhiều trong những bài viết về nước Anh là Lynette và Fiona. Lynette nằm trong ban tổ chức chương trình, lúc đó đang có bầu bé Molly sáu tháng nhưng rất năng động, chạy đi chạy lại như con thoi, hết bộ đàm đến điện thoại di động réo rất. Cô rất mến tôi nên dù bận mấy cũng kéo tôi ra lấy đi động bảo tôi nói chuyện với Jacko - chồng cô - vì cô kể nhiều về tôi với anh. Còn Fiona tôi gặp khi tắt cả mọi người đang đứng ngồi chen chúc trong bar lúc DJ đang chơi bài Dancing in the moonlight. Đến giờ tôi vẫn nhớ như in cô gái tóc vàng dễ thương mặc váy jeans xanh áo trắng xinh xắn, cười với tôi rất tươi làm quen.

Llantwit Major, tiếng xứ Wales là Llanilltud Fawr, đã có người ở hơn ba ngàn năm trước, từ thời đồ đồng, đồ đá đến thời Roman, nhưng những toà nhà xưa nhất trong thị trấn được xây dựng bởi người Norman sau đó. Sẵn đề cập đến tiếng xứ Wales, thật ra Wales thuộc liên hiệp vương quốc Anh và nơi tiếng anh như tiếng mẹ đẻ nhưng ít ai biết được quốc gia này hiện nay vẫn còn ngôn ngữ riêng, chỉ có điều đã mai một đi đáng kể. Tôi có anh bạn người Úc, trước làm việc tại đại sứ quán Úc tại Hà Nội, trong những cuộc nói chuyện thấy anh không thích người Anh mấy. Tò mò hỏi chuyện, mới biết bố mẹ anh gốc người xứ Wales. Bởi vậy anh không có cảm tình với nước Anh vì trong lịch sử đã chinh phục xứ Wales và làm mất đi ngôn ngữ truyền thống nước này. Tôi gân cổ "nhưng nhờ vậy mà bây giờ nói tiếng Anh khỏi cần đi học chi cho khổ". Anh vặn lại: "Vậy Việt Nam bây giờ không có tiếng Việt mà nói tiếng Trung Quốc, khỏi cần phải đi học chi cho khổ, chịu không?". Tôi có thể cãi lại "nhưng tiếng Trung Quốc đâu "có giá" bằng tiếng Anh là ngôn ngữ quốc tế cả thế giới giao tiếp". Tuy nhiên, nghe anh nói có lý nên tôi thôi không tranh luận nữa.

Buổi chiều, sau những ngày tham gia hội thảo vất vả, chúng tôi đón taxi ra trung tâm thị trấn chơi. Llantwit Major chỉ cách thủ đô Cardiff rộn ràng chừng ba mươi cây số nhưng cả đám nhất trí không

đi Cardiff mà ở lại làng mạc êm đềm hít thở bầu không khí của một miền quê xứ Wales. Quảng trường nhỏ của thị trấn đẹp như mơ, yên tĩnh đến lạ lùng. Chúng tôi say sưa nhìn quán rượu Old White Hart với những giỏ hoa tươi rung rinh trên tường sơn trắng sần sùi. Mãi sau này tôi mới biết đây là ngôi nhà có người ở xưa nhất thị trấn, được gia đình Raglan xây dựng từ giữa thế kỉ 15. Tôi mê mẩn nhìn những bộ bàn ghế gỗ kê bên ngoài quán rượu đầy người địa phương đang ngồi uống bia và trò chuyện trông thật thư giãn, rồi theo đám bạn làm một vòng pub crawl (*). Thỉnh thoảng tôi lại tách ra một mình lang thang qua những con đường vắng với những ngôi nhà xinh xắn êm đềm đặc trưng làng quê xây bằng đá xưa, có cả những mái nhà tranh lúp xúp như nấm bên ngoài dây leo phủ kín, tường treo đầy những giỏ hoa tươi. Hoa thủy tiên (daffodil) là biểu tượng của xứ Wales nhưng cuối hè thủy tiên đã tàn hết, chỉ có những loài hoa khác nở bừng trên những khoảng sân be bé trước nhà. Tôi cũng thích khoảng sân rải đá dăm trắng trước những quán rượu yên tĩnh, nơi cư dân Llantwit Major làm việc xa ở Cardiff sau một tuần lễ tất bật được ngồi thư thái trên ghế gỗ dài trong khu vườn dẫn ra con suối róc rách, nhấm nháp trà và bánh ngọt phủ quả dâu tằm đỏ mọng.

Ngày cuối cùng, chúng tôi kéo nhau ra bờ biển chơi. Khuôn viên trường Atlantic nằm trên đồi nhìn xuống bãi biển vắng người đầy đá tảng lô xô, bao bọc là vách đá dựng đứng của vịnh Tresilian được thiên nhiên đẽ gọt thành những nấc thang có thể trèo lên được. Chúng tôi thi nhau trèo lên chụp ảnh, khi về đến nhà đọc trên Internet mới biết những vách đá này rất nguy hiểm, có thể rớt vỡ bất cứ lúc nào, hú hồn hú vía. Vịnh Tresilian cũng là nơi những hoá thạch từ thời xa xưa được tìm thấy, còn vách đá chúng tôi leo lên có một hang khuất bên trong, nơi thời xưa cướp biển và dân buôn lậu trú ẩn vì có đường hầm ăn thông ra lâu đài St. Donat. Tôi mê nhất vườn hoa nằm giữa lối đi giữa bãi biển và lâu đài, nhỏ nhắn thôi nhưng hoa mọc đẹp như tranh vẽ thế kỷ 18, có cả loại hồng to bằng cái tô lớn nhưng vẫn chưa bung hết cánh ra. Nếu có một vườn hoa như thế này ở nhà, tôi có thể nằm ngoài vườn đọc sách cả ngày không chán.

Trời ngả về chiều, xa xa một nhóm bạn đang tắm biển vậy chúng tôi rồi rít. Tôi chưa kịp thay đồ bơi, đang đứng lò dò trên mép nước lạnh buốt như nước đá trong nhiệt độ buổi chiều 8 độ C, nửa muốn xuống nửa không thì James - người London, cũng chung hội thảo toàn cầu hoá của tôi - chạy thật nhanh từ ngoài biển lên bờ. Tôi chưa kịp định

thần đã bị anh chàng bế xốc lên chạy trở lại xuống biển thả ùm xuống nước. Tôi lạnh còng, lại không biết bơi nên vừa khua nước tứ tung vừa run lập cập. Lên được bờ rồi, tôi rượt anh chàng lấu cá chạy chối chết.

Đã bốn năm trôi qua kể từ những ngày vừa êm đêm vừa sôi nổi ấy. Tôi không tả hết được vẻ đẹp giản dị của thôn xóm Llantwit Major vùng thung lũng Glamorgan, cũng như đồi núi chập chùng ruộng đồng xanh ngắt, với những đàn bò khoang trắng khoang đen thông thả gặm cỏ. Tôi cũng quên mất phần lớn những người bạn cùng chương trình, ba bạn gái cùng phòng giúp đỡ tôi đỡ sợ ma đêm đầu tiên ở lâu đài St. Donat. Rồi anh chàng trẻ tuổi sinh viên trường Atlantic đã tình nguyện chia chân mình làm bậc cho tôi bước lên khi tôi đang lúng túng kiếm chỗ leo lên bờ trong hồ bơi sâu đến cổ. Cả những người bạn cùng tôi cất điều thả lên nền trời đầy nắng... Sau này sống ở Anh hơn một năm, cảnh miền quê lặng lẽ với những mái nhà lợp tranh xinh xắn không còn mới mẻ với tôi nữa. Nhưng lần nào cũng vậy, mỗi lần nghĩ về những quán rượu rải sỏi tĩnh lặng trong chiều và những giỏ hoa tươi trên tường đá, tôi lại muốn khoác ba lô trốn chạy phố phường về lại những ngày êm đêm ở làng mạc xứ Wales xưa.

Chú thích:

(*) pub crawl: đi la cà vào nhiều quán rượu khác nhau, rất phổ biến ở sinh viên châu Âu sau mỗi mùa thi.

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Ăn Ý

Ấm thực những vùng khác nhau ở Ý rất dễ phân biệt. Ở miền bắc (Milan, Venice, Bologna, Turin...) thức ăn có xu hướng dẻo như kem và béo hơn, trong khi dân địa phương miền trung (Florence, Perugia, Siena...) dùng rất nhiều dầu ooliu và rau thơm, thức ăn cũng đơn giản, thanh đạm và tươi hơn. Càng về phía nam (Rome, Naples, Catanzaro...), những món ăn Ý càng nóng và cay hơn đáng kể...

Còn cà phê Ý? Café latte là một phiên bản rất giống café au lait của Pháp, cũng sữa nóng đầy ắp những tách lớn, pha ít cà phê đen. Nâng tách lên, khói nghi ngút phủ lên mặt khiến tỉnh cả người, rất hợp để trị "hangover" (chứng nhức đầu sau khi uống nhiều thức uống có cồn). Còn espresso là một thức uống tao nhã, trong một tách nhỏ xíu như chung uống trà của những cụ già Việt Nam hay Trung Hoa. Trong tách sóng sánh cà phê đen với lớp bọt mỏng li ti nâu vàng, thơm ngào ngạt, uống muống đầu tiên những ai không quen dễ nhăn mặt vì vị đắng đọng lại trong cổ họng, nhưng đến khi hết tách, mùi cà phê thơm lừng còn thoảng qua rất dễ ghiền.

Những có lẽ "quốc hồn quốc túy" của nước Ý vẫn là cà phê cappuccino có mặt ở hàng trăm nước trên thế giới. Khó ai từ chối lời mời đi uống cappuccino ở một trong những quán cà phê vỉa hè ở Ý, có hoa tươi mọc trên cửa sổ, bên con kênh êm đềm với những ngôi nhà xưa nghiêng mình. Ở đó, thật "đã" khi nhắm nháp tách cappuccino sủi bọt dày, rắc quế xay li ti màu nâu trên mặt, lớp bọt nhuyễn mịn và béo như kem kèm nước cà phê nóng thơm và hơi đắng bên dưới, ăn kèm bánh tiramisu màu nâu sôcôla kẹp những lớp kem mỏng trắng muốt mịn màng.

Trên đây chỉ là ba loại cà phê nổi tiếng nhất của Ý, nhưng nếu đã cất công đến nơi này, bạn nên thử các loại khác cũng không kém phần thú vị như caffè corretto có kèm vài giọt rượu congac, caffè freddo bỏ đá lạnh gợi nhớ cà phê đá Sài Gòn, hay caffè d'orzo có ít cacao mà tôi có dịp uống trong một quán cà phê khuất gần quảng trường lớn ở Verona.

Trên đảo Murano cách trung tâm thành phố Venice nửa giờ đi phà, tôi được thưởng thức món bánh pizza vừa ra lò nóng bỏng tay. Rìa bánh giòn tan nhưng chính giữa lại mềm và dẻo nhờ lớp phô mát

tươi, trên phủ những miếng thịt pepperoni đỏ au và mấy trái ô liu xắt lát mỏng. Ăn món này đúng kiểu Ý không phải trong một nhà hàng sang trọng mà phải ngồi bệt xuống chân một trong những cây cầu giữa trời nắng chang chang, gặm pizza gói trong một lớp giấy nâu. Cũng như ăn ốc luộc chấm mắm gừng đúng điệu ở Hà Nội phải ngồi vỉa hè trong con hẻm đầy gió thổi hun hút lạnh lẽo vậy.

Nhưng bữa hải sản ở một nhà hàng gần ga Santa Lucia ở Venice thì chỉ có thể miêu tả bằng một từ: hoàn hảo. Hai bên cầu đầy những nhà hàng Ý (ristorante hoặc trattoria) với bàn ghế kê sát con kênh nước chảy loang loáng trong ráng chiều, đầy dân địa phương tóc xoăn tít và ngoại hình rất Ý đang cười nói ồn ào. Nhà hàng không hề có thực đơn, khách vào không có chọn lựa nào hết vì ai cũng được dọn lên những món như nhau, món nào cũng ngon chết mê chết mệt. Nào sò tươi rói trộn thịt heo băm nhuyễn và rau thơm, nhồi trong vỏ sò xanh to bằng ba ngón tay. Nào bạch tuộc kho đậm cà chua tươi đỏ. Nào tôm và mực nang bọc bột chiên giòn. Tôi thích nhất món gỏi cá nướng than thoang thoang mùi khói, xé nhỏ trộn thứ nước xốt từ chanh, cà chua và kem. Tất cả được ăn kèm với món bánh polenta vàng ruộm làm từ bắp tươi xay nhuyễn trộn bơ và những thứ gia vị chỉ người Ý mới biết, vừa thơm vừa dẻo, nhấm nháp với rêu trắng thật ngon lành. Bữa ăn hết 50 euro cho hai người, có lẽ là phần “xa xỉ” nhất trong chuyến đi đối với túi tiền sinh viên hạn hẹp của chúng tôi, nhưng thật đáng và “có lý” hơn nhiều so với những menu turistico (thực đơn cho khách du lịch) của những nhà hàng gần quảng trường Thánh Marco.

Đến Verona cổ kính, nổi tiếng với chuyện tình Romeo và Juliet, buổi tối đầu tiên tôi và ba người bạn sinh viên mới quen ở cùng nhà trọ thanh niên rủ nhau ra quảng trường thành phố, vào một quán ăn đông kín người. Cả ba bạn mới đến Ý ngày đầu tiên nên chọn ngay món pizza, riêng tôi gọi món linguine trộn tôm. Ngồi chờ dài cổ nửa tiếng đồng hồ, uống hết mấy ly nước vẫn không thấy thức ăn đâu, chúng tôi sốt ruột gọi ngay cô phục vụ đang chạy tấp bập từ bàn này sang bàn khác. Cô cười bảo: “Chờ chút xíu thôi nhé” nhưng mãi gần mười phút sau mới chạy lại, bảo nhà hàng đã làm mất miếng giấy ghi món ăn của bàn tôi. (Lúc đó tôi mới biết vì sao Ý là một cường quốc nhưng người Ý lại khét tiếng khắp châu Âu vì khả năng tổ chức và sắp đặt rất luộm thuộm, đúng như trong bài “Paris ẩm thực” có nhắc đến). Thêm mười phút nữa, ba đĩa pizza được dọn lên nhưng món linguine của tôi vẫn không thấy đâu, cô phục vụ bảo “Hay thay

bằng pizza luôn nhé, sẽ có ngay, còn linguine phải chờ thêm nữa”. Đến lúc này tôi đã vừa mệt vừa đói, mất hết kiên nhẫn. Tôi chỉ còn chưa đến 48 tiếng ddoongf hồ ở Verona, và đáng lẽ lúc này tôi phải ngồi trên một bậc thềm bằng đá ở quảng trường nghe những ca sĩ đàn hát những bản nhạc tiếng Ý du dương, không phải sủa xem trận đấu Inter Milan và AS Roma phát lại trên màn hình TV khi xung quanh mọi người đang hào hứng ăn uống ngon lành. Đến lúc dọn đĩa linguine ra, ba bạn tôi đã ăn hết nửa phần pizza, biết tôi giận cô phục vụ cười rất tươi “Spiacente! Buon apetio” (Xin lỗi! Chúc ngon miệng!) Tôi cũng cười đáp lại, nhưng có lẽ nụ cười khá mếu máo nên cô đi mà mặt vẫn bần khoăn.

Nhưng khi ăn miếng đầu tiên, tôi tha thứ cho sự chậm trễ đó ngay lập tức. Đĩa linguine rải những cọng mì vàng nhạt, tươi rói, sần sật trong miệng, thoảng nhẹ mùi trứng, ăn kèm tôm bóc vỏ hồng nhạt trộn xốt và rắc zucchini xanh cắt sợi. Có lẽ đó là món mì Ý ngon nhất tôi từng được ăn trong đời. Vì vậy, khi anh chàng phục vụ đẹp trai như Paolo Maldini (phải tội mắt mũi hớt hơ hớt hải vì phải phục vụ nhiều bàn) chậm đem hoá đơn thanh toán ra, tôi cũng tươi cười vui vẻ như thường.

Có lẽ sẽ là thiếu sót rất lớn nếu viết về ẩm thực Ý mà quên nhắc đến gelato – món kem Ý béo ngậy, lạnh buốt răng có mặt khắp năm châu. Khách du lịch đến đây ăn kem que nhiều đến nỗi một số cửa hàng bán đồ lưu niệm phải treo biển bên ngoài “Vui lòng không ăn kem khi vào đây”. Một tuần ở Ý, tôi ăn không biết bao nhiêu cây kem ốc quế trên những xe kem có mặt khắp nơi với hàng dãy kem đủ mùi vị: crema fiorentina, pistachio, vanilla... Cắn miếng ốc quế dòn tan kemng với lớp kem dày, béo ngậy, vị ngọt thanh còn đọng lại trong cổ lạnh lạnh thật hợp với những ngày tháng bảy ở Ý nóng bức.

Ở các nhà ga xe lửa Ý, abnj rất dễ thấy bảng thông báo những tuyến đường xuyên quốc gia với những cái tên tiếng Ý du dương và êm đềm: Torino – Milano – Vicenezia – Venezia, Alessandria – Piacenza – Parma – Firenze, Genova – Pisa – Roma – Napoli... Những cái tên ấy dễ gợi nhớ đến giải Series A với những ai mê bóng đá ngoại hạng Ý; riêng với những ai lỡ có “tâm hồn ăn uống”, những cái tên ấy lại dậy lên trong lòng ý muốn được thưởng thức những món ngon địa phương trong một trattoria hay ristorante có hoa tươi nở trên đầu vào một buổi chiều mùa hè nước Ý đầy nắng và gió.

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Verona, phố xá mơ màng...

Tôi không dự định đi đến Verona trong chuyến đi Ý của mình, nhưng Venice dù yêu kiều xinh đẹp mấy cũng làm tôi chán. Ở đây quá phát triển du lịch và một nơi có lực lượng du khách “hùng hậu” cùng những dịch vụ kéo theo dễ làm bạn cảm thấy mệt mỏi. Vì vậy, sau ba ngày không gặp được bóng dáng người địa phương nào ở phố cổ có những con kênh xanh với thuyền gondola xuôi dòng, tôi quyết định gửi vali lại chỗ cô lễ tân vui tính ở khách sạn tôi ở, chỉ đem theo ít đồ cần thiết trong ba lô rồi leo lên tàu đi Verona.

Thật không may cho tôi khi đến Verona vào chiều chủ nhật, văn phòng dịch vụ du lịch ở nhà ga đã đóng cửa trong khi tôi không có lấy một cuốn sách hướng dẫn trong tay để tìm chỗ ở qua đêm. Bên ngoài văn phòng có một máy vi tính để truy cập thông tin những khách sạn địa phương (Intranet, không phải Internet), nhưng những khách sạn này giá thấp nhất cũng đã bảy tám chục euro, vượt quá ngân sách của tôi nên tôi ssi loanh quanh nhà ga một lúc. Cuối cùng, tôi quay trở lại văn phòng, dí mắt vào sát tấm gương và tình cờ đọc được bảng chỉ dẫn về nhà trọ thanh niên tên biệt thự Francescatti dán bên trong. Vui mừng, tôi quay ra trạm xe buýt ngồi chờ.

Một gã trẻ tuổi ốm nhom ốm nhách trông bộ dạng không mấy lương thiện đang lảng vảng xung quanh khách chờ xe buýt. Tôi không lạ gì những chuyện như thế này nữa, kinh nghiệm xương máu ở Áo trước giáng sinh đã khiến tôi tâm niệm “Ở đâu cũng có anh hùng. Ở đâu cũng có... thằng khùng thằng điên”, và trở thành chuyên nghiệp trong việc cảnh giác mất cắp, đến nỗi đạo chích Paris hay Venice (những nơi vốn khét tiếng về nạn móc túi du khách) cũng không “làm ăn” được gì với tôi huống chi gang hồ tỉnh lẻ. Tôi liếc xéo gã một cái, ra điều “ta đây biết rồi, đừng hòng giở trò móc túi ở đây” rồi đeo ba lô ra trước ngực, ôm khư khư vào lòng. Nhắm thấy con mồi không phải tay vừa, gã bỏ đi.

Anh chàng lái xe buýt từ nhà ga trung tâm Verona đến nơi tôi ở cũng

như hầu hết những người Ý ở đây, tóc xoăn tít và mặc quần tây áo sơ mi thật lịch lãm, đeo kiềng đen hiệu Gucci trông đẹp trai hơn cả Ben Affleck. Nhưng anh chàng không biết tiếng Anh nên sau một hồi giải thích nơi muốn đến trong vô vọng, tôi bước xuống ngồi ở giữa xe. Thật may mắn, đôi bạn trẻ lên xe cùng lúc với tôi đang đứng với mớ ba lô túi xách to tướng cũng đến cùng nhà trọ nên tôi thở phào nhẹ nhõm. Qua trò chuyện, tôi được biết hai bạn người Hà Lan, vừa đến sân bay Milan vào buổi trưa và đã quyết định không vào thành phố mà đáp xe lửa thẳng đến Verona. Quả là một quyết định đúng đắn vì Milan là một trong những thành phố xấu nhất nước Ý. Trừ khi bạn là phóng viên muốn dự tuần lễ thời trang hoặc là cổ động viên bóng đá cuồng nhiệt của Inter hoặc AC Milan, có rất ít lý do để bạn đến đây.

Nhà trọ thanh niên Villa Francescatti là một biệt thự cổ duyên dáng nằm trên đồi, trong khu vườn rộng xanh um cây lá và đài phun nước mát rượi bên thảm cỏ tươi tốt mượt mà. Những căn phòng rộng của biệt thự xưa đã được biến thành một dạng ký túc xá sinh viên với những chiếc giường tầng và cửa sổ hướng ra vườn chim hót ríu rít. Bạn phải ở chung với bảy người khác và nhà trọ có lock-out period bắt buộc bạn phải ra khỏi phòng từ 9g sáng đến 5g chiều. Phòng ốc ở đây rất sạch sẽ yên tĩnh, không gian trong lành và giá chỉ 13.5 euro mỗi người có cả ăn sáng nên chúng tôi không lấy đó làm phiền.

Buổi sáng đầu tiên bước ra khỏi biệt thự, thấy ban mai trong suốt như một giọt sương. Con đường hẹp quanh co từ ngọn đồi chúng tôi ở vẫn còn ngái ngủ, thừa thớt người, những cửa sổ cạnh bao lơn nở hoa đỏ tím li ti khép hờ. Có tiếng chim hót (không biết có phải từ “bụi mạn gai” nào quanh đây) làm lòng tôi thật thư thái nhẹ nhàng, vừa tản bộ vừa ngắm những ngôi nhà Verona tư lự, tường gạch tróc lở vết thời gian và những mái ngói nâu hồng mang vẻ đẹp hài hoà và mơ màng. Biệt thự Francescatti đã có mặt hơn năm trăm năm trước nhưng tuổi đời so với những nhà hàng xóm vẫn còn thua xa. Verona ra đời từ thế kỷ 1 trước công nguyên, và đã được công nhận là di sản UNESCO do những phát triển đô thị trải qua hơn hai thiên niên kỷ vẫn còn giữ lại rất nhiều thành trì, pháo đài thời La mã cùng những kiến trúc Trung cổ và Phục hưng.

Chúng tôi băng qua cây cầu bắc ngang sông Adige trong xanh bên sườn đồi trồng đầy cây bách reo trong gió sớm. Thành phố sáng đầu

tuần vắng lặng, ngay cả ở khi trung tâm. Những ngôi nhà tinh khiết ở đây giống như vừa bước ra từ một bức tranh sơn dầu với những gam màu hồng đậm nhạt pha trắng và ban công bằng sắt uốn lượn như dải lụa. Một tờ báo ở Anh đã gọi Verona là thành phố sắc hồng, quả thật đúng. Màu hồng là chủ đạo trên những ngôi nhà xưa duyên dáng nơi đây. Ngay cả những ngôi nhà sơn màu vàng nhạt hay nâu vẫn điểm những giàn hoa tươi ứng hồng đậm sương đêm và chiếc xe đạp dựa hờ hững lên tường đá cũng được sơn hồng cánh sen. Cô gái Hà Lan đi cùng thốt lên: “Thích thành phố này quá đi!” và chúng tôi cùng gật đầu đồng ý.

Tôi quyết định chia tay hai bạn để làm một chuyến shopping. Ở Venice gì cũng đắt đỏ và toàn đồ cho du khách nên tôi không mấy hứng thú mua. Tuy nhiên, ở đây có những shop giản dị và “điên viên” hơn nhiều, bán đồ ăn địa phương: mì vàng ươm, cà phê bột thơm lừng, xí muối kiểu Ý là lạ, hạt sôcôla trắng nhỏ li ti đựng trong túi lưới màu kem cột nơ xinh xắn..., quần áo ở Ý cũng đẹp và giá vừa phải (trừ khi bạn muốn mua đồ Armani, Gucci, Versace hay D&G...) nên tôi thích thú dạo một vòng ngó nghiêng những cửa hàng nhỏ nhắn trên đường tĩnh lặng. Sau khi ghé mua một số đồ làm quà cho mình và cho mẹ, cho chị ở nhà, tôi lại ra khu phố chính, đứng tần ngần nhìn những nghệ sĩ lang thang chơi guitar và thổi sáo bên cạnh một shop bán trái cây tươi ngoài vỉa hè.

Đã sang trưa, du khách bắt đầu túa ra từ những khách sạn, nhà nghỉ trong thành phố, Verona đã mất vẻ ngái ngủ ban sáng. Tôi băng qua những con đường hẹp, tình cờ thấy trên ban công căn nhà nhỏ nhắn trong hẻm nhỏ, một vài chậu đang đập bụi hai trắng lưỡi liềm vàng nhồi bông, có lẽ là đồ chơi các cháu nhỏ của bà. Thấy tôi cửa tùm tùm cười vừa ngược nhìn từ bên ngoài đầu hẻm, bà ngừng tay đập, cũng cười với tôi.

Trong lòng vui và nhẹ nhõm, tôi dạo bước đến thăm một trong những sức hút lớn nhất của Verona: nhà nàng Juliet. Nhà soạn kịch lỗi lạc người Anh Shakespeare viết lại “Romeo và Juliet” vào thế kỷ 17. Nhưng huyền thoại về tình yêu ngây thơ và mơ mộng của hai người trẻ tuổi đã bắt nguồn ở Verona từ hơn ngàn năm trước đó và đã có mặt trên những truyện ngắn, kịch, thơ của nhiều tác giả khác trên thế giới trước khi Shakespeare ra đời. Bức tường gần cổng vào nhà đầy những dòng chữ nguệch ngoạc của những kẻ đang yêu đến thăm nhà

cô gái xinh đẹp, tưởng nhớ một trong những câu chuyện tình lãng mạn nhất lịch sử nhân loại với kết thúc bi thương do thù hận gia đình. Tôi thích thú đọc chữ “Nhà Juliet” bằng nhiều thứ tiếng trong bảng đá đặt trước nhà, ngộ ra “Juliet’s house” trong tiếng Anh nghe rất “chuyên nghiệp” như đang trong một phi vụ làm ăn, “Juliethaus” tiếng Đức nghe đánh thép làm mất hết vẻ lãng mạn, “Maison de Juliette” tiếng Pháp nghe cũng khá êm đềm, nhưng chỉ tiếng Ý “Casa di Julietta” mới du dương và thi vị nhất, chỉ bản thân chữ đó cũng đủ làm ta mơ màng hơn cả một bài thơ.

Nhà Juliet lớn nhưng không đồ sộ mà rất xinh xắn, xây bằng gạch nâu xưa đã tróc vôi, những vòm cửa cong cong như trong truyện cổ và ban công nhỏ xíu giản dị. Tôi trả ba euro để được vào trong, trèo lên ban công nhỏ đáng yêu nhìn xuống bức townngd dây leo rậm rạp xanh um, tưởng tượng chàng Romeo đẹp trai vẫy tay bên dưới sân. Tôi dụi mắt, không tin vào mắt mình vì có ai đang vẫy tay cời tôi bên dưới thật, hay là duyên nợ chăng? Nhưng tôi thất vọng ngay khi nhận ra người vẫy tay là anh chàng Hà Lan đang đi cùng cô bạn gái tôi gặp trên xe buýt hôm qua. Tôi trèo xuống, Romeo rủ: “Ăn trưa ít nên đói bụng quá. Đi ăn thêm không?”.

Như đã viết trong bài “Ăn Ý”, đồ ăn ở đây chỗ nào cũng ngon và đầy hương vị. Chúng tôi chỉ ăn đồ nguội mua trong một quầy thức ăn giản dị, nhưng món bánh mì tròn kẹp giăm bông và củ cải chua làm ai cũng tấm tắc khen. Tôi ra ngoài quảng trường Roman Arena nhăm nháp món tráng miệng bánh gừng, làm tôi nhớ lại Alastair ở nhà hay kể chuyện thiếu nhi về anh chàng người bánh gừng (Gingerbread man) chạy từ lò nướng tròn bà cụ nướng bánh: “Run, run as fast as you can. You can’t catch me, I’m a gingerbread man”. “Chạy, chạy nhanh hết sức đi. Cũng không bắt được tôi đâu, tôi là người bánh gừng”.

Roman Arena, một trong những công trình vĩ đại nhất châu Âu, là đấu trường La Mã được xây dựng từ thế kỷ thứ một sau công nguyên, vào năm cuối cùng của triều đại Augustus. Kỳ công đến nỗi trận động đất dữ dội vào thế kỷ 12 tại đây chỉ phá hỏng được một phần bên ngoài. Khi xưa nơi này đã diễn ra nhiều cuộc chiến của các dũng sĩ giác đấu tương tự những cảnh hoành tráng mà ai từng xem bộ phim Gladiator khó có thể quên. Đến thế kỷ 18, đấu trường xây hình elip bằng đá cẩm thạch hồng dài gần 150m ấy được chuyển

thành một nơi như nhàn hơn nhiều: thay vì những cuộc cưỡi ngựa đầu thương là những vở nhạc kịch êm đềm du dương rất Ý. Ngày nay, Roman Arena là nơi tổ chức hoà nhạc và opera thu hút hàng chục ngàn khán giả mỗi đêm. Vậy mà khi tôi đến, tôi chẳng thấy áp phích giới thiệu chương trình nào, chỉ có một poster quảng cáo lớn bằng một toà nhà của hãng Lycra có ảnh một cô gái mặc bikini thật hấp dẫn, quả là một ví dụ sống động cho cổ xưa chen lẫn hiện đại.

Tôi ngồi nhâm nhi bánh gừng, chợt nghe tiếng nhạc trong vút đầu đây; quay lại, thấy một nghệ sĩ đường phố trong trang phục quý tộc xưa đang biểu diễn nhạc nước pha lê: khi ông huơ tay trên những chiếc ly cốc thủy tinh đủ kích cỡ hình thù đựng nước lọc, những âm thanh tinh khiết vang lên như một bản nhạc êm đềm.

Tôi còn lang thang nữa qua phố G Mazzini mua bức tranh khắc nổi hình cô gái múa balê của một người đàn ông Nam Tư, những bánh xà bông thơm nức từ các cửa hiệu nhỏ xinh, rồi đi lạc trong những con phố có mái vòm arcade, những tu viện, giáo đường, nhà thờ trầm mặc, những pháo đài cổ có đôi chim bồ câu đứng gù. Tranh thủ trở lại quảng trường Piazza Brà ngắm du khách và người địa phương lười biếng ăn cioccolato (sôcôla) và crostata (bánh trái cây nướng) mới mua được từ những pasticceria xung quanh. Sau rốt, tôi tạt vào một quán cà phê khuấy nêo, nghe cô chủ và những khách người địa phương trong quán nhiệt tình chỉ tôi caffè lungo và caffè Americano gần như là mộ loại, còn capuccino phải được uống ấm chứ không quá bóng bẩy sẽ làm mất đi độ ngọt tự nhiên của sữa và độ mịn của bột (Lạy trời, cả đời tôi không tưởng tượng được một ngày nào đó mình sẽ tỉnh tề đến mức này).

Tôi đi bộ một mình về chỗ trọ sau một ngày lang thang mỗi chân băng qua cây cầu cong cong đom đóm ban sáng với những ngôi nhà xưa mái ngói ứng hồn có những ô cửa sổ hình chữ nhật soi bóng xuống sông Adige trong xanh. Xung quanh vắng lặng đến khó tin, có lẽ tất cả du khách đã ở hết khi trung tâm thành phố. Những cây tung cây bách vẫn reo trên mái nhà và nhưng sườn đồi thoải thoải, nhưng cảnh hoàng hôn buông xuống đẹp huy hoàng hơn ban sáng gấp nhiều lần. Ánh mặt trời miền Bắc nước Ý nhuộm cảnh vật một màu óng ả như tơ tằm, như mật, như dầu ô liu nguyên chất, như vàng ròng, hắt xuống mặt nước lấp lất lấp loáng. Tôi nhìn buổi chiều Verona mơ màng, quên mình đang ở một xứ sở có thực.

Song tiếng xe Vespa rô ga của cô nàng có gương mặt thanh thoát như thiên thần đang đội nón bảo hiểm phóng vù vù làm tôi giật nảy mình, nhận ra đã đến con hẻm nhỏ dẫn vào nhà trọ biệt thự Francescatti. Và chợt hiểu mình không phải đang ở trong truyện cổ tích mà đang ở Ý, “thủ phủ” của những quái xế chạy xe ẩu nhất thế giới. Nhưng có hề chi, đối với tôi Verona vẫn mãi là phố xá mơ màng với những ngôi nhà mái ngói thương vôi in vết thời gian, ban công xinh xinh nhà Juliet và cảnh hoàng hôn nhuộm dòng sông Adige vàng óng ả làm “có người lòng như nắng qua đèo”(*).

Chú thích:

(*)*Lời một bài hát của Trịnh Công Sơn.*

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Những câu chuyện góp nhặt từ hội nghị ở châu Âu

“Những người trẻ tuổi làm thay đổi thế giới”

Đó là tên chương trình giao lưu thanh niên quốc tế tại vương quốc Anh (5 đến 9-8-2002). Có 300 đại biểu đại diện cho những thủ lĩnh thanh niên từ năm châu lục trên thế giới tham dự chương trình.

Mỗi đại biểu dự một trong năm hội thảo chuyên đề: Toàn cầu hoá, Sức khoẻ, Công bằng xã hội và nhân quyền, Văn hoá, Môi trường. Ngoài thời gian tranh luận về các chủ đề trên, các nhóm còn tham gia việc xây dựng tượng từ chất liệu thiên nhiên, người mẫu là một cô bé người Anh có khuôn mặt rất xinh xắn. Bức tượng này được đặt tại một nơi trang trọng như một món quà kỉ niệm của các đại biểu đối với trường cao đẳng Atlantic, xứ Wales: khuôn viên là lâu đài Thành Donat, một toà lâu đài bằng đá kiên cố được xây dựng từ thế kỷ 14 có tường thành và biển bao quanh, nơi được ban tổ chức chọn làm địa điểm thực hiện chương trình giao lưu này.

Chúng tôi cũng chia nhau tham gia các hoạt động vẽ tranh tuyên truyền giao lưu quốc tế và làm những con diều mang thông điệp hoà bình. Bức tranh rất lớn, đủ màu sắc do chính chúng tôi vẽ bằng màu nước và kí tên, với hình ảnh thiếu nhi trên thế giới nắm tay nhau tạo thành năm vòng xoắn ốc to dần từ trong ra ngoài được treo trên lối đi của tiền sảnh. Những con diều được các bạn Ấn Độ khởi xướng với những dòng chữ “Cứu lấy thế giới”, “Hoà bình hay không gì cả”, “Những người trẻ tuổi làm thay đổi thế giới”..., sau mấy tiếng đồng hồ được những bàn tay vụng về cắt dán cũng bay cao tít trên bầu trời chan hoà ánh nắng, một ngày nắng ấm hiếm hoi của xứ Wales lạnh giá và quanh năm mưa phùn.

Có một sự kiện trong đêm quốc tế đã làm tất cả đại biểu thế giới sửng sốt và xúc động: các thành viên trong đoàn Israel và Palestine cùng xuất hiện bên nhau trên sân khấu, trong trang phục truyền

thống khác nhau, cùng hát những bài hát của hai dân tộc.

Tôi tham gia hội thảo chuyên đề “Toàn cầu hoá”. Thông qua nhiều hình thức sinh hoạt khác nhau, các đại biểu cùng rút ra được những mối quan tâm chung về chủ đề này. Theo yêu cầu của khoá học, mỗi nhóm chuyên đề phải thực hiện một dự án, nhóm tôi làm một phim tài liệu xoay quanh quan điểm về toàn cầu hoá của các nước. Tôi phỏng vấn Steve, sinh viên đại học Harvard, về ý kiến của thanh niên Mỹ đối với những chính sách đối ngoại của chính quyền Bush, và anh đã làm mọi người ngạc nhiên khi phát biểu: “Cũng như nhiều người trẻ tuổi ở nước tôi, tôi phải thú nhận rằng chính quyền chúng tôi không thật sự công bằng trong trò chơi toàn cầu. Họ nghĩ rằng họ mạnh hơn tất cả, và vì thế họ có quyền làm mọi điều họ muốn. Vậy toàn cầu hoá (globalization) thực chất chỉ là Mỹ hoá (Americanization), đó là điều tôi còn nghi ngờ”.

Khi bước trên đường phố London, qua tháp chuông Big Ben, điện Buckingham, quảng trường Trafalgar, sông Thames... tự nhiên tôi nhớ năm học cấp II, háo hức đọc bài viết trong sách giáo khoa Anh văn lớp 9 về những cảnh đẹp ở London trong giờ học tiếng Anh. Khi đó tôi không biết gì về vi tính, ít tham gia vào các hoạt động phong trào, London là một thành phố sương mù xa lắc xa lơ, “toàn cầu hoá” là một từ xa lạ cả VN còn chưa gia nhập ASEAN. Chỉ mới mấy năm mà biết bao nhiêu thay đổi, VN đã gia nhập cuộc chơi toàn cầu, đã là thành viên của ASEAN, APEC và hi vọng trong tương lai không xa lắm là WTO; tôi đã là sinh viên năm cuối đại học, thành viên ban chấp hành hội sinh viên TP.HCM, đã đi vài nước trên thế giới, được học bổng này qua mạng Internet và trở thành đại biểu duy nhất của VN tham gia chương trình, được thăm sân vận động bóng đá Highbury của câu lạc bộ Arsenal... Và hơn hết, được gặp gỡ và học hỏi từ những người bạn đủ quốc tịch, màu da nhưng cùng một ước mơ trở thành một trong “Những người trẻ tuổi làm thay đổi thế giới”.

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Xã hội 2.000 watt

Từ 8 đến 28-7-2004 tôi bay sang Thụy Sĩ để tham gia khoá đào tạo “Gặp gỡ thanh niên về phát triển bền vững”. Khoá học được tổ chức dưới chủ đề “cuộc sống cho 10 tỉ người”.

Một trong những hoạt động được 37 học viên, phần lớn là sinh viên cao học các khoa kỹ thuật, công nghệ và môi trường, hưởng ứng nhiệt tình nhất là buổi chinh phục dãy núi Alp của Thụy Sĩ. Dọc đường đi, bên những phiến đá mập mạp, hoa đủ màu mắc đua nhau nở mặc thời tiết buốt giá. Thỉnh thoảng bắt gặp những vũng tuyết trắng xoá trên triền núi nggy giữa mùa hù, cả đám lại ủa tới vốc tuyết ném nhau. Không khí trên núi trong như pha lê, ngọt như sương đọng trên bông hoa dại nở vàng bên dòng suối chảy xiết qua những viên đá cuội trắng muốt. Tôi hít căng lồng ngực không khí sớm mai, kéo tay cô bạn đi cùng: “Nghĩ gì vậy?”. “À, đang nghĩ làm thế nào để thành phố mình cũng được trong lành như thế này, không còn ô nhiễm, khói bụi, ồn ào nữa”. Cả đám nhao nhao: “Sao giống mình quá vậy?”.

Trên đường đi, chúng tôi ghé thăm nơi làm pho mát từ sữa bò vắ dê theo cách cổ truyền vùng Glarus. Thật thú vị khi biết được một đất nước phát triển như Thụy Sĩ, với những nhãn hiệu sôcôla và pho mát sản xuất hàng loạt nổi tiếng thế giới, vẫn còn giữ cách sản xuất thủ công như vậy. Thầy Roger giải thích: “Đây cũng là một khía cạnh nhỏ của phát triển bền vững, giữ lại cho các thế hệ sau những tinh hoa truyền thống”.

Ở túp lều treo leo trên đỉnh núi, chúng tôi được uống nước lấy từ những mạch nước ngầm tinh khiết trên đỉnh Alps và được chia nhóm để phân tích hoạt động của ba công ty lớn trên thế giới: Netstle, P&G và Sony. Bài giảng về mối quan hệ giữa kinh doanh và môi trường sau đó của thầy xem ra dễ hiểu hơn lúc nào hết, ngay cả đối với những bạn sinh viên không học ngành kinh doanh.

Một trong những bài học đáng nhớ nhất với chúng tôi là “Xã hội

2.000 watt”, do hai giáo sư Viện kỹ thuật Massachusetts (MIT) giảng dạy. Ở thời điểm hiện tại, năng lượng tiêu thụ bình quân toàn cầu là 2.000 watt mỗi đầu người, nhưng việc tiêu thụ này lại thay đổi từ mức chỉ 290 watt ở Ethiopia đến mức 10.000 watt ở Mỹ. Vậy làm sao để tạo lên một xã hội 2.000 watt trên khắp thế giới nhưng không phả từ bỏ những tiện nghi của lối sống phương Tây là một vấn đề khả thi về mặt kỹ thuật nhưng hết sức nan giải khi áp dụng. Thầy cũng đưa ra phương pháp tính mức tiêu thụ năng lượng của mỗi người, được chia làm năm phần chính: dùng trong hộ gia đình, phương tiện vận chuyển, dinh dưỡng, tiêu thụ cá nhân, tiêu thụ cộng đồng. Tôi vốn tự cho mình ít tiêu thụ năng lượng nên tá hỏa khi tổng cộng mức tiêu thụ của tôi lên đến gần 10.000 watt, nằm trong mức cao nhất thế giới, trong khi bình quân châu Âu chỉ gần 5.000. Thấy tôi ngồi thừ ra trước máy tính, Daniel – anh bạn người Áo, sinh viên ngành khoa học môi trường – cầm tờ giấy của tôi lên: “À, tại bạn đi máy bay nhiều quá thôi! Ôi trời, mỗi năm gần trăm tiếng đồng hồ, riêng khoản này đã chiếm gần 6.500 watt rồi còn đâu”.

Trong khi cả lớp vẫn còn bần thần với kết quả tiêu thụ năng lượng của mình, cô Michelle lên tiếng giới thiệu về tổ chức Khí hậu của tôi (My Climate), được thành lập với nỗ lực ngăn ngừa thay đổi khí hậu – một trong những vấn đề nan giải nhất của thế giới. My Climate giúp tiết kiệm năng lượng và giảm lượng CO₂ gây nên hiệu ứng nhà kính bằng cách xây dựng hàng trăm thiết bị làm nóng nước từ năng lượng mặt trời. Quỹ hỗ trợ dự án này được gây dựng từ những cá nhân, tổ chức và công ty tình nguyện nộp số tiền tương đương với mỗi quãng đường bay để bù đắp cho lượng CO₂ thải ra. (Ví dụ, Liên minh Phát triển bền vững toàn cầu đã tình nguyện góp cho My climate 127 USD cho chuyến bay khứ hồi TP.HCM – Zurich của tôi).

Trong khuôn khổ chương trình chúng tôi được mời xem bộ phim Hollywood Ngày mốt, nói về thảm họa tàn khốc do thiên nhiên gây ra. Hình ảnh những người dân Tokyo hoảng loạn chạy tránh và chết dưới những viên mưa đá to đùng, hay người dân New York bị đóng băng ngay lập tức với nỗi kinh hoàng vẫn còn trên mặt... làm tôi sợ cứng người. Nhưng có lẽ đắt nhất vẫn là chi tiết mà khoa học trả lời điện thoại với khuôn mặt thất thần: “Tôi biết điều này sẽ xảy ra nhưng không ngờ nhanh đến vậy”. Hôm sau, tại buổi picnic bên bờ sông Linthal, chúng tôi cùng ngồi bàn luận về bộ phim này. Thầy tôi nói: “Có ai ngờ năm 2003 băng lại tan trên đỉnh Alps của Thụy Sĩ

với mức kỉ lục 150m do thay đổi khí hậu? Chúng ta đang sống trong một thế giới mà tất cả mọi thứ đều có thể. Vậy nên trong tương lai các em phải là những người quyết định việc gì xảy ra và việc gì không được xảy ra”.

Nhưng có lẽ gây ấn tượng nhất trong tôi vẫn là hình ảnh “ăn trái xanh” của thầy Ludwig trong một buổi học. “Ở một ngôi làng nhỏ trên nước Mozambique, tất cả cư dân đều được sở hữu bất cứ loại trái cây nào họ hái được. Ban đầu mọi việc đều suôn sẻ cả tất cả đều cảm thấy hạnh phúc. Nhưng dần về sau, tất cả mọi người đều ăn trái còn xanh vì sợ đợi đến lúc chín người khác giành hái mất. Cứ như vậy, trái cây họ hái và ăn ngày một non dần... “. Vài phút trước đó, chúng tôi còn chia làm sáu nhóm “ấu ấu” nhau không thương tiếc trong trò chơi “Cá và ngân hàng” do thầy Jens hướng dẫn, trong đó mỗi nhóm – tượng trưng cho một tập đoàn đánh cá – đều tìm cách mua thật nhiều thuyền và đánh bắt cả gần bờ lẫn thật xa bờ để thu được nhiều lợi nhuận. Gần như không còn nhóm nào nghĩ đến nhóm khác, cũng như đến khả năng chịu đựng của đại dương. Nhưng càng ngày lượng cá đánh bắt càng ít dần đi và gần như bằng 0. Kết luận câu chuyện và cuộc chơi, thầy nói: “Các em có đầy đủ tố chất trở thành những nhà lãnh đạo tương lai, thông minh, đầy nhiệt tâm và có cái nhìn sâu rộng. Chỉ cần các em được hướng dẫn đi đúng đường mà thôi”.

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Nào cùng đi “gap year” tình nguyện

Trên thế giới, đặc biệt là ở châu Âu, rất thịnh hành chương trình “gap year”: Các bạn trẻ sau khi tốt nghiệp những chương trình tương đương trung học ở Việt Nam không vào đại học ngay mà bảo lưu kết quả, dành một năm liền đi du lịch ba lô, đi làm thêm kiếm tiền để trau dồi thêm hiểu biết về xã hội và thế giới.

Năm 2005, ở Anh có hơn 50.000 bạn trẻ vào độ tuổi 18, 19 đi gap year. Phần lớn các bạn đi du lịch vòng quanh thế giới “thuần túy”, số ít hơn đi lịch kết hợp làm việc có lương, chủ yếu là dạy tiếng Anh cho người địa phương. Nhưng xu hướng mới nhất vẫn là du lịch kết hợp tình nguyện: những chương trình như thế này rất phong phú, từ làm việc ở trại hè thiếu nhi Trung Quốc đến cứu rùa biển ở Mexico. Pauline, đến từ London, dành một phần gap year của mình dạy tiếng Anh ở Costa Rica trước khi về nước theo học chương trình dược tại đại học Bath. Cô chuẩn bị cho chuyến đi từ trước đó một năm, làm việc toàn thời gian trong nước trong vòng sáu tháng dành dụm tiền theo học một lớp đào tạo dạy tiếng Anh và mua vé máy bay sang Nam Mỹ. Số tiền đó cũng cho cô học thêm lớp căn bản tiếng Tây Ban Nha, ngôn ngữ chính ở Costa Rica, để dễ dàng hoà hợp với người địa phương hơn.

Ngôi làng cô đến dạy học có đồi núi bao quanh và chưa bị thương mại hoá do du lịch nên rất thanh bình và đáng yêu. Ở đó cô sống với một gia đình người địa phương và dạy học ở một trường cấp 1 công lập. Cô dạy nhiều lớp mỗi ngày, từ 7g sáng đến 12g trưa và tiếp tục từ 2g đến 5g chiều. Nhưng cô và các bạn đi cùng vẫn không thấy mệt vì “bọn trẻ dễ thương hết sức”. Ngày cuối cùng cô đứng lớp, các học sinh nhỏ tuổi còn tổ chức một buổi tiệc chia tay. “Thành quả lớn nhất của bọn mình là dạy cho bọn trẻ hát tiếng Anh, như bài “Anh thuỷ thủ đi ra biển” chẳng hạn”. Cô vừa nói vừa cười.

Chỗ ở của Pauline ở làng không được tiện nghi: mái tôn, không nước nóng, nhưng cô vẫn rất bằng lòng. “Nhà chúng tôi trên đỉnh núi. Tôi được người nhà cho ở phòng trên gác mái, đêm đêm, điện

cả láng thấp sáng và cảnh đẹp đến nỗi làm tôi nghệt thở”. Và cô cho biết cô không đổi những kỉ niệm vô giá ấy lấy bất cứ điều gì.

Lucy, 19 tuổi, từ Windsor, đi Honduras làm việc cho một tờ báo tiếng Anh tại đây.

“Chỉ sau tháng đầu tiên, biên tập tờ báo rời toà soạn còn mỗi mình tôi với một bạn phóng viên trẻ người địa phương cũng chỉ mới 18 tuổi phải cáng đáng tất cả dù không có chút kinh nghiệm nào. Công việc rất đa dạng: từ viết bài về các khách sạn cho đến phỏng vấn những băng nhóm gangster. Tôi học được mọi thứ: viết bài, gặp gỡ nhiều người thú vị, nhìn thấy sự vật từ một góc nhìn khác... Cách nhìn thế giới của tôi cũng thay đổi rất nhiều”

“Tôi tự đặt cho mình kế hoạch làm việc rất đàng hoàng. Tôi cũng được tiếp xúc làm bạn với rất nhiều người dân địa phương. Về định hướng nghề nghiệp, tôi hy vọng những kinh nghiệm này sẽ giúp ích tôi nhiều trong tương lai, khi tôi chọn nghề làm báo. Chương trình ở đây không chỉ là một năm du lịch gap year bình thường mà đã thay đổi đời tôi. Nghe có vẻ hơi “sáo”, nhưng thật đấy!”

Vốn mê bóng đá, Rob tình nguyện đến châu Phi xa xôi đăng ký dạy môn thể thao vua này. Đến Ghana cùng ba bạn trai cùng sở thích, Rob “hết hồn” ngay ngày đầu tiên khi phải dạy cùng một lúc 75 “học viên” rất ồn ào từ 9 đến 21 tuổi trên bãi đất trống của làng. “Nhưng rồi mọi việc cũng ổn, có bảy trái bóng cả thầy nên mình chia tất cả ra làm nhiều nhóm chơi, mỗi bên năm người. Chơi vui lắm, mình thật sự ngạc nhiên khi sau buổi chơi tất cả đều vỗ tay hoan hô tụi mình, lại còn tranh nhau xung phong mang giày “thầy” về chà sạch sẽ. 6 giờ sáng hôm sau, cả đám đã đứng trước cửa réo gọi mình dạy tiếp”. Sau vài buổi chơi, Rob chọn được 18 cầu thủ hay nhất để thi đấu tranh giải. Đội của anh chơi với những đội bóng làng bên, cũng được những bạn trẻ Anh tình nguyện dạy, trong tiếng trống ồn ào rất đặc trưng châu Phi và nhạc địa phương sôi động. “Đội mình vào được bán kết đấy nhé, nhưng thua ở loạt luân lưu 11m. Chắc lúc đó trông mình buồn lắm nên một cầu thủ trong đội mình chạy đến bảo: “Thầy Rob đừng lo, đó chỉ là trò chơi thôi mà!” và cả đội xúm lại an ủi mình trong khi đúng ra mình phải an ủi mới phải. Quả là những kỉ niệm vui quá chừng!”

Theo tờ The Observer gần đây, những bạn trẻ Anh làm tình nguyện trong “gap year” của mình có thể sẽ được chính phủ trả tiền học phí khi học đại học. Sáng kiến này nhằm khuyến khích thanh niên làm từ thiện nhiều hơn, đồng thời giúp đỡ những bạn trẻ gia đình thu nhập thấp hơn có điều kiện du lịch trong “gap year” của mình. Nhưng mục đích lớn nhất của chính sách này vẫn là giúp làm thuận thuận ý nghĩa trở thành tình nguyện viên cho cộng đồng không chỉ trong “gap year” mà cho cả cuộc đời.

Mặc dù ở Anh đến nay đã có hơn ba triệu bạn trẻ thực hiện những hoạt động tình nguyện dưới nhiều hình thức khác nhau, Gordon Brown – bộ trưởng tài chính Anh – vẫn muốn nhiều bạn trẻ giúp đỡ những nước đang phát triển trên thế giới, đúng theo tinh thần của chương trình Make Poverty History (tạm dịch: biến đổi nghèo thành quá khứ) mà chính phủ Anh vừa phát động cho cả nước vào năm 2005.

Hiện nay, để đăng ký tham gia với những cơ quan hay công ty tổ chức những chương trình tương tự của Rob, Lucy, hay Pauline, mỗi bạn trẻ phải bỏ ra một số tiền trung bình từ 50 triệu đến 200 triệu đồng VN chưa kể vé máy bay, cho từ một đến ba tháng làm việc tình nguyện không lương: dù là giúp đỡ trẻ mồ côi Việt Nam, săn sóc sư tử con ở Nam Phi hay chích thuốc cho người nghèo ở Ấn Độ. Vì vậy, phần lớn chỉ có những bạn trẻ gia đình tương đối khá giả mới có đủ tiền đi tình nguyện. Chỉ có khoảng 6% trong số 50.000 bạn trẻ tốt nghiệp trung học đi gap year chọn đi tình nguyện. Chương trình mới này của chính phủ đã làm nức lòng giới trẻ Anh và đã nhận được rất nhiều sự ủng hộ từ giới kinh doanh. Trong giai đoạn đầu, chỉ riêng sáu tháng nhà tài trợ chính đã tài trợ đến 3 triệu bảng Anh (tương đương hơn 90 tỉ đồng VN) để đóng tiền học phí đại học năm sau cho những bạn trẻ đi gap year vì cộng đồng, và trong giai đoạn sau chính phủ hy vọng sẽ có được thêm từ 6 đến 7 triệu bảng nữa.

Ở VN, rất cần những chương trình tương tự để khuyến khích các bạn trẻ hoạt động cộng đồng hơn nữa. Dĩ nhiên, những chương trình tình nguyện trong SVHS hiện nay, như Mùa hè xanh chẳng hạn, hoàn toàn do các bạn tự ý thức và có tấm lòng chia sẻ yêu thương, không chỉ vì hỗ trợ về tài chính mà đăng ký tham gia. Nhưng những hỗ trợ nhất định về tài chính ấy sẽ khuyến khích các bạn tham gia nhiều hơn và cũng cảm thấy an tâm hơn, nhất là đối với những bạn muốn

đi tình nguyện nhưng hoàn cảnh tương đối khó khăn. Đây quả là một điều rất nên học tập từ những nước tiên tiến trên thế giới.

(Theo Observer, Guardian)

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Hội chợ phù hoa

Bài viết này không nhằm mục đích bàn đến tiểu thuyết nổi tiếng Hội chợ phù hoa (Vanity fair) của William Makepeace Thackeray, chỉ mượn tựa đề nêu lên một vấn đề đáng suy nghĩ trong giới trẻ Việt Nam hôm nay: sở thích tiêu xài để chứng tỏ mình “bằng chị bằng em”.

Cách đây vài tuần, anh chàng giữ xe trong một quán cà phê nộ ở Sài Gòn vừa dắt xe cho tôi vừa hỏi: “Chùng nào chị về “bên” lại?”. Ngạc nhiên, tôi hỏi: “Bên nào? Người Việt mà”, anh chàng khẳng khái: “Chị ơi, chị là Việt kiều em cũng không lấy tiền thêm đâu, giàu làm gì! Người Việt bây giờ ai mà đi chiếc Cub 81 như chị” (?).

Kể chuyện cho mấy đứa bạn cũ, tui nó cười ngặt nghoẽ: “Thì đúng rồi, thời buổi này mấy ông chạy xe ôm còn đi xe xịn hơn”.

Quả thật, mới xa nhà có mười mấy tháng (chứ không phải mười mấy năm đâu nhé) mà tôi thấy mình quê mùa hết sức. Ngoài đường phố Sài Gòn bây giờ chạy toàn xe tay ga @, Dylan, Spacy, hay chí ít cũng Attila. Vậy là tôi trở thành Việt kiều trong mắt anh chàng nọ - và có lẽ của nhiều người khác không biết chùng - nhờ đi chiếc Honda cũ kỹ. Có điều chiếc xe “bôi bác” như nguyên văn lời đám bạn tôi mô tả này rất có ích trong những quãng đường ngập nước, ngay cả khi những chiếc xe máy đắt tiền chủ xe phải khổ sở xuống đất bộ. Cô bạn thân lương mỗi tháng chỉ 1,5 triệu đồng, mooic lần gặp là than thở những khoản đám cưới, sinh nhật... ngón hết số tiền còn côi, những vẫn tậu cho mình một chiếc xe tay ga xịn đàng hoàng. “Rồi xe hư tiền đâu mà sửa?”. Cô nàng cười: “Thì tời lúc đó tính, chứ bây giờ ai cũng đi xe này, mình đi mấy chiếc cũ quê thấy mồ! Pủ Sài Gòn còn đỡ, ra Hà Nội mà coi. Xe Dream, Wave đã lạc hậu sáu, bảy năm nay rồi đó”.

Tôi có đọc một bài về tình hình xe máy ở Việt Nam, những con số đáng giật mình. Bộ công nghiệp đã dự đoán đến năm 2010 số lượng

xe máy được sử dụng ở VN sẽ lên đến 16,6 triệu chiếc. Việc người người đua nhau mua xe “xịn” làm tôi nghĩ ngay đến tâm lý “sức ép từ những người đồng trang lứa” (tạm dịch từ tiếng Anh: peer pressure), khi ta tự nhiên cảm thấy phải làm một điều gì đó vì xung quanh ta ai cũng có. Đánh vào tâm lý này, các nhà sản xuất tha hồ hốt bạc ở VN vì nói theo ngôn ngữ bình dân, “người Việt nghèo mà ham sành”. Có lần tôi sang Thụy Sĩ, thấy ngoài đường chạy xe đời cũ của Toyota hay Ford, có cả xe Hàn Quốc nữa, mới bảo anh bạn người địa phương: “Cứ tưởng dân Thụy Sĩ giàu ai cũng chạy Audi với BMW” thì được biết: “Có xe gì chạy xe nấy chứ, miễn là còn tốt, không hao xăng, không chết máy thì thôi”. Mới đây tình cờ đọc cuốn Mười vạn câu hỏi vì sao có đề cập đến sức ép tâm lý này (mà sách gọi là “hiệu ứng theo đàn”), tôi thấy câu trả lời khếp lại với: “Nói chung, người có trí thông minh càng cao, tinh thần càng vững và quan điểm riêng càng mạnh, càng khó hành động mù quáng theo đàn”. Mà phải đâu giới trẻ VN mình không thông minh? Những giải thưởng quốc tế về giáo dục cũng như việc sinh viên ta ở nước ngoài lúc nào cũng học tập xuất sắc hơn người chúng tỏ trí thông minh của chúng ta có thừa. Vậy phải chăng tinh thần giới trẻ chúng ta không vững và quan điểm riêng không mạnh, nên nếu hình thức bề ngoài không “sang trọng”, đắt tiền bằng người khác lại cảm thấy bất an?

Tuần trước, tôi đang đi dạo quanh Diamond Plaza tìm mua một ít đồ dùng (mỗi cả chân cuối cùng cũng chỉ mua được... một cái gối vì đồ trong này mắc quá) thì có tin nhắn trong điện thoại cầm tay. Sau khi tôi đọc xong tin nhắn và gửi trả lời, định cất máy vào túi, có một đôi bạn trẻ khoảng chừng 19, 20 tuổi bước lại hỏi: “Chị mua cái Motorola này ở nước ngoài phải không chị?”. Đúng là chiếc điện thoại này khá hiện đại, tôi được tặng và đã dùng hơn một năm ở Anh, nay đem về VN dùng luôn, nhưng bề ngoài rất bình thường không có vẻ gì “lộng lẫy” như trong những quảng cáo điện thoại di động nhan nhản trên các phương tiện thông tin ở đây hết. Tôi gật đầu xác nhận nhưng vẫn không giấu vẻ ngạc nhiên: “Bộ hai đứa em bán cửa hàng điện thoại hay sao mà sành quá vậy?”. Cô gái nọ liếc anh bạn trai đi cùng: “Thấy chưa?” rồi trả lời tôi: “Thì mua xài, rồi đổi điện thoại mới riết sành luôn. Cái điện thoại của chị ở VN không có đâu”. Khi tôi hỏi còn trẻ lấy tiền đâu đổi điện thoại mới hoài thì anh chàng nhún vai: “Ông bà già cho chứ đâu”.

Báo Tuổi trẻ cho biết theo thống kê của công ty nghiên cứu thị trường GFK Asia Pte, trong sáu tháng đầu năm 2005, 1,6 triệu chiếc điện thoại mới đã được bán hết trên thị trường VN, gấp đôi dự đoán ban đầu, và con số này còn có thể cao hơn nữa vào sáu tháng cuối năm nay. Quả là một mảnh đất màu mỡ cho các đại gia trong ngành sản xuất điện thoại di động. Khi ngồi dự một đám cưới, điện thoại anh bạn từ thời đại học ngồi cùng bàn tôi réo inh ỏi. Anh đang nghe chiếc này thì từ trong túi một chiếc điện thoại nữa réo lên, lại phải lập cập xin lỗi người ở đầu dây bên kia để ngừng nói chuyện. Anh xong hai câu chuyện ở hai máy, tôi tính hỏi “Sao phải làm khổ mình vậy trời!” nhưng thôi. Mà đây không phải trường hợp hiếm hoi, rất nhiều người bạn của tôi cá hai điện thoại cùng lúc, toan loại không mới nhất thì mới nhì trên thị trường. Mà cơ khổ, sở hữu nhiều điện thoại nên có lúc nào được yên đâu. Các nghiên cứu trên thế giới đã cho thấy những tác hại của điện thoại di động đến não bộ và cơ thể nếu dùng trong thời gian dài, và còn cảnh báo đến việc dùng điện thoại di động có ảnh hưởng xấu đối với sức khỏe trẻ em. Nhưng dường như người tiêu dùng VN, đặc biệt là giới trẻ vẫn bỏ ngoài tai.

Chuyện “hội chợ phù hoa” của VN không chỉ dừng lại ở đó. Tôi theo bà chị ruột đang là giám đốc marketing và PR cho một khách sạn năm sao của Sài Gòn đến khu Parkson của Saigontourist, mà theo lời bà chị, “dẫn em đi cho biết chứ mỗi lần tới đây chị không mua được gì hết á!”. Quả thật những nhãn hiệu như Dolce & Gabbana hay Versace, ngay cả người nước ngoài cũng phải là dân thật giàu mới mua nổi, lại được bày bán trong này và vẫn có khách hàng, Lúc chúng tôi còn đứng ngoài cửa, một chiếc Mercedes Kompressor bóng lộn dừng lại cho một cô nàng trẻ măng đồng đánh bước xuống đi vào. Bà chị tôi bảo: “Mấy con nhỏ đang trong thời kỳ cố gắng “hôi của” từ mấy ông bồ đó mà”.

Chuyện này làm tôi suy nghĩ mãi. Tôi nhớ thời ở Anh, anh bạn thân học cao học cùng trường chở tôi về nhà chơi. Ngang qua một ngôi nhà nọ cách nhà anh khoảng 1km, anh chỉ: “Hồi học cấp II, tôi đi giữ em cho nhà này nè”. Ba mẹ anh khá sung túc và ở một khu rất giàu có gần London, chỉ riêng ngôi nhà đã được định giá với số tiền bằng Anh tương đương hàng triệu USD. Tôi ngạc nhiên hỏi: “Đi giữ em bao lâu? Rồi anh có làm gì nữa không?”. “Giữ em khoảng một năm. Hồi nhỏ hơn có đi giao báo, rồi lúc học đại học nghỉ hè đi làm thu ngân siêu thị nữa”.

Giọng anh rất thản nhiên, không tự hào cũng không xấu hổ, như thể đó là một điều rất bình thường. Mà quả đó là một điều rất bình thường, chỉ có điều khi nghĩ về những cô nàng trẻ đẹp trong thời kỳ đi “hôi cửa”, hay những bạn trẻ thoả sức lấy tiền cha mẹ đổi điện thoại di động và mua xe đời mới ở VN, tôi lại thấy nao nao trong lòng.

Ngón Tay Mình Còn Thơm Mùi Oải Hương

Thay lời kết

Khi đọc đến trang cuối này, bạn đã cùng tôi đi qua những mùa xứ là. Ở Anh tôi không còn dáo dác nhìn xem hoàng tử William có đứng đâu đó không vì đưa bạn gái ở nhà dận bao giờ thấy “chàng” nhớ chụp hình chung đem về cho coi. Tôi biết được Liechtenstein tuy đá banh dở nhưng giàu nứt đổ đổ vách, còn về phần ẩm thực, nếu đến Đức mà chưa vào vườn bia ăn xúc xích với sauerkraut, cũng như đến Bỉ chưa ăn bánh waffle mới ra lò hay sò hấp rượu vang, đến Ý chưa uống cappuccino hay espresso, xem như chưa đến.

Nếu bạn đi Scotland, tôi sẽ dẫn nhớ ghé thủ đô vào tháng tám xem liên hoan quốc tế Edinburgh, không chỉ là cơ hội rất tốt để xem các anh Scotland mặc váy carô mà còn để xem những tác phẩm cổ điển nổi tiếng khắp hành tinh. Tôi cũng biết mỗi lần đang Thụy Sĩ khi hôn xã giao phải chìa má ra cho người ta hôn đủ ba “miếng” mới đúng phép, còn ở Tây Ban Nha hôn xã giao lại áp má vào nhau. Tôi cũng thề khờ ăn uống phủ phê ở Pháp để đến nỗi phải trúng thực hai đêm liền nằm rên hừ hừ, cũng không dại gì chọc ngỗng trời để ngỗng đầu đàn rượt chạy toé khói như ở Hi Lạp. Những chuyện ma lâu đài xứ Wales không làm tôi sợ nữa, còn đạo chích châu Âu cũng đừng hòng giở trò với tôi sau kinh nghiệm thương đau mất hết tiền bạc giấy tờ hộ chiếu phải vất vưởng như “cùi com xác mía” trước giáng sinh ở Áo.

Tôi sẽ không ngạc nhiên khi nghe chuyện ông trung niên người Hà Lan nọ đã có vợ con, bỗng một hôm tuyên bố mình là “gay” và quen một anh chàng hai mấy tuổi, ai đến nhà chơi cũng tưởng anh này là bạn trai của con gái ông. Cũng như không thắc mắc sao đường phố Thụy Điển đầy nhưng ông bố cao lớn tóc vàng vừa trò chuyện rôm rả với nhau vừa đầu xe nô em bé vì tôi biết các bà mẹ trẻ đã đi làm để chồng tình nguyện ở nhà giữ con.

Hơn tất cả, qua không ít lần hội nghị, gặp gỡ những người bạn cùng trang lứa, tôi càng có cơ hội học tập và trưởng thành. Những người bạn mà tôi từng gặp – đây là những con người trẻ tuổi sâu sắc trong nhận thức, nhiệt tình trong hành động và chân thành trong các mối

quan hệ. Những “thu hoạch” mà tôi chắc lọc từ những bài viết trên đây, chỉ phản ánh phần nào quan điểm sống của giới trẻ châu Âu ngày nay. Song tôi luôn hi vọng đó là tấm gương để bạn trẻ Việt Nam có dịp soi vào và suy nghiệm với hoàn cảnh của mình.

Tóm lại, dĩ nhiên tôi không dám nhận mình biết rõ châu Âu như dân bản xứ hay những người đã sống ở lục địa xinh đẹp này nhiều năm, song tôi cũng không còn là cô cái ngòi ngắn ngòi nhìn châu Âu hiện ra dần trong sương sớm trên chuyến xe điện từ sân bay Heathrow bốn năm về trước.

Nhưng lạ trời, những cảm xúc về châu Âu của tôi so với ngày ngo ngác kia dường như vẫn còn nguyên vẹn.

HẾT

Nguồn: qiuhe - VNthquan - Thư viện Online
Người đăng: Thanh Vân
Thời gian: 18/11/2008 12:35:27 SA